

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội
To: Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Name of organization: VSC GREEN LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: GIC

- Địa chỉ: Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Address: Lot CC2 - MP Dinh Vu Industrial Park, Dong Hai Ward, Hai Phong City, Vietnam

- Điện thoại liên hệ/Tel: 0225 283 8666 Fax: 0225 2838898

- E-mail: fgd@greenicd.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Công ty cổ phần VSC Green Logistics công bố thông tin Thông báo Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và Chào bán cổ phiếu ra công chúng và các văn bản kèm theo.

VSC Green Logistics Joint Stock Company announces the Notice Regarding the stock issuance for dividend payment and Public offering of shares and related documents.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 11/02/2026 tại đường dẫn www.greenicd.com.vn.

This information was disclosed on the Company's website on February 11th, 2026, at the following link: www.greenicd.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We pledge that the information disclosed above is true and accurate, and we shall be fully responsible before the law for the contents of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Thông báo Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và các văn bản kèm theo.

Notice Regarding the stock issuance for dividend payment and Public offering of shares and related documents.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật

Legal representative



GIÁM ĐỐC

Dòng Trung Hải

Số: 07/2026/TB-GIC

Hải Phòng, ngày 10 tháng 02 năm 2026

THÔNG BÁO

Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và Chào bán cổ phiếu ra công chúng

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng Số 33/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/01/2026)

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

- Tên Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics.
- Tên viết tắt: GIC
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô CC2 - khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng, Việt Nam
- Số điện thoại: (84-225) 2838 666 Số fax: (84-225) 2838 689 Website: www.greenicd.com.vn
- Vốn điều lệ: 121.200.000.000 đồng.
- Mã cổ phiếu: GIC
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng Số hiệu tài khoản: 12118888
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà số doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017, thay đổi lần thứ 4 ngày 13/03/2025 do Sở Tài chính cấp
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Mã ngành: 5229
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa và vệ sinh container.
- Giấy phép thành lập và hoạt động: Không có

II. Mục đích chào bán

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024;
- Bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

III. Phương án chào bán

A. Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần VSC Green Logistics
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 12.120.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.120.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.212.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 12.120.000.000 đồng.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới)
- Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của GIC.
- Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị hủy bỏ
- Ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền: **03/03/2026**

B. Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần VSC Green Logistics
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu chào bán: 12.120.000 cổ phiếu, trong đó:



- Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 12.120.000 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 cổ phiếu.
4. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.
 5. Tổng giá trị vốn huy động: 121.200.000.000 đồng, trong đó:
 - Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 121.200.000.000 đồng;
 - Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng.
 6. Phương thức phân phối: Chào bán thêm cho các cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
 7. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: Không quy định.
 8. Thời gian nhận đăng ký mua cổ phiếu: Từ ngày 09/03/2026 đến ngày 15/04/2026
 9. Địa điểm nhận đăng ký mua cổ phiếu:
 - Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các thành viên lưu ký: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại thành viên lưu ký đó.
 - Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: thì việc đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại Trụ sở Công ty Cổ phần VSC Green Logistics (địa chỉ: Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng).
 10. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 09/03/2026 đến ngày 15/04/2026
 11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:
 - Số tài khoản: 100303950
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng
 12. Các tổ chức liên quan:
 - Tổ chức tư vấn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

Địa chỉ: Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 4456 8888

Website: <http://vixs.vn/>

- Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Số 29, đường Lê Duẩn, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (+84 28) 3823 0796

Website: www.pwc.com/vn

13. Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền: **03/03/2026**

14. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:

Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

Địa chỉ: Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng, Việt Nam

Số điện thoại: (84-225) 2838 666

Website: www.greenicd.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX

Địa chỉ: Tầng 22, Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 4456 8888

Website: <http://vixs.vn/>

Thông báo này thay thế thông báo số 05/2026/TB-GIC ngày 03/02/2026.

Hải Phòng, ngày 10 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Đông Trung Hải



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HẠM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017, thay đổi lần thứ 4 ngày 13/03/2025 do Sở Tài chính cấp)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 33.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 01 năm 2026.)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại địa điểm sau từ ngày: ...

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Trụ sở chính: Lô CC2 – Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Tp. Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 2838666

Fax: (0225) 2838689

Website: www.greenied.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Ông: Đồng Trung Hải

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: (0225) 2838666

**CÔNG TY CỔ
PHẦN VSC
GREEN
LOGISTICS**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
VSC GREEN LOGISTICS
DN: C=VN, L=HẢI PHÒNG, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0201768923
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.02.04 13:05:32+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 2025.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội
Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017, thay đổi lần thứ 04 ngày 13/03/2025 do Sở Tài chính cấp)*

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- ❖ Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần VSC Green Logistics
- ❖ Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- ❖ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ❖ Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 13.332.000 cổ phiếu
- ❖ Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 133.320.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm ba mươi ba tỷ, ba trăm hai mươi triệu đồng)*

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

- ❖ **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM) TẠI HÀ NỘI (KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 VÀ NĂM 2024)**

Trụ sở chính: Tầng 16, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lô E6, Khu đô thị Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3946 2246 Fax:

Website: www.pwc.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

- ❖ **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX**

Trụ sở chính: Tầng 22, 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 4456 8888 Fax: (84-24) 3978 5380

Website: <https://vixs.vn>

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	5
1.	Tổ chức phát hành	5
2.	Tổ chức tư vấn	5
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1.	Rủi ro về kinh tế	5
2.	Rủi ro về luật pháp.....	9
3.	Rủi ro đặc thù.....	9
4.	Rủi ro về đợt chào bán.....	12
5.	Rủi ro pha loãng.....	12
6.	Rủi ro quản trị công ty	13
7.	Rủi ro khác.....	14
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC TỪ HOẶC NHÓM TỪ VIẾT TẮT	14
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	15
1.	Thông tin chung về Tổ chức phát hành	15
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	15
3.	Cơ cấu tổ chức của Công ty	17
4.	Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý Công ty	18
5.	Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:.....	21
6.	Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty.....	22
7.	Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác... 23	23
8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	23
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	24
10.	Hoạt động kinh doanh.....	24
11.	Chính sách đối với người lao động.....	53
12.	Chính sách cổ tức.....	54
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	55
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	55
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tái chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	55
16.	Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích.....	55
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	55
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	55
2.	Tình hình tài chính.....	57
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty	62
4.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	62
VI.	THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	64

1.	Thông tin về cổ đông sáng lập.....	64
2.	Thông tin về cổ đông lớn.....	64
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.....	67
VII.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	80
1.	Loại cổ phiếu.....	80
2.	Mệnh giá cổ phiếu.....	80
3.	Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành.....	80
4.	Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá.....	80
5.	Giá chào bán dự kiến (<i>đối với cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu</i>).....	80
6.	Phương pháp tính giá.....	80
7.	Phương thức phân phối.....	80
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	82
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	83
10.	Phương thức thực hiện quyền.....	83
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	84
12.	Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu.....	84
13.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	84
14.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	84
15.	Các loại thuế có liên quan.....	84
16.	Thông tin về các cam kết.....	86
17.	Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	86
VIII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	86
IX.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	86
1.	Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.....	86
2.	Phương án xử lý trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu chào bán hoặc không đủ số vốn huy động từ đợt chào bán.....	87
3.	Thông tin về bổ sung vốn lưu động.....	88
4.	Thông tin về việc đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.....	90
X.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	95
1.	Tổ chức kiểm toán.....	95
2.	Tổ chức tư vấn.....	95
XI.	PHỤ LỤC.....	96

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Ông: Nguyễn Đức Dũng Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: Đồng Trung Hải Chức vụ: Giám đốc

Bà: Nguyễn Thị Thu Hằng Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Ngọc Lân

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 1102/2025/HĐTVPH/GIC-VIX ngày 14 tháng 03 năm 2025 với Công ty Cổ phần VSC Green Logistics. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần VSC Green Logistics cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro là khả năng xảy ra sự kiện bất lợi hoặc không mong muốn, gây ra biến động hoặc thiệt hại cho kết quả kinh doanh và/hoặc giá cả chứng khoán của Công ty. Rủi ro có thể đến từ các yếu tố bên ngoài như tình hình kinh tế, luật pháp, rủi ro bất thường từ thiên tai, dịch bệnh... và do các yếu tố chủ quan xuất phát từ bên trong Công ty.

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics ("GIC") là khai thác bãi container và cung cấp các dịch vụ liên quan như bảo quản, sửa chữa container. Hoạt động kinh doanh của GIC có thể chịu ảnh hưởng rủi ro bởi các yếu tố dưới đây:

1. Rủi ro về kinh tế

1.1 Tăng trưởng kinh tế

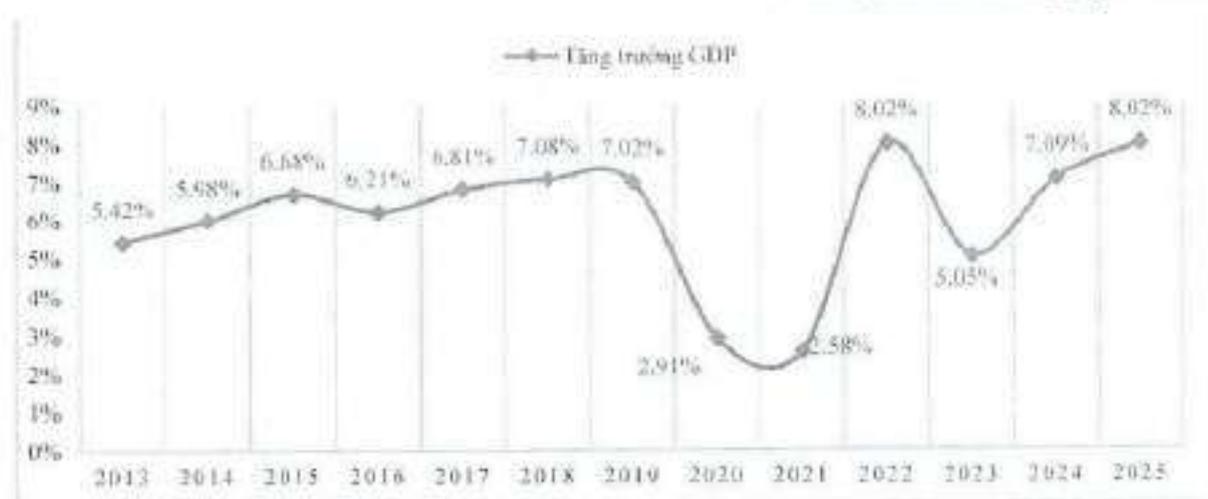
Biến động của môi trường kinh tế vĩ mô có thể tác động đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tại hầu hết các ngành nghề nói chung và GIC nói riêng. Nền kinh tế sôi động, tăng trưởng tích cực là môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp có nhiều cơ hội để phát triển và ngược lại. Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành cảng biển – logistics như GIC, tình hình tăng trưởng hoạt động thương mại và xuất nhập khẩu sẽ ảnh hưởng trực tiếp lưu lượng hàng hóa qua các cảng, bãi container, do vậy có tác động sâu sắc lên kết quả kinh doanh của Công ty.

Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực so với năm trước. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2024 đạt 476,3 tỷ USD, tăng trưởng 7,09% so với năm 2023. Mức

tăng trưởng GDP năm 2024 trở về mức gần tương đương với giai đoạn 2018 - 2019 trước đại dịch Covid-19, và là năm tăng trưởng cao thứ hai trong giai đoạn 5 năm gần nhất 2020 – 2024, chỉ thấp hơn mức tăng năm 2022 là năm nền kinh tế khôi phục từ mức nền thấp do dịch bệnh. Trong năm 2024, có 9/12 tháng có Chỉ số Quản lý thu mua (PMI) đạt trên ngưỡng 50, cho thấy rằng mặc dù chưa hoàn toàn vượt qua giai đoạn khó khăn, sức sản xuất của nền kinh tế đã dần có sự phục hồi đáng kể so với năm 2023. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 8,4% so với cùng kỳ, với động lực từ các ngành công nghiệp chế biến chế tạo và xây dựng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành cả nước ước đạt 6.391 nghìn tỷ đồng, tăng 9,0% so với năm trước, nếu loại trừ yếu tố lạm phát thì tốc độ tăng trưởng đạt 5,9%, giảm 0,9 điểm phần trăm so với mức 6,8% của năm 2023 do lĩnh vực bán lẻ hàng hóa tăng trưởng thấp hơn cùng kỳ. Xuất – nhập khẩu là điểm sáng của nền kinh tế với tăng trưởng hai chữ số, nhờ đó mà ngành vận tải, kho bãi cũng đã đạt mức tăng ấn tượng là 10,82%, đóng góp 0,68 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế năm 2024.

Biểu đồ 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam

Đơn vị: % so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Năm 2025, GDP cả nước tăng trưởng ước đạt 8,02% so với năm 2024, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011 – 2025. Trong mức tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%. Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp đạt mức tăng cao nhất kể từ năm 2019 đến nay. Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP năm 2025 có tăng trưởng bứt phá so với cùng kỳ, đạt mức 9,2%. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp năm 2025 ước tăng 8,80% so với năm trước, đóng góp 35,15% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong khu vực dịch vụ, các ngành có đóng góp nổi bật bao gồm: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,52% so với năm trước, đóng góp 10,62% vào mức tăng GDP; ngành vận tải, kho bãi tăng 10,99%, đóng góp 8,69%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,82%, đóng góp 5,72%. Hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục đà tăng trưởng với kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng 17,0% và kim ngạch nhập khẩu tăng trưởng 19,4% so với năm 2024.

Năm 2026, mục tiêu tăng trưởng kinh tế đã được Quốc hội giao là từ 10% trở lên. Ngành logistics vận tải, kho bãi sẽ được hưởng lợi trực tiếp khi hoạt động thương mại trong nước và xuất nhập khẩu tăng trưởng. Ngược lại, rủi ro chậm tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ tác động lên tình hình giao thương hàng hóa và ngành cảng biển – logistics.

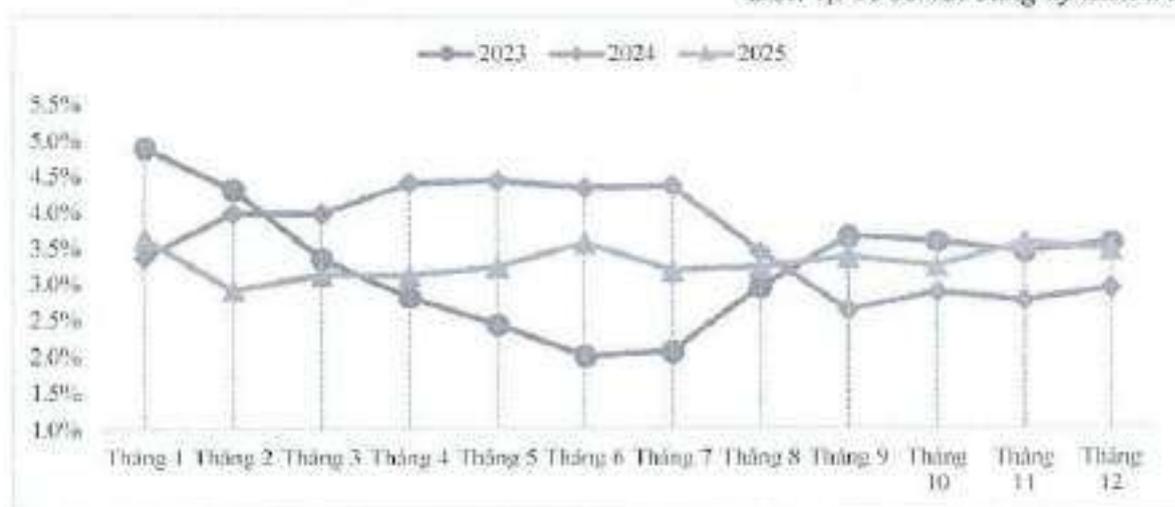
1.2 Lạm phát

Rủi ro lạm phát xảy ra khi mức giá chung của hàng hóa và dịch vụ trong nền kinh tế liên tục tăng lên, dẫn đến giảm sức mua và mất giá của tiền tệ. Tình hình lạm phát thường được đo lường qua chỉ số lạm phát cơ bản, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và chỉ số giá sản xuất (PPI).

Lạm phát luôn tồn tại song song với tăng trưởng kinh tế, phần lớn nghiên cứu và quan điểm đều chỉ ra rằng nếu lạm phát ở mức thấp nhất định, thì lạm phát sẽ có tác động tích cực hoặc không rõ ràng đến tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên nếu lạm phát tăng cao thì chắc chắn có ảnh hưởng tiêu cực. Lạm phát vượt mức có thể dẫn đến giảm tổng cầu do xu hướng thắt chặt chi tiêu, đối với các doanh nghiệp thì lạm phát sẽ làm tăng các chi phí đầu vào như lương của người lao động, chi phí nguyên liệu, nhiên liệu và dịch vụ, thậm chí có thể làm tăng chi phí tài chính nếu Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tăng lãi suất để kiểm soát lạm phát.

Biểu đồ 2: Chỉ số giá tiêu dùng Việt Nam

Đơn vị: % so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Tình hình lạm phát thường được đo lường một cách phổ biến nhất qua chỉ số lạm phát cơ bản và chỉ số giá tiêu dùng (CPI). Kế hoạch lạm phát năm 2025 của Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát tương đối thận trọng, ở mức 4,5 - 5% theo Nghị quyết 192/2025/QH15 ngày 19/02/2025. Năm 2025, Ngân hàng nhà nước Việt Nam (NHNN) điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, nhằm kiểm soát lạm phát, góp phần tăng trưởng kinh tế. Theo số liệu từ Tổng cục thống kê, chỉ số CPI của các tháng năm 2025 nhìn chung đều nằm trong ngưỡng kiểm soát lạm phát và có biến động ổn định hơn so với 2 năm liền trước 2023 - 2024. Bình quân cả năm 2025, lạm phát cơ bản tăng 3,21% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 3,44% của CPI bình quân chung, nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, giá dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Đối với GIC, chi phí hoạt động thường tương đương với 88 - 90% doanh thu hàng năm, còn lại là phần chi phí tài chính khá nhỏ do Công ty không có nợ vay. Các chi phí quan trọng như chi phí lương nhân viên, hoa hồng, nguyên vật liệu, dịch vụ mua ngoài... là khoản mục chịu ảnh hưởng của rủi ro lạm phát.

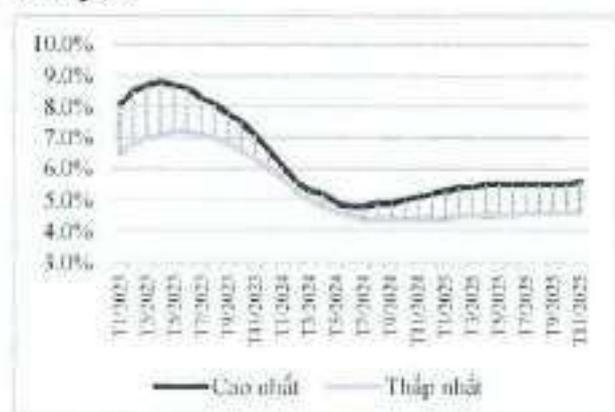
1.3 Lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi lãi suất biến động, ảnh hưởng trực tiếp đến lãi/lỗ tài chính của doanh nghiệp. Mức độ ảnh hưởng của rủi ro lãi suất lên từng ngành hoặc từng doanh nghiệp là khác nhau,

phụ thuộc vào cấu trúc nguồn vốn và tài sản. Doanh nghiệp có hệ số nợ cao sẽ dễ tổn thương hơn khi mặt bằng lãi suất đi lên do chi phí lãi vay tăng cao bào mòn lợi nhuận, tuy nhiên doanh nghiệp có tỷ trọng đầu tư tài chính đáng kể và giữ lượng tiền gửi ngân hàng lớn sẽ được lợi nhờ thu nhập từ lãi tăng.

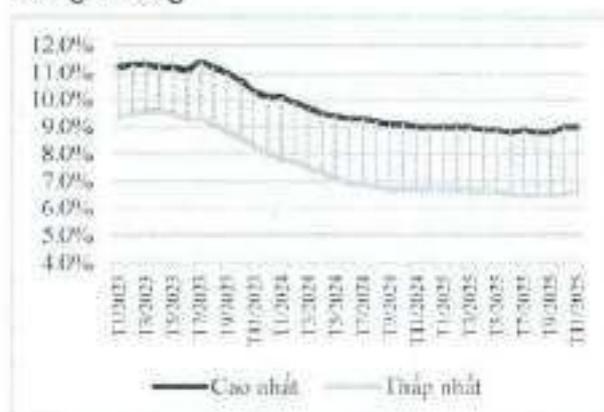
Trong 09 tháng đầu năm 2025, mặt bằng lãi suất ngân hàng khá ổn định và được duy trì ở mức thấp so với giai đoạn lãi suất lập đỉnh vào năm 2023 với lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng chủ yếu ở mức quanh 5,5% - 6%/năm. Diễn biến lãi suất trong Quý IV/2025 đã có xu hướng tăng nhẹ tại các nhóm ngân hàng thương mại cổ phần, trong khi nhóm ngân hàng thương mại Nhà nước vẫn giữ mức lãi suất không thay đổi nhiều so với quý liền trước. Mặt bằng lãi suất trong Quý IV/2025 tăng nhẹ theo chu kỳ do nhu cầu vốn cuối năm tăng, đà tăng trưởng của dư nợ tín dụng là động lực chính giúp lãi suất phục hồi, mặt khác tỷ giá USD/VND tăng cao gây áp lực lên lãi suất để ổn định đồng VND.

Biểu đồ 3. Lãi suất huy động kỳ hạn 6-12 tháng bình quân



(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của các NHTM)

Biểu đồ 4. Lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh thông thường



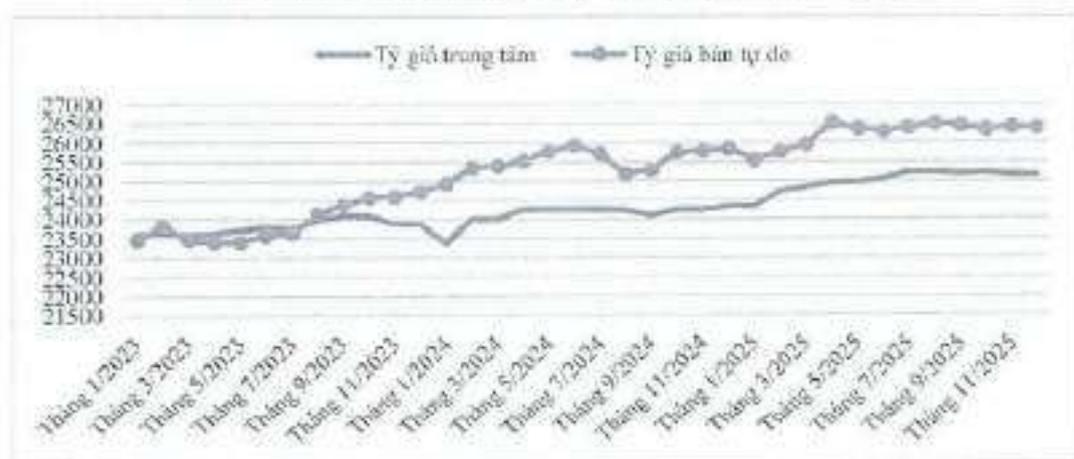
(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của các NHTM)

Hiện nay, GIC không sử dụng nợ vay, không phát sinh chi phí lãi vay. Do vậy, đối với GIC rủi ro lãi suất là gần như không có hoặc không đáng kể.

1.4 Tỷ giá

Biến động tỷ giá hối đoái có thể ảnh hưởng lên doanh thu của Công ty trong trường hợp giá dịch vụ cung cấp với các khách hàng nước ngoài được tính theo USD. Đối với đầu vào, giá nhiên liệu và chi phí nhập khẩu máy móc từ nước ngoài đều chịu tác động khi tỷ giá biến động. Như vậy, tỷ giá hối đoái có thể ảnh hưởng đến cả đầu vào, đầu ra và hoạt động đầu tư của Công ty.

Biểu đồ 5. Diễn biến tỷ giá USD/VND năm 2023 – 2025



Nguồn: Tổng hợp từ Ngân hàng Nhà nước và Vietcombank

Tỷ giá USD/VND đã có xu hướng tăng mạnh trong năm 2024 và tiếp tục đi lên trong năm 2025. Tỷ giá trung tâm bình quân cả năm 2024 ước tính đã tăng 1,4% so với năm liền trước, trong khi tỷ giá bán tự do bình quân tăng mạnh đến 6,7% so với bình quân cùng kỳ và đạt mốc lịch sử, chạm ngưỡng 25.500. Năm 2025, tỷ giá USD/VND tiếp tục đi lên với tỷ giá trung tâm tại thời điểm cuối tháng 12/2025 ước tính đã tăng khoảng 3,2% so với cùng kỳ năm 2024 và tỷ giá bán tự do nằm trên mốc 26.300. Tỷ giá trong năm 2025 tăng cao có thể chủ yếu do các nguyên nhân từ trong nước, bao gồm việc Kho bạc Nhà nước chào mua USD từ các ngân hàng thương mại, đặc biệt là trong 6 tháng đầu năm khiến cho nguồn cung ngoại tệ thắt chặt, trong khi nhu cầu ngoại tệ của các doanh nghiệp trong nước cao để phục vụ hoạt động nhập khẩu. Trong năm 2025, cán cân thương mại của khu vực doanh nghiệp trong nước nhập siêu 29,43 tỷ USD. Mặt khác, chính sách nới lỏng tiền tệ của NHNN trong năm 2025 và việc lãi suất VND liên ngân hàng giảm đã khiến chênh lệch lãi suất VND – USD đảo chiều âm mạnh, gây thêm áp lực lên tỷ giá.

Đối với GIC, công ty chỉ có hoạt động cung cấp dịch vụ nâng hạ, sửa chữa container trong lãnh thổ Việt Nam, không có hoạt động xuất khẩu, đồng thời hiện không có khoản vay hoặc khoản đầu tư bằng đồng ngoại tệ, hoạt động kinh doanh Công ty hiện tại không chịu ảnh hưởng trực tiếp từ rủi ro tỷ giá.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam là nước thuộc nhóm đang phát triển, nền kinh tế đang trong quá trình phát triển và hội nhập ngày càng sâu và rộng với kinh tế thế giới. Khung pháp lý luật pháp trong giai đoạn tăng tốc phát triển này vẫn đang được xây dựng và hoàn thiện liên tục để bắt kịp tốc độ thay đổi và phát triển của kinh tế – xã hội, do vậy sự thay đổi và chỉnh lý về chính sách là khó tránh khỏi. Đối với riêng lĩnh vực cảng biển – logistics, trong những năm gần đây đã có thay đổi quan trọng về pháp lý về chính sách như quy định về quản lý tuyến vận tải, quản lý giá dịch vụ và các chính sách thúc đẩy đầu tư cơ sở hạ tầng.

Mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những ảnh hưởng khó đoán trước tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nếu không có sự thích ứng và điều chỉnh kịp thời. Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty Cổ phần VSC Green Logistics liên tục theo dõi và nghiên cứu những thay đổi của các văn bản pháp luật điều chỉnh liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện xây dựng và duy trì áp dụng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật, kết hợp với tham vấn từ các đơn vị thuê ngoài với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

Với sự ổn định của môi trường pháp lý, sự chấp hành nghiêm chỉnh các quy định chung của pháp luật cũng như những yêu cầu riêng của ngành trong các hoạt động của GIC, có thể thấy rủi ro về pháp luật không phải là những rủi ro đáng kể đối với Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro biến động mạnh về hoạt động xuất nhập khẩu

Sản lượng hàng hóa xuất nhập khẩu chiếm khoảng 85 – 90% tổng lượng hàng lưu thông qua khu vực cảng biển Hải Phòng, còn lại là hàng hóa của các tàu thủy nội địa. Hoạt động thương mại xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ có tác động lớn và trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Biểu 6: Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam 2024 - 2025 (tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Tình hình xuất nhập khẩu trong năm 2025 vẫn là điểm sáng của nền kinh tế với tốc độ tăng trưởng khả quan. Lũy kế hết năm 2025, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17,0% so với năm 2024, với động lực chính là nhóm hàng công nghiệp chế biến; tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 455,01 tỷ USD, tăng 19,4% so với năm 2024, trong đó nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm 93,6% kim ngạch. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 20,03 tỷ USD, góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nguồn ngoại tệ và củng cố dự trữ ngoại hối quốc gia. Về thị trường, Mỹ vẫn là đối tác xuất khẩu lớn nhất của nước ta, chiếm 32% tổng kim ngạch xuất khẩu trong năm 2025.

Rủi ro bất ngờ từ cuộc chiến thuế quan giữa Mỹ và các nước trên thế giới có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình xuất nhập khẩu. Đầu tháng 4/2025, Tổng thống Mỹ đã công bố chính sách thuế quan mới của Mỹ, theo đó Mỹ sẽ áp thuế cơ bản 10% đối với hàng nhập khẩu từ tất cả các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới từ ngày 05/04/2025 và áp các mức thuế đối ứng khác nhau với từng đối tác thương mại kể từ ngày 09/04/2025. Tính đến thời điểm cuối Quý III/2025, mức thuế xuất khẩu vào Mỹ đối với hàng hóa Việt Nam hiện là 20%. Các ngành có tỷ trọng xuất khẩu sang Mỹ cao sẽ chịu tổn thương lớn khi chính sách thương mại và thuế quan biến động, như thủy sản (đặc biệt là cá tra), dệt may, da giày, gỗ đá xây dựng, linh kiện điện tử,... Các động thái đáp trả cứng rắn từ Trung Quốc với chính sách thuế của Mỹ có thể khiến tình hình kinh tế thế giới cũng như xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng năm 2025 thêm phức tạp và khó lường. Chính sách bảo hộ thương mại và thuế quan của Mỹ nhằm ngăn chặn việc hàng hóa Trung Quốc nhập khẩu vào một nước thứ ba sau đó xuất khẩu sang Mỹ sẽ làm thay đổi chuỗi cung ứng cũng như hoạt động vận tải container trên thế giới và khu vực.

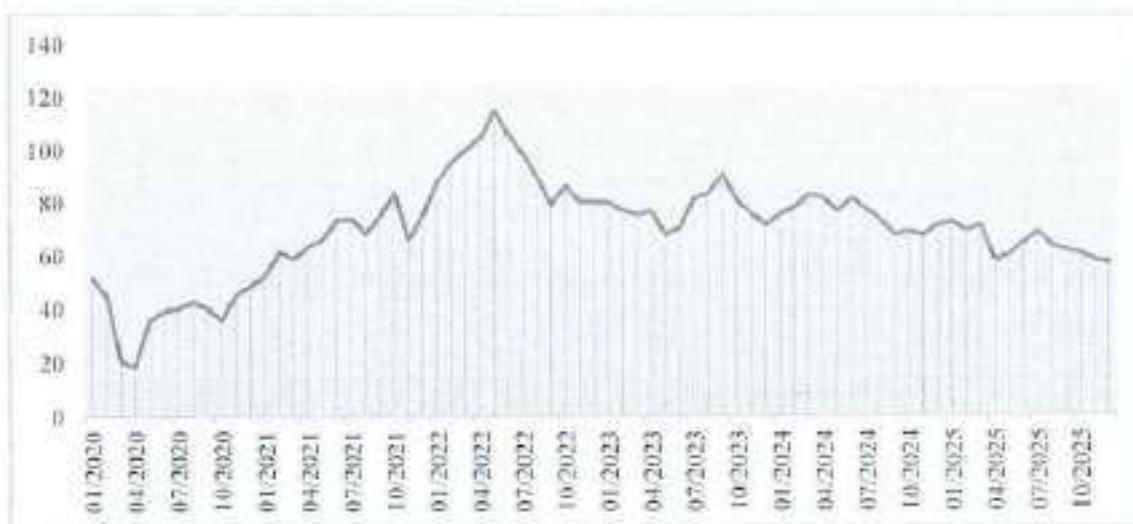
Kim ngạch xuất nhập khẩu và hoạt động thu hút FDI của Việt Nam trong năm 2025 đã đạt tăng trưởng tương đối tích cực. Tuy nhiên trong thời gian tới hoạt động xuất nhập khẩu vẫn có thể đối mặt với rủi ro khách quan do biến động căng thẳng thương mại toàn cầu, phòng vệ thương mại hay bất ổn địa chính trị ảnh hưởng lên chuỗi cung ứng.

3.2. Rủi ro biến động giá nhiên liệu

Chi phí nhiên liệu chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng chi phí kinh doanh của Công ty. Với doanh nghiệp trong ngành khai thác bãi cảng, nhiên liệu chính thường là dầu diesel và điện, do vậy biến động giá dầu và điện có thể gây rủi ro lên hoạt động kinh doanh của Công ty.

Giá bán điện chịu sự điều tiết của Nhà nước, thời gian điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân tối thiểu là 3 tháng từ đợt điều chỉnh gần nhất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) sẽ lập hồ sơ phương án giá bán lẻ điện bình quân báo cáo Bộ Công Thương rà soát và cho ý kiến. Giai đoạn 2015 – 2019, giá điện được điều chỉnh bình quân 2 lần/năm, giai đoạn 2019 – 2022, giá điện được giữ nguyên để hỗ trợ nền kinh tế trong và sau dịch bệnh, từ 2023 – 2024, giá bán điện đã được điều chỉnh tăng 3 lần với tổng mức tăng khoảng 11,7%. Kết quả kinh doanh của EVN đã hết lỗ trong 6 tháng cuối năm 2024. Các yếu tố như giá than và giá dầu hạ nhiệt, tuy nhiên tỷ giá cao vẫn có thể gây áp lực lên giá thành sản xuất điện. Kỳ vọng giá điện có thể điều chỉnh tăng 4% - 6% trong năm tới.

Biểu 7: Diễn biến giá dầu thế giới 2020 - 2025 (Brent Crude Oil, USD/barrel)



Nguồn: Website của World Bank

Giá dầu thế giới chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố phức tạp, biến động đa chiều như tình hình chính trị, cung cầu từ các nền kinh tế lớn. Giá dầu thế giới năm 2025 nhìn chung duy trì xu hướng giảm, với mức giá dầu thô tại thời điểm cuối năm 2025 ở mức dưới 60 USD/thùng. Giá dầu có thể tiếp tục xu hướng suy yếu và giữ ở nền giá thấp trong các tháng đầu năm 2026 do nhu cầu yếu đi cùng với tình trạng dư cung. Tuy nhiên, lịch sử giá dầu cho thấy giá dầu có thể biến động đột ngột bởi các yếu tố bất thường do chính trị – kinh tế, tiềm ẩn rủi ro không nhỏ cho các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp trong chuỗi cảng biển – logistics nói riêng.

3.3. Rủi ro thay đổi công nghệ

Với hoạt động kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ nâng hạ, bảo quản, sửa chữa container và dịch vụ vận tải, phần lớn nguyên giá tài sản cố định của GIC là kiến trúc kho bãi, phương tiện vận tải và các thiết bị nâng đỡ quy mô lớn. Các tài sản này có mức đầu tư lớn, thời gian sử dụng dài, tốc độ thay đổi công nghệ không cao. Do vậy rủi ro thay đổi công nghệ với Công ty là không lớn.

3.4. Rủi ro cạnh tranh

Giai đoạn 2025 – 2026, áp lực cạnh tranh tại các cụm cảng khu vực Hải Phòng sẽ ngày càng tăng lên. Tổng công suất cảng container dự kiến tăng 34% khi các cảng mới đi vào hoạt động, đặc biệt là khu vực hạ nguồn sông Cấm: cụm cảng nước sâu Lạch Huyện 3-4 của PHP (công suất tối đa 1,1 triệu TEUs/năm, đi vào hoạt động từ Quý I/2025), cụm cảng nước sâu Lạch Huyện 5-6 của Hateco (công suất 1 triệu TEUs/năm, khai thác từ Quý I/2025), cảng Nam Đình Vũ 3 của GMD (công suất 650 nghìn TEUs/năm, dự kiến đi vào hoạt động từ 2026). Các cảng trung nguồn như VIP

Green có thể chịu áp lực dịch chuyển nguồn hàng tới các cảng hạ nguồn. Ngoài ra, các cảng biển Hải Phòng cũng chịu cạnh tranh bởi các cảng lớn cùng khu vực như cụm cảng Quảng Ninh.

Nguồn cung tăng cao trong ngắn và trung hạn sẽ gây ra áp lực cạnh tranh về giá cước và chất lượng dịch vụ, đòi hỏi Công ty phải linh hoạt đổi mới và thích nghi để giảm thiểu ảnh hưởng từ rủi ro cạnh tranh

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro không chào bán hết cổ phần đăng ký chào bán

Trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, Công ty cổ phần VSC Green Logistics dự kiến chào bán 12.120.000 cổ phiếu (theo tỷ lệ 1:1) với giá chào bán dự kiến là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Đợt chào bán diễn ra trong thời điểm nền kinh tế trong và ngoài nước có nhiều biến động, do đó thị trường chứng khoán cũng chịu tác động không nhỏ. Trong trường hợp thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi, có thể xuất hiện rủi ro các cổ đông không thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Khi đó số lượng cổ phiếu không đặt mua hết được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định bán cho các đối tượng khác theo các quy định của pháp luật. Mặc dù phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty không áp dụng tỷ lệ thành công tối thiểu, tuy nhiên Công ty vẫn phải đối mặt với rủi ro liên quan đến việc chào bán cổ phiếu không hết. Khi đó, Công ty sẽ phải sử dụng các nguồn vốn khác như vốn vay, vốn huy động khác để thực hiện kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

4.2. Rủi ro của mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Với mục đích nâng cao năng lực tài chính và mở rộng hoạt động kinh doanh, số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến sẽ được GIC sử dụng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh kho bãi – vận tải. Phương án sử dụng vốn của Công ty phù hợp với định hướng phát triển của Công ty nói riêng và xu hướng phát triển của ngành nói chung. Rủi ro của việc sử dụng nguồn vốn có thể bắt nguồn từ sự không hiệu quả trong các hoạt động kinh doanh được phân bổ nguồn. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty luôn nghiên cứu, đánh giá để nâng cao hiệu quả trong các quyết định đầu tư.

5. Rủi ro pha loãng

Sau khi thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu đang lưu hành của GIC sẽ tăng lên tương ứng, dẫn tới cổ phiếu GIC bị pha loãng.

Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) bị pha loãng: trong tức thời sau khi hoàn tất các đợt phát hành, EPS pha loãng sẽ suy giảm do lợi nhuận thuộc về cổ đông được chia cho số lượng cổ phiếu mới lớn hơn. Tuy nhiên, trong các kỳ tài chính tiếp theo, EPS sẽ còn phụ thuộc vào hiệu quả sử dụng và lợi nhuận Công ty thu được nhờ nguồn vốn mới huy động được từ đợt chào bán.

$$\text{Công thức tính: EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Giá cổ phiếu trên thị trường giảm do điều chỉnh kỹ thuật khi Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu trả cổ tức: trong trường hợp giá đóng cửa của cổ phiếu GIC tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền lớn

hơn giá phát hành, giá tham chiếu của cổ phiếu GIC tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pt} = \frac{P_t + (Pr_1 \times I_1) + (Pr_2 \times I_2)}{1 + I_1 + I_2}$$

Trong đó:

- P_{pt} : Giá cổ phiếu pha loãng tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- P_t : Giá cổ phiếu GIC tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- Pr_1 : 10.000 đồng/cổ phiếu (Giá chào bán đối với người có quyền mua cổ phiếu)
- Pr_2 : 0 đồng/cổ phần (cổ tức bằng cổ phiếu giá 0 đồng/cổ phiếu)
- I_1 : là tỷ lệ tăng vốn do chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- I_2 : là tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu

Giá định tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền, giá thị trường của cổ phiếu GIC là 15.000 đồng/cổ phiếu. Sau khi chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 với giá 10.000 đồng/cổ phiếu cùng với phát hành cổ phiếu trả cổ tức 10% thì giá cổ phiếu GIC sau khi pha loãng là:

$$\frac{15.000 + (10.000 \times 1) + 0 \times 0,1}{1 + 1 + 0,1} = 11.905 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

6. Rủi ro quản trị công ty

6.1. Rủi ro về quản trị công ty

Rủi ro quản trị có thể phát sinh khi có sự sụt giảm về nhân sự trong bộ máy lãnh đạo và/hoặc bộ máy tổ chức mà khiến cho hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng, hoặc thay đổi trong cơ cấu sở hữu làm phát sinh sự thiếu hài hòa trong lợi ích và trách nhiệm, mất đồng bộ trong quan điểm điều hành và kinh doanh của bộ máy lãnh đạo. Để hạn chế rủi ro quản trị nói chung, Công ty Cổ phần VSC Green Logistics tuân thủ các quy định về quản trị công ty quy định trong luật pháp hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Đối với hoạt động tăng vốn trong đợt chào bán này, chủ trương của Công ty là chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Khả năng cổ đông hiện hữu không mua hết lượng cổ phiếu chào bán thêm là điều có thể xảy ra. Khi đó, số lượng cổ phiếu còn dư sẽ do HĐQT Công ty quyết định phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp. Để hạn chế rủi ro quản trị, trong trường hợp phải phân phối cổ phần cho các đối tượng khác, GIC sẽ tìm kiếm các nhà đầu tư có chung tầm nhìn chiến lược, định hướng kinh doanh để có thể chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau phát triển trong dài hạn.

6.2. Rủi ro về cơ chế quản lý

Cơ chế quản lý của Công ty hiện được xây dựng dựa trên quy mô vốn điều lệ hiện tại với các ngành nghề sản xuất kinh doanh hiện tại. Công ty chủ trương tăng vốn để đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh hiện tại. Trong thời gian qua, GIC không ngừng nâng cao năng lực quản lý, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp để đáp ứng được chiến lược, quy mô phát triển mới. Công ty đánh giá rủi ro về cơ chế quản lý là không lớn.

7. **Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro trên, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro bất khả kháng khác như chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh trên quy mô lớn,... Các rủi ro này có thể gây thiệt hại về con người hoặc tài sản của Công ty, làm giảm lượng khách hàng hoặc khiến môi trường kinh doanh mất ổn định.

Cổ phiếu GIC được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), do đó giá cổ phiếu GIC khó tránh khỏi ảnh hưởng khi thị trường chứng khoán trong nước và thị trường chứng khoán quốc tế biến động.

III. **CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC TỪ HOẶC NHÓM TỪ VIẾT TẮT**

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
VSDC	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
Tổ chức phát hành/Công ty	Công ty Cổ phần VSC Green Logistics
GIC	Công ty Cổ phần VSC Green Logistics
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
TTCK	Thị trường chứng khoán
Sở KHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
CTCP	Công ty Cổ phần
BCTC	Báo cáo tài chính
SXKD	Sản xuất kinh doanh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
VDL	Vốn điều lệ
ĐVT	Đơn vị tính
VNĐ	Việt Nam Đồng
TEU	Container tiêu chuẩn dài 20ft (6,1m x 2,5m x 2,6m)

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản khác có liên quan.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
- Tên viết tắt: GIC
- Tên Tiếng Anh: VSC GREEN LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0201768923 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 13/03/2025 do Sở Tài chính cấp.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô CC2 - khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng, Việt Nam.
- Số điện thoại: (84-225) 2838 666
- Vốn điều lệ: 121.200.000.000 đồng (Một trăm hai mươi một tỷ, hai trăm triệu đồng)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Mã ngành: 5229)
- Sản phẩm/dịch vụ chính: Cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa và vệ sinh container.
- Người đại diện theo pháp luật:
Ông: Đồng Trung Hải Chức vụ: Giám đốc
- Mã cổ phiếu: **GIC**
- Sàn niêm yết: **HNX**
- Tên ban đầu: Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh, đến ngày 13/03/2025, Công ty đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Bảng 1: Quá trình hình thành và phát triển

Mốc thời gian	Các hoạt động, sự kiện
Năm 2017:	<ul style="list-style-type: none">- Ngày 24/01/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 101.000.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Container Việt Nam góp vốn 67.000.000.000 đồng, tương đương với 66,3% vốn điều lệ, còn lại 33,7% là vốn góp của các cổ đông cá nhân. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;- Công ty được kế thừa toàn bộ nhân sự, kỹ thuật, kinh nghiệm và mối quan hệ khách hàng truyền thống lâu năm của Công ty TNHH MTV Bến Xanh (công ty 100% vốn của CTCP Container Việt Nam - Viconship) hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa, vệ sinh container... Với khách hàng là các hãng tàu truyền thống và đội ngũ CBNV có kinh nghiệm quản lý, khai thác kho bãi lâu năm, ngay khi dự án xây dựng bãi container của Công ty hoàn thành từng phần hạng mục và đi vào hoạt động từ tháng 7/2017, Công ty đã nhanh chóng cung cấp dịch vụ cho khách hàng và có lợi nhuận từ năm tài chính đầu tiên. Công ty không ngừng đầu tư trang thiết bị chuyên dùng hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin tối ưu của ngành dịch vụ logistics nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty với mục tiêu trở thành công ty cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi logistics hàng đầu tại khu vực Hải Phòng.
Năm 2018:	<ul style="list-style-type: none">- Để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 101.000.000.000 đồng lên 121.200.000.000 đồng.
Năm 2020	<ul style="list-style-type: none">- Ngày 06/04/2020 Công ty đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 2268/UBCK-GSDC về việc đăng ký đại chúng của Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh;- Ngày 26/06/2020 Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số 43/2020/GCNCP-VSD, với tổng số lượng chứng khoán đăng ký là 12.120.000 cổ phần;- Ngày 22/10/2020, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã cấp Quyết định Niêm yết số 577/QĐ-SGDHN cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;- Ngày 06/11/2020 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh đã chính thức giao dịch với mã chứng khoán GIC.
Năm 2021:	<ul style="list-style-type: none">- Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 10% Vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/03/2022.

Mốc thời gian	Các hoạt động, sự kiện
Năm 2022:	- Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 10% Vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2023.
Năm 2023:	- Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 12% Vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2024.
Năm 2024 – Năm 2025:	- Công ty dự kiến sẽ thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% và phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo tỷ lệ 1:1 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025. - Ngày 13/03/2025, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần VSC Green Logistics theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0201768923 thay đổi lần thứ 04.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

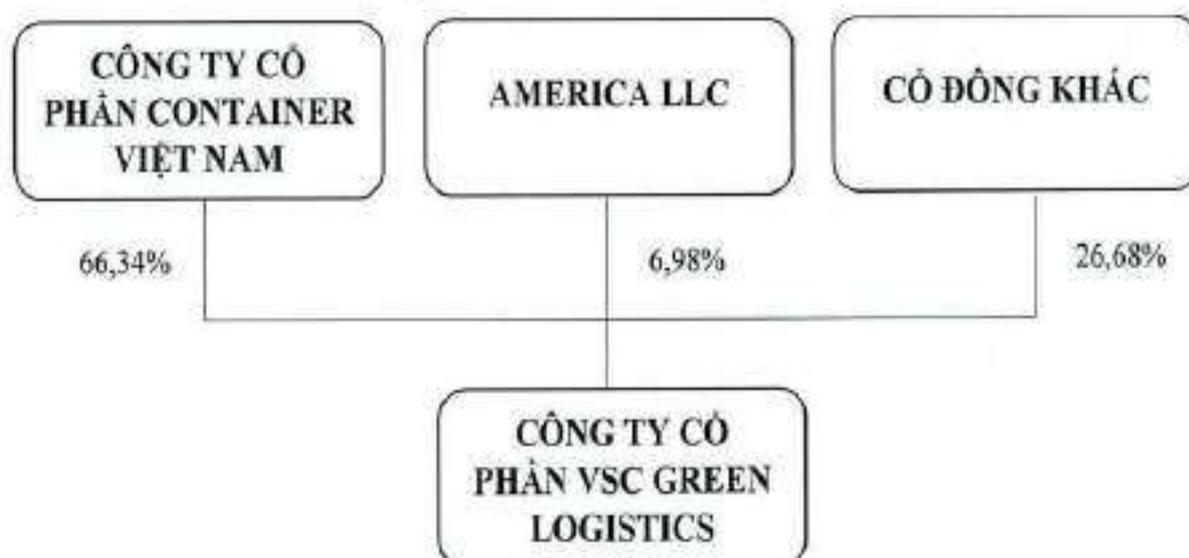
Công ty Cổ phần VSC Green Logistics được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Hiện tại, Công ty Cổ phần VSC Green Logistics đặt trụ sở chính tại: Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng, Việt Nam.

Công ty có Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Container Việt Nam (sở hữu 66,34% Vốn điều lệ Công ty), cổ đông lớn là America LLC (sở hữu 6,98% Vốn điều lệ Công ty) và các cổ đông khác sở hữu 26,68%.

Công ty không có công ty con hay công ty liên kết.

Bảng 2: Cơ cấu tổ chức Công ty

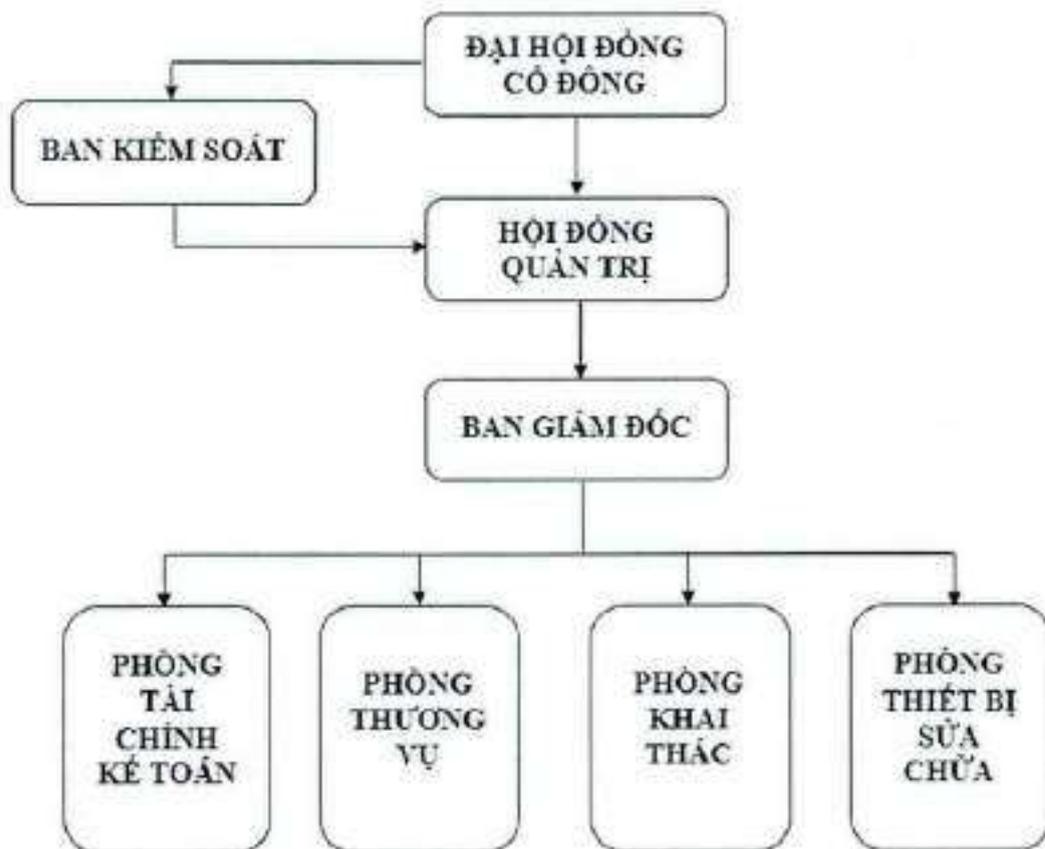


Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý Công ty

- Mô hình quản trị: Mô hình quản trị của Công ty như sau: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Giám đốc.

Bảng 3: Sơ đồ bộ máy quản trị



Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

4.1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền. ĐHCĐ có các quyền sau:

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm, các báo cáo của BKS và của HĐQT, thông qua kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.2. Hội đồng quản trị

❖ Danh sách Hội đồng quản trị Công ty:

- Ông Nguyễn Đức Dũng
- Chủ tịch HĐQT

- Ông Đồng Trung Hải - Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Kim Dương Khôi - Thành viên HĐQT
- Bà Trần Thị Phương Anh - Thành viên HĐQT
- Ông Lê Quang Huy - Thành viên HĐQT độc lập

❖ Số thành viên HĐQT của Công ty hiện nay gồm 05 thành viên. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Giám sát chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.3. Ban kiểm soát

❖ Danh sách Ban Kiểm soát:

- Bà Nghiêm Thị Thuý Dương - Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Phan Thị Trung Hiếu - Thành viên Ban Kiểm soát
- Bà Phạm Thị Thuý Ngọc - Thành viên Ban Kiểm soát

❖ BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bao gồm:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý và điều hành Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4.4. Ban Giám đốc

❖ Danh sách Ban Giám đốc Công ty:

- Ông Đồng Trung Hải - Giám đốc
- Ông Đặng Quốc Vệ - Phó Giám đốc

❖ Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Pháp luật, Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo phương hướng kinh doanh mà ĐHĐCĐ thông qua để đạt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

❖ Phó giám đốc có trách nhiệm giúp đỡ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Được Giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về những nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

❖ **Giám đốc có nhiệm vụ:**

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị
- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc
- Tuyển dụng lao động
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
- Quyền và nghĩa vụ khác theo pháp luật
- Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của Giám đốc) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

4.5. Các phòng ban khác

❖ **Phòng tài chính kế toán:**

- Tham mưu cho Giám đốc Công ty về công tác Tài chính – Kế toán, Lao động – Tiền lương, hành chính, an toàn lao động của Công ty.
- Tổ chức thực hiện công tác Tài chính – Kế toán, Lao động – Tiền lương và các công việc khác theo nhiệm vụ được Ban Giám đốc phân công.
- Phối hợp với tất cả các phòng ban trong Công ty thực hiện kiểm soát nguồn thu và chi phí của Công ty theo các quy chế, biểu cước của Công ty và các hợp đồng đã ký kết
- Thực hiện chế độ với cơ quan thuế, cơ quan Bảo hiểm xã hội và các cơ quan Quản lý nhà nước
- Lập các báo cáo quản trị để báo cáo và tham mưu cho HĐQT, Ban giám đốc xây dựng phương hướng và kế hoạch sản xuất kinh doanh
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được Ban giám đốc phân công.

❖ **Phòng thương vụ:**

- Xây dựng biểu cước dịch vụ của Công ty định kỳ hàng năm hoặc đột xuất do ảnh hưởng của giá nhiên liệu, vật tư và các yếu tố khác,...
- Tham mưu cho Ban Giám đốc đàm phán, thương thảo hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với khách hàng và hợp đồng mua bán hàng hoá, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng, các dịch vụ khác đối với nhà cung cấp.
- Lập kế hoạch, phương hướng và thực hiện công việc chăm sóc khách hàng nhằm duy trì hợp đồng cung cấp dịch vụ với khách hàng cũ và tìm kiếm khách hàng mới, khách hàng tiềm năng để tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp với phòng Khai thác lập chứng từ giao nhận container xuất nhập bãi của Công ty.
- Phối hợp với phòng Khai thác, phòng Thiết bị - Sửa chữa và phòng Tài chính - Kế toán để thực hiện lập hoá đơn, thu cước theo biểu phí hoặc hợp đồng đã ký kết của Công ty.

❖ **Phòng Khai thác:**

Phòng Khai thác là đơn vị tổ chức thực hiện các công việc:

- Quy hoạch khu vực chất xếp container trong bãi khoa học nhằm đạt được khả năng chất xếp container tối ưu và đảm bảo an toàn lao động.
- Tiếp nhận container, kiểm tra, đánh giá tình trạng container khi nhập bãi, bao gồm tình trạng hư hỏng và tình trạng vệ sinh của container đối với container rỗng; tình trạng niêm phong và chứng từ Hải quan kèm theo đối với container có hàng.
- Thực hiện công việc vệ sinh 100% container rỗng nhập bãi.
- Bố trí vị trí xếp container phù hợp với quy hoạch khi container nhập bãi.
- Thực hiện phương án lấy container ra khỏi vị trí chất xếp sao cho an toàn, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí và giao container theo lệnh giao hàng của khách hàng đối với container xuất bãi. Kiểm tra và ghi nhận tình trạng container bằng hình ảnh trước khi xuất bãi.
- Quản lý và sử dụng phương tiện vận tải container an toàn, hiệu quả. Vận chuyển container bằng đường bộ theo yêu cầu của khách hàng.
- Thực hiện đóng hàng hoá vào container và rút hàng hoá từ container ra theo yêu cầu của khách hàng.
- Phối hợp với phòng Thiết bị - Sửa chữa bộ phận quản lý thiết bị xếp dỡ để thực hiện nâng, hạ container tại bãi; phối hợp với bộ phận sửa chữa container để thực hiện việc sửa chữa container.
- Phối hợp với phòng Thương vụ để thực hiện thủ tục lập phiếu giao nhận container, ghi nhận tình trạng container khi xuất, nhập bãi.
- Phối hợp với phòng Tài chính - Kế toán, phòng Thương vụ và phòng Thiết bị - Sửa chữa để đối chiếu quyết toán, thực hiện lập hoá đơn và thu khách hàng theo Hợp đồng và biểu cước của Công ty.

❖ **Phòng Thiết bị - Sửa chữa:**

- Quản lý và sử dụng thiết bị xếp dỡ và các thiết bị, máy công cụ khác an toàn và hiệu quả phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp với phòng Khai thác và phòng Thương vụ thực hiện xếp, dỡ container.
- Thực hiện công việc sửa chữa container, lắp đặt thiết bị treo trong container, đóng mới container theo phương án khách hàng yêu cầu.
- Phối hợp với phòng Thương vụ, phòng Khai thác và phòng Tài chính - Kế toán thực hiện quyết toán, thanh toán với các khách hàng theo biểu cước và hợp đồng đã ký kết.

5. Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

5.1. Công ty mẹ:

Tên tiếng Việt:	CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM
Tên tiếng Anh:	Vietnam Container Shipping Corporation

Tên viết tắt: VICONSHIP
 Địa chỉ: Số 11 Võ Thị Sáu, P. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
 Điện thoại: (84-225) 383 6705
 Số fax: (84-225) 383 6104
 Website: www.viconship.com
 Tổng Giám đốc: Ông Tạ Công Thông
 Vốn điều lệ đăng ký: 3.743.703.620.000 đồng
 Vốn điều lệ thực góp: 3.743.703.620.000 đồng
 Giấy đăng ký kinh doanh: Số 0200453688 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hải Phòng cấp ngày 01/04/2002 và các lần thay đổi bổ sung.
 Ngành nghề kinh doanh: Kho bãi và lưu giữ hàng hoá (Mã ngành: 5210)
 Sản phẩm/dịch vụ chính: Dịch vụ đại lý container, đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ xếp dỡ hàng hoá; Kinh doanh hàng lâm sản xuất khẩu; Kinh doanh kho, bến bãi; Vận tải, tổ chức liên hiệp vận chuyển hàng xuất nhập khẩu, hàng dự án, hàng quá cảnh; Kinh doanh xăng dầu, phụ tùng, phương tiện, thiết bị; Sửa chữa đóng mới và cho thuê Container; Khai thác cảng biển; Khai thác vận tải ven biển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động điều hành, dịch vụ cảng biển, lai dắt chờ hàng bằng sà lan.
 Tỷ lệ sở hữu tại GIC: 66,34%

5.2. Các công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành:

Không có

5.3. Các Công ty con, các Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Không có

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty

Bảng 4: Quá trình tăng vốn của GIC

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
24/01/2017	101	-	Vốn góp ban đầu	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017
27/12/2018	121,2	20,2	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ về việc thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ;

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
				<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/2018/NQ-HDQT ngày 01/08/2018; - Giấy CNĐKKD số 0201768923 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hà Phòng cấp lần đầu ngày 24/01/2017, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 27/12/2018.

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác

Tên doanh nghiệp	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (**)	Tổng Giá trị đầu tư (đồng)	Ghi chú
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (VGI) (*)	6.229.855	13,31%	70.000.000.000	VGI là công ty con của Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh (GLC) – Đơn vị thành viên của VSC (Công ty mẹ của Công ty)

(*) Tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Vì vậy Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng 2.406.257.649 đồng tại ngày 31/12/2024 đối với khoản đầu tư tại VGI.

(**) Tại ngày 20/09/2023, GIC đã nhận chuyển nhượng 9,5% cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (Mã số thuế: 0201973263, có địa chỉ tại khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Hải Phòng). Tại ngày 26/02/2024, Công ty đã nâng tỷ lệ sở hữu tại VGI lên 13,31%.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 5: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/06/2025

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Trong nước	338	10.784.800	88,98%
i. Cá nhân	337	2.744.800	22,64%
ii. Tổ chức	1	8.040.000	66,34%
Nước ngoài	11	1.335.200	11,02%
i. Cá nhân	10	489.800	4,04%
ii. Tổ chức	1	845.400	6,98%

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
Tổng cộng	349	12.120.000	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông GIC chốt ngày 30/06/2025 do VSDC cấp

8.2. **Cổ phiếu ưu đãi:** Không có

8.3. **Các loại chứng khoán khác:** Không có

9. **Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài**

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định tại công văn số 658/UBCK-PTTT ngày 01/04/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là: 49%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty (nếu có): Không có
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại: 11,02% (theo Danh sách cổ đông chốt ngày 30/06/2025 do VSDC cung cấp).

10. **Hoạt động kinh doanh**

10.1. **Đặc điểm hoạt động kinh doanh**

Công ty Cổ phần VSC Green Logistics được thành lập từ tháng 01/2017 với định hướng phát triển thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ:

- Dịch vụ giao nhận, lưu trữ và bảo quản container rỗng và container chứa hàng hoá
- Dịch vụ đóng hàng và rút hàng hoá trong container tại bãi của Công ty
- Dịch vụ sửa chữa container, lắp đặt thiết bị treo trong container, đóng mới container...
- Dịch vụ vận tải container bằng đường bộ
- Dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ, vận tải container chuyên dùng
- Các dịch vụ khác.

Hiện nay, Công ty tập trung vào 2 mảng nghiệp vụ chính bao gồm:

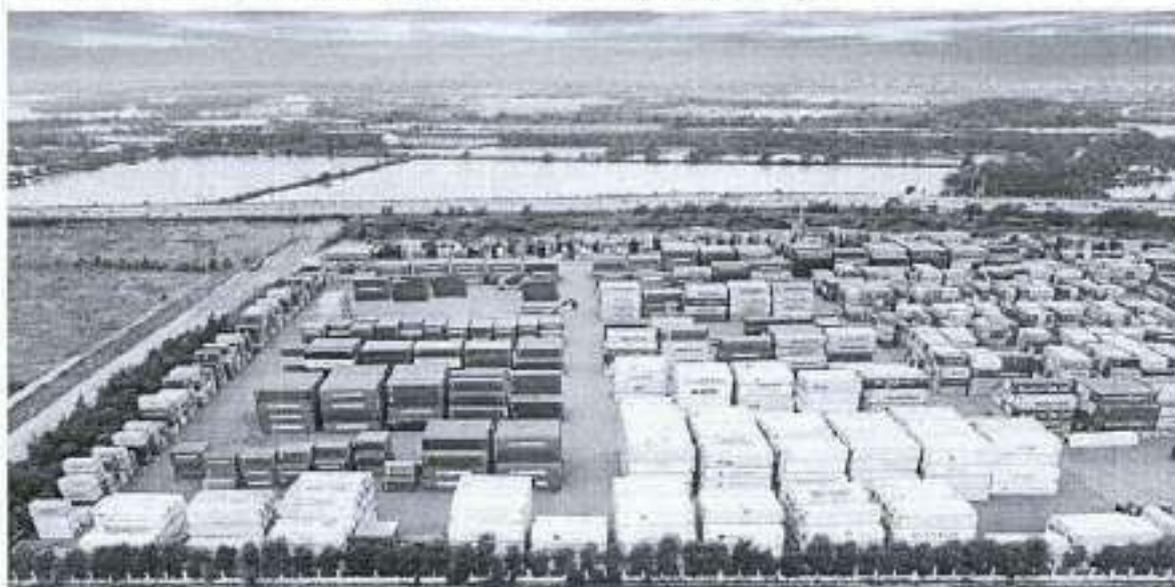
- + Dịch vụ kho bãi, lưu trữ và bốc xếp hàng hóa
- + Dịch vụ sửa chữa container

10.1.1 **Dịch vụ kho bãi, lưu trữ và bốc xếp hàng hoá**

Với lợi thế về vị trí địa lý và sự hợp tác hỗ trợ lẫn nhau của các đơn vị thành viên trong lĩnh vực logistics thuộc công ty mẹ là Công ty Cổ phần Container Việt Nam, GIC đã tập trung phát triển dịch vụ phụ trợ cho hoạt động logistics trong đó các dịch vụ **nâng hạ, bảo quản và chuyển giao Container** là dịch vụ mang lại doanh thu chính hàng năm cho Công ty.

Có địa điểm sản xuất kinh doanh tại khu công nghiệp Đình Vũ - Hải Phòng, bãi liền kề với hệ thống Cảng Đình Vũ, cảng nước sâu Lạch Huyện, kết nối trực tiếp vào tuyến đường quan trọng như cao tốc Hải Phòng – Hà Nội, cao tốc Hải Phòng – Hạ Long,... là vị trí bãi container chiến lược để khai thác hậu cần sau cảng, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động logistics và dịch vụ vận tải hàng hoá, cụ thể như sau:

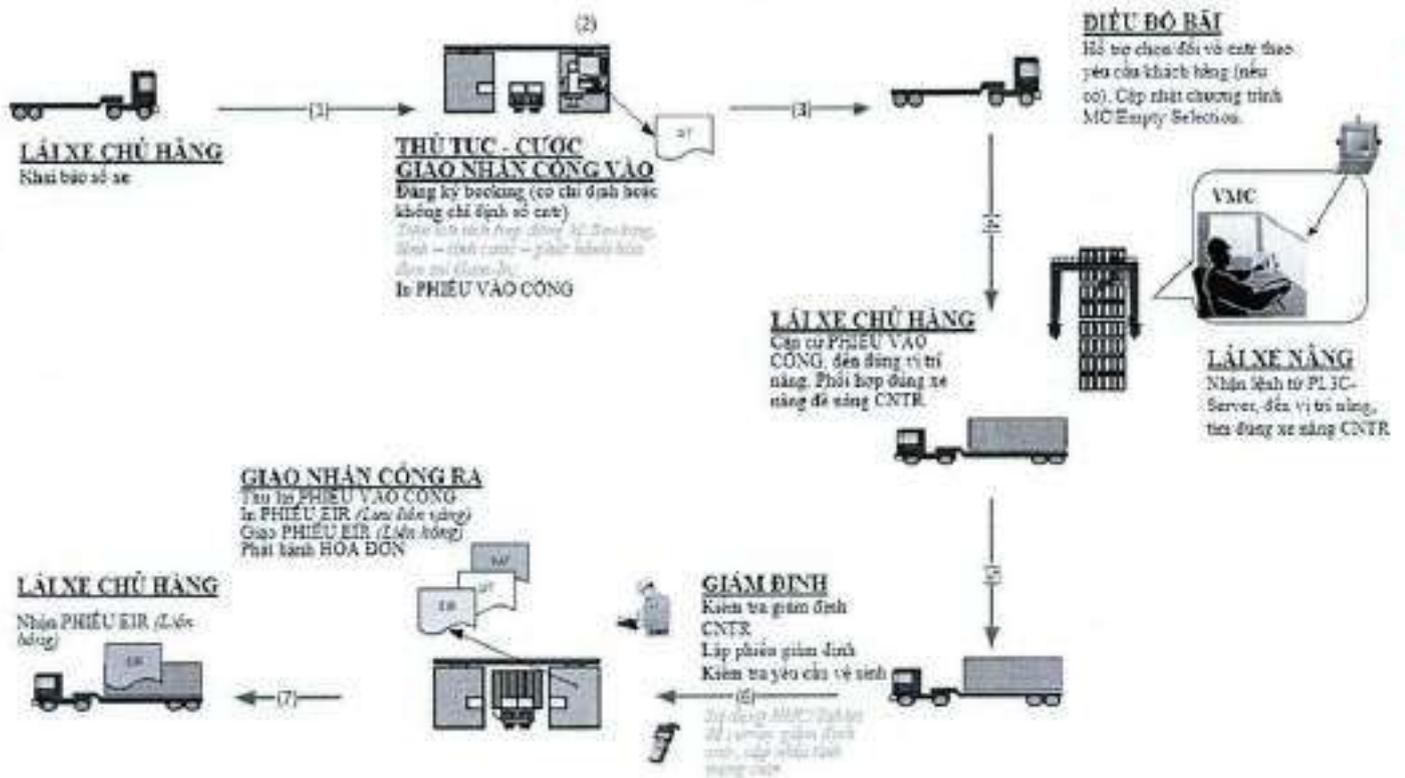
- Diện tích và sức chứa: Với hệ thống bãi container rộng 10 ha tại khu công nghiệp Đình Vũ Hải Phòng, mặt bãi trải asphalt tiêu chuẩn quy hoạch bãi được tính toán khả năng chất xếp container tối ưu, đạt sức chứa 8.000 container (8.000 TEUs).



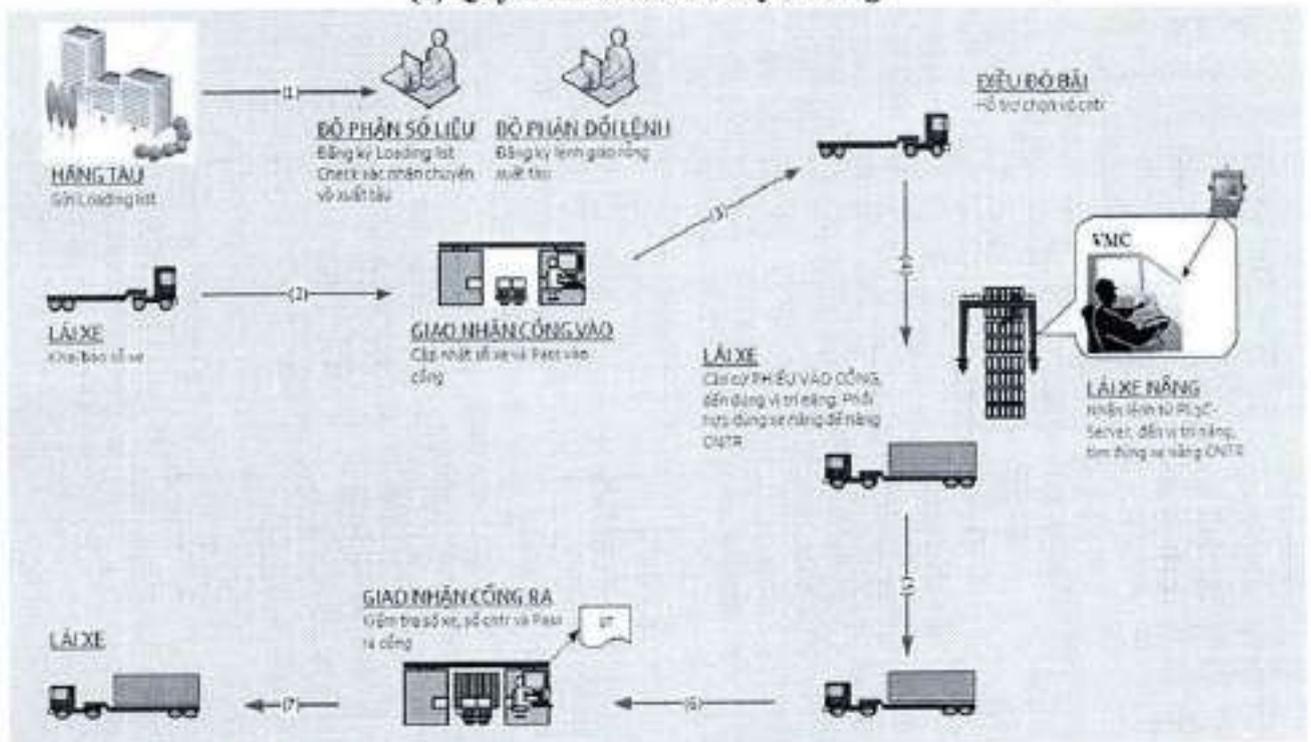
Hình 1: Bãi container của GIC

- Cơ sở hạ tầng: Khu vực kho bãi container của Công ty được quy hoạch công vào, ra riêng biệt tạo luồng xe chạy trong bãi thuận tiện, an toàn. Hệ thống 200 giắc cắm container lạnh phục vụ cùng lúc 200 container kiểm tra và chạy lạnh 24h/24h trong bãi. Hệ thống giám sát CCTV hoạt động 24/24h toàn bộ bãi container và khu vực dịch vụ khách hàng, kết nối với màn hình Led tại khu vực điều hành sản xuất, đảm bảo an ninh và quản lý hàng hoá hiệu quả. Hệ thống camera chụp tự động tại 2 cổng ra vào bãi nhằm tăng cường quản lý container nhập, xuất bãi.
- Trang thiết bị: GIC đầu tư 03 xe nâng hàng Reach Stacker có sức nâng 45 tấn; 04 xe nâng vô Reach Stacker có sức nâng 10 tấn; 02 xe nâng Forklift với sức nâng 5 tấn và 10 tấn đáp ứng nhu cầu nâng hạ và di chuyển container một cách hiệu quả; 09 xe đầu kéo với móc kèm theo phục vụ vận chuyển container đường bộ.
- Quản lý vận hành: Công ty trang bị hệ thống phần mềm quản lý nhập xuất container PL-TOL và toàn bộ thiết bị số hoá tự động cầm tay từ các khâu giao nhận tại hai cổng nhập, xuất, thiết bị cầm tay cho lái xe nâng trong bãi kể kịp thời cập nhật thông tin hoàn thành nâng, hạ và vị trí xếp đặt container trong bãi và báo cáo về mọi thông tin tình trạng hàng hoá trong thời gian thực.
- Công ty xây dựng quy trình giao nhận container chuyên nghiệp, hiệu quả cùng với đội ngũ nhân viên lành nghề, giàu kinh nghiệm, chuyên nghiệp cung cấp dịch vụ giao nhận container đảm bảo chất lượng và an toàn cho hàng hoá dịch vụ. Với chất lượng dịch vụ chuyên nghiệp và năng suất lao động cao, đáp ứng năng lực thông qua bãi đạt trên 1.800 TEUs/ngày, mang lại lợi ích lớn nhất cho khách hàng.
- Hoạt động nâng hạ, bảo quản và chuyển giao container được Công ty chuẩn hoá thành các quy trình bao gồm: Quy trình cấp vỏ, quy trình xuất vỏ chuyển cảng.

(1) Quy trình cấp vỏ



(2) Quy trình xuất vỏ chuyển cảng



Nhằm cung cấp cho khách hàng một dịch vụ hoàn hảo, trọn gói, khép kín trong chuỗi dịch vụ lưu giữ, bảo quản container tại bãi, Công ty cũng phát triển các dịch vụ kèm theo như dịch vụ vận tải container đường bộ, dịch vụ tu sửa chữa container, dịch vụ lắp đặt các thiết bị treo container, dịch vụ đóng mới container, dịch vụ làm sạch container,... để giao cho khách hàng container trong tình trạng tốt, sẵn sàng để đóng hàng.

10.1.2 Sửa chữa container

Một trong những dịch vụ quan trọng tại các Depot và Cảng Container liên quan đến container rỗng đó là giám định tình trạng một cách chính xác và đưa ra phương án sửa chữa phù hợp. Những thùng container theo tiêu chuẩn ISO giúp đẩy nhanh tốc độ lưu thông hàng hóa, giảm tắc nghẽn ở các bến cảng và bảo vệ hàng hóa được vận chuyển an toàn. Trách nhiệm của mỗi hãng tàu container là cung cấp cho khách hàng, người gửi hàng những container rỗng tiêu chuẩn, nguyên vẹn và đủ điều kiện để đóng hàng hóa và tiến hành vận chuyển. Vỏ container được hãng tàu lưu trữ khắp các Depot và Cảng biển trên thế giới nơi có chi nhánh của mình.

Trong quá trình sử dụng container để đóng hàng, xếp dỡ vận chuyển luôn xảy ra những hư hỏng đối với các thùng container, và việc sửa chữa, tân trang container vỏ phải theo tiêu chuẩn được quy định thống nhất. IICL (The Institute of International Container Lessors) là tiêu chuẩn container và các hoạt động liên quan đến sửa chữa, bảo trì và giám định các loại container. Vì vậy Công ty Cổ phần VSC Green Logistics cung cấp dịch vụ giám định và sửa chữa container, đảm bảo chất lượng và an toàn cho container trước khi đưa vào sử dụng. Để đáp ứng công tác giám định và sửa chữa container, Công ty đã trang bị cơ sở hạ tầng và trang thiết bị hiện đại tiên tiến cùng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp được đào tạo bài bản, cụ thể:

- Cơ sở hạ tầng: Khu vực sửa chữa chuyên dụng có diện tích rộng 2.000m², trong đó 400m² có mái che luôn sẵn sàng phục vụ cho việc sửa chữa và bảo dưỡng container 24h/24h trong mọi thời tiết.
- Trang thiết bị hiện đại: Công ty trang bị máy công cụ phục vụ sửa chữa container chuyên dụng như xe nâng Reach Stacker 45 tấn và 10 tấn; búa máy; máy hàn công nghiệp; máy phun sơn,...cùng phần mềm quản lý PL-TOSS để tối ưu hoá quy trình, đáp ứng đúng tiêu chuẩn Quốc tế về sửa chữa bảo trì container.
- Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp: Đội ngũ kiểm tu, giám định container hoạt động 24h/24h có trình độ chuyên môn được đào tạo theo tiêu chuẩn IICL, cùng với kinh nghiệm giám định lâu năm đảm bảo chất lượng dịch vụ.

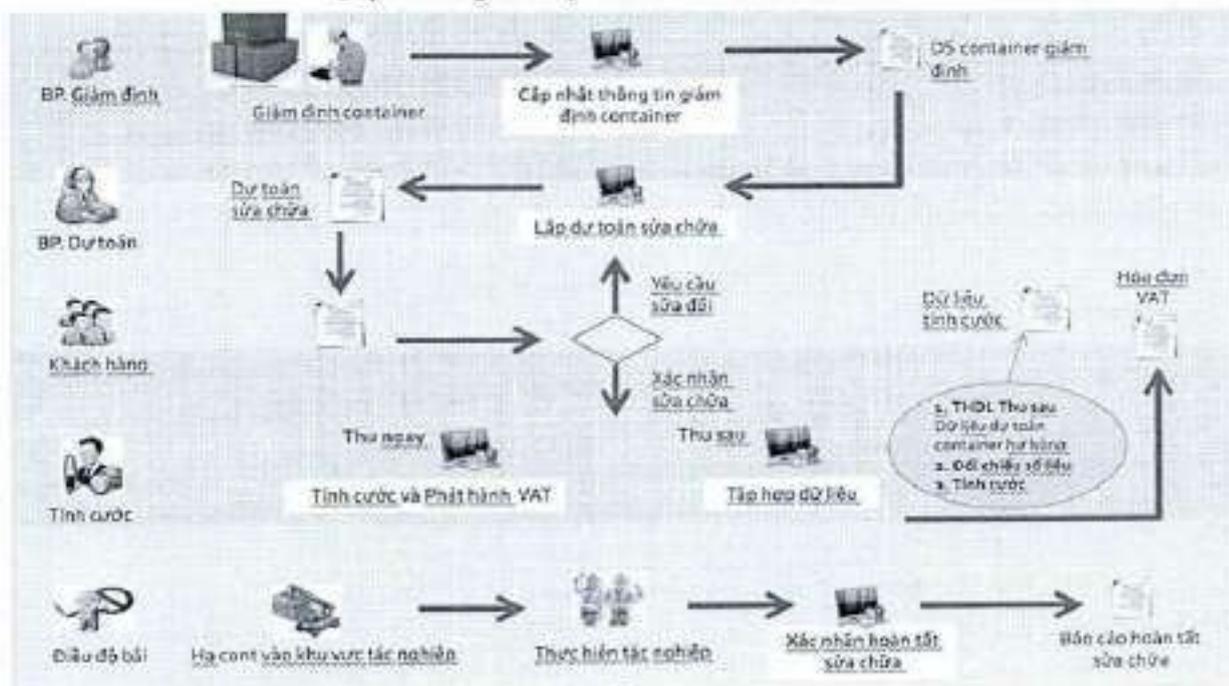


Hình 2: Cán bộ GIC thực hiện giám định container

- Kiểm tra chất lượng tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế: Đánh giá tình trạng kỹ thuật và cấu trúc của container, xác định hư hỏng hao mòn. Thực hiện theo tiêu chuẩn IICL, đảm bảo container đáp ứng yêu cầu vận chuyển quốc tế.

- Công ty còn đặt mua riêng phần mềm thiết lập phương án sửa chữa và lập báo giá sửa chữa container chuyên nghiệp theo chuẩn quốc tế IICL, sẵn sàng gửi ngay phương án và báo giá sửa chữa container ngay khi container nhập bãi.

Quy trình giám định và sửa chữa container



Ngoài ra, Công ty cũng đang cung cấp dịch vụ vệ sinh container. Container nhập bãi sẽ được chuyển ngay đến khu vực vệ sinh container để làm sạch toàn bộ bao gồm: vệ sinh vách, sàn container, gỡ đinh định vị hàng hoá trên sàn container, bóc tem lưu ý về hàng hoá trong vận chuyển dán trên container, ... hoặc sau khi sửa chữa container cũng sẽ được làm sạch để đảm bảo container trong tình trạng tốt sạch, sẵn sàng giao cho khách hàng đóng hàng mới.

10.1.3 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

- Tác động lên môi trường của Công ty:
 - + Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp: Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ kho bãi nên ước tính tổng lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp đạt mức độ thấp.
 - + Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Công ty luôn áp dụng các công nghệ mới, trang bị các thiết bị hiện đại trong sản xuất kinh doanh để giảm thiểu phát thải khí nhà kính.
- Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu:
 - + Ngành nghề chính của Công ty là khai thác kho bãi và các dịch vụ liên quan đến hàng hải nên nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất kinh doanh của Công ty là điện năng, dầu diesel, dầu mỡ phụ và các vật tư phụ tùng khác.
 - + Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.
- Tiêu thụ năng lượng: Công ty luôn quan tâm đến việc tiêu thụ các nguồn năng lượng mang lại hiệu quả kinh doanh và giảm tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường, bao gồm:

- + Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp tương đương;
- + Ưu tiên sử dụng năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả như sử dụng năng lượng tái tạo như hệ thống điện mặt trời, nước sạch,...
- + Lượng nước tiêu thụ chủ yếu là nước phục vụ cho sinh hoạt văn phòng, vệ sinh bãi, sửa chữa và vệ sinh container. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế, tái sử dụng: 0%.
- Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:
 - + Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.
 - + Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

10.1.4 Nguyên, nhiên, vật liệu

- Nguồn nguyên vật liệu:
 - + Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong ngành logistics, chi phí nhiên liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí kinh doanh. Nhiên liệu chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của GIC là dầu diesel và các dầu mỡ phụ khác. Nguồn nhiên liệu được cung cấp bởi doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong nước, Công ty ký hợp đồng có thời hạn một năm và tự động gia hạn một năm tiếp theo (nếu không có thỏa thuận khác) với số lượng cung cấp theo yêu cầu thực tế sử dụng để đảm bảo ổn định về nguồn cung và chất lượng nhưng không tồn kho tránh lãng phí...
 - + Ngoài ra, Công ty sử dụng vật tư sửa chữa container chủ yếu là tôn, thép, ván sàn gỗ có nguồn cung từ các doanh nghiệp sản xuất trong nước... Công ty ký hợp đồng dài hạn theo năm với nhà cung cấp vật tư có đầy đủ chứng nhận chất lượng; cung cấp theo nhu cầu thực tế nhằm đảm bảo nguồn vật tư sửa chữa container ổn định về số lượng, giá cả và chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn sửa chữa container Quốc tế IICL.
- Sự ổn định các nguồn nguyên vật liệu: Nguồn nhiên liệu, vật tư, nguyên liệu chính phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty được cung ứng trong nước ổn định; nguyên liệu, vật tư không khan hiếm về nguồn cung.

Bảng 6: Bảng vật tư, nhiên liệu, nguyên liệu tiêu thụ của GIC trong các năm 2023, 2024 và 2025

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
		Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Vật tư	11.218.892.270	41,15	12.310.593.683	49,98	10.300.368.900	41,48
2	Nhiên liệu	16.043.460.896	58,85	12.320.044.198	50,02	14.533.232.000	58,52
Tổng cộng		27.262.353.166	100	24.630.637.881	100	24.833.600.900	100

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

Giá cả các nguyên vật liệu đầu vào có ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty do đặc thù của ngành là các nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí, giá vốn. Công ty luôn chủ động lên kế hoạch kinh doanh sát với nhu cầu thực tế sử dụng nguồn nhiên liệu, đảm bảo bám sát vào nhu cầu của khách hàng theo các hợp đồng nguyên tắc đã ký kết.

10.1.5 Chi phí sản xuất

Bảng 7: Chi phí sản xuất của GIC trong các năm 2023, năm 2024 và năm 2025

Đơn vị: triệu đồng

T T	Chi phí sản xuất kinh doanh	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		% tăng/giảm	
		Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/ DTT	2024/ 2023	2025/ 2024
1	Giá vốn	102.670	59,6%	94.283	59,17%	87.432	56,05%	-8,17%	-7,27%
2	Chi phí tài chính	511	0,30%	1.942	1,22%	2.163	1,39%	280,04%	11,38%
3	Chi phí bán hàng	45.933	26,66%	40.237	25,25%	45.134	28,94%	-12,40%	12,17%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.747	3,92%	6.342	3,98%	6.413	4,11%	-6,00%	-1,12%
Tổng cộng		155.861	90,47%	142.804	89,62%	141.142	90,49%	(8,38%)	-1,16%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

Tổng chi phí sản xuất kinh doanh giảm từ 155,8 tỷ đồng năm 2023 xuống 142,8 tỷ đồng năm 2024 (giảm 8,38%), nguyên nhân là do chi phí giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng giảm mạnh. Trong khi Giá vốn hàng bán giảm từ 102,6 tỷ đồng xuống 94,3 tỷ đồng (giảm 8,3 tỷ đồng, tương đương mức giảm 8,17%) thì Chi phí bán hàng giảm 12,40% (giảm từ 45,9 tỷ đồng năm 2023 xuống 40,2 tỷ đồng). Ngược lại với các chi phí khác, chi phí tài chính tăng mạnh (tăng 280,04% từ 511 triệu đồng năm 2023 lên 1,94 tỷ đồng năm 2024). Chi phí tài chính đến từ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào đơn vị khác, đây là khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ với giá vốn đầu tư 70 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ sở hữu 13,31% Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ).

Năm 2025, tổng chi phí sản xuất kinh doanh của GIC là 141,1 tỷ đồng, giảm nhẹ 1,16% so với năm 2024. Trong đó, chi phí Giá vốn hàng bán là 87,4 tỷ đồng, giảm 7,27% so với năm 2024. Chi phí bán hàng là khoản mục chi phí lớn thứ hai của Công ty, trong năm 2025 là 45,1 tỷ đồng, tăng 12,17% so với năm trước. Chi phí tài chính tăng 11,38% so với năm 2024, chủ yếu do tăng chi phí dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào đơn vị khác, Công ty không có chi phí lãi vay trong năm 2025 do không vay nợ. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm nhẹ 1,12% so với năm 2024.

Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty (trên 56%). Cơ cấu giá vốn hàng bán của Công ty qua các năm 2023, 2024 và năm 2025 như sau:

Bảng 8: Cơ cấu Giá vốn hàng bán các năm 2023, năm 2024 và năm 2025

Đơn vị: triệu đồng

STT	Giá vốn hàng bán	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Chi phí nhân viên	32.414	30.195	29.722
2	Chi phí nguyên vật liệu	27.252	27.204	26.081
3	Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.237	22.269	20.322
4	Chi phí khấu hao	17.255	14.379	11.307
5	Chi phí khác	513	236	-
	Tổng cộng	102.671	94.283	87.432

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

Chi phí bán hàng cũng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí hoạt động của Công ty, tương đương với hơn 28% tổng chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025. Khoản chi phí này bao gồm chi phí liên quan đến hãng tàu và chi phí hoa hồng, cụ thể như sau:

Bảng 9: Cơ cấu Chi phí bán hàng các năm 2023, năm 2024 và năm 2025

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chi phí bán hàng	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Chi phí liên quan đến hãng tàu	20.363	18.977	21.330
1.1	Chi thưởng khách hàng (chi cho hãng tàu)	20.363	18.977	21.330
2	Chi phí hoa hồng – bên thứ ba	5.384	3.111	1.471
3	Chi phí hoa hồng – bên liên quan	18.797	16.687	21.228
4	Chi phí khác	1.389	1.462	1.105
	Tổng cộng	45.933	40.237	45.134

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

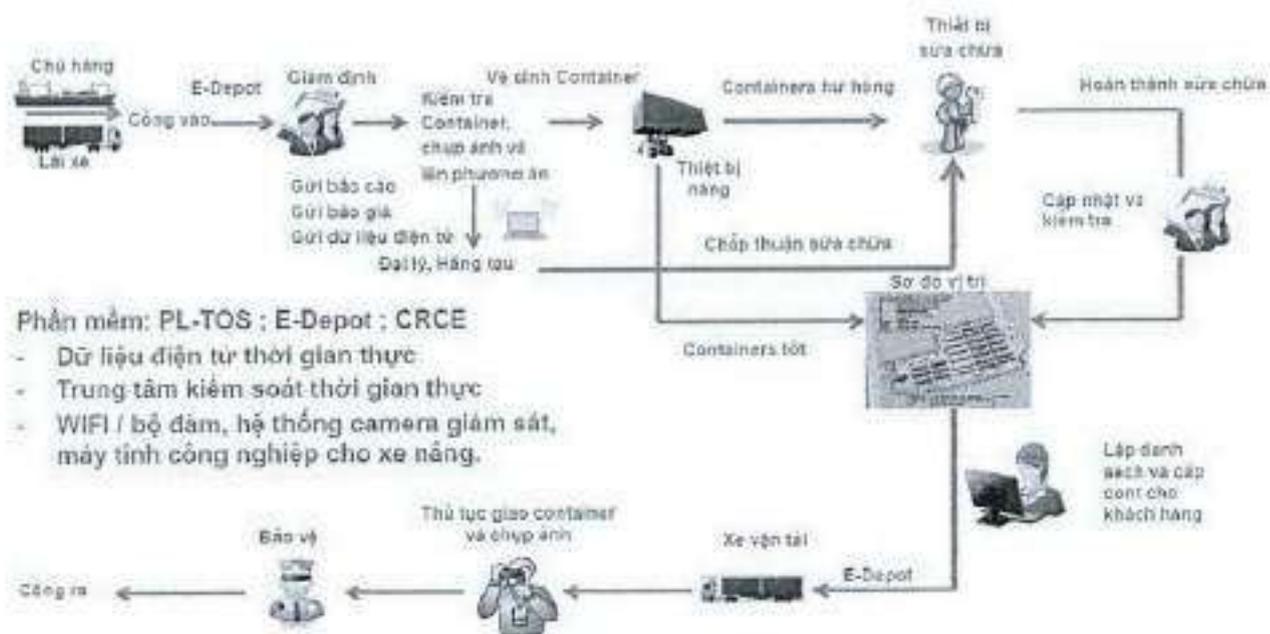
10.1.6 Trình độ công nghệ**↳ Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ các nghiệp vụ liên quan**

- Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ, Công ty trang bị phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin với các giải pháp công nghệ thông tin giúp GIC cung ứng các dịch vụ trực tuyến với khách hàng nhằm tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành nghề, tối ưu khả năng chất xếp và sức chứa của bãi, tối ưu chi phí vận hành cũng như tăng tính chuyên nghiệp trong quản lý chất lượng dịch vụ và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của GIC.
- Hệ thống phần mềm PL-TOS là hệ thống phần mềm quản lý giao nhận container chuyên dùng tối ưu nhất hiện nay cho khai thác bãi container. Hệ thống PL-TOS bao gồm phần mềm cập nhật, lưu trữ tình hình nhập xuất container vào bãi, tình trạng container khi nhập, xuất bãi, vị trí container trong bãi, số lượng container tồn tại trong bãi ... và các thiết bị điện tử cầm tay, máy tính cá nhân...kết nối trực tiếp cho phép nhập dữ liệu container ngay từ cổng vào và tự

động chuyên giữ liệu tới toàn bộ hệ thống khai thác bãi của GIC, chỉ một lần nhập dữ liệu từ đầu vào cho phép đủ dữ liệu phục vụ lập chứng từ giao nhận, lập hoá đơn GTGT điện tử, thanh toán online qua ngân hàng hoặc thanh toán tiền mặt tại bộ phận dịch vụ khách hàng. Kết nối với hệ thống phần mềm PL-TOS là phần mềm kế toán, dịch vụ cung cấp hoá đơn điện tử, hệ thống thanh toán trực tuyến của các ngân hàng và cổng thông tin Hải quan thông qua ứng dụng E-Depot trên website trực tuyến của Công ty.

- Với ứng dụng E-Depot khách hàng có thể thực hiện giao dịch trực tuyến tất cả các dịch vụ của GIC thông qua website được kết nối với cổng thanh toán điện tử của ngân hàng, đơn vị cung cấp hoá đơn điện tử và thủ tục giao nhận trực tuyến.
- Phần mềm CRCE là ứng dụng cho phép cập nhật tình trạng container hư hỏng theo kết quả giám định container vào bộ quy chuẩn sửa chữa container Quốc tế IICL được thiết lập trong phần mềm và cho kết quả là phương án sửa chữa, thay thế theo tiêu chuẩn IICL và báo giá sửa chữa container với chi phí vật tư và chi phí nhân công (tính bằng giờ) riêng biệt theo đúng yêu cầu của khách hàng.

Vận hành phần mềm PL-TOS; E-Depot và CRCE của GIC



- Phần mềm kế toán Bravo là phần mềm kế toán phổ biến hiện nay, cho phép kết nối với hệ thống hoá đơn điện tử, hệ thống dịch vụ khách hàng và website thanh toán trực tuyến của Công ty, đáp ứng được mọi yêu cầu về kế toán tài chính và quản trị công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Hệ thống website của Công ty được cập nhật thường xuyên, cung cấp các thông tin về dịch vụ của Công ty, các thông tin về đối tác, khách hàng của Công ty và các thông tin đối với cổ đông của Công ty theo yêu cầu của pháp luật hiện hành về quản trị công ty đại chúng.
- Hệ thống công nghệ thông tin được theo dõi, bảo trì thường xuyên bởi đội ngũ IT có kinh nghiệm trình độ, đảm bảo công tác kết nối và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn vận hành ổn định.

⚡ **Trang thiết bị xếp dỡ và vận tải container chuyên dùng hiện đại, chất lượng đã được khẳng định của các thương hiệu hàng đầu**

- Thiết bị xếp dỡ container rộng với sức nâng 10 tấn của thương hiệu Kalmar xuất xứ Phần Lan. Các sản phẩm của Kalmar đã được các doanh nghiệp cảng biển, kho bãi tin dùng sử dụng rộng rãi tại các cảng biển lớn trên thế giới với chất lượng bền bỉ, khả năng chịu tải lớn cũng như dễ bảo trì.
- Thiết bị xếp dỡ container có hàng với sức nâng 46 tấn của Hyster xuất xứ Châu Âu - là một trong những công ty hàng đầu thế giới về xe nâng. Sản phẩm xe nâng của Hyster là dòng xe duy nhất có khả năng làm việc với cường độ lên tới 3000h/năm, có khả năng hoạt động trong những môi trường làm việc khắc nghiệt nhất, các sản phẩm này không chỉ có khung gầm cứng cáp, động cơ hiệu suất cao mà còn tiết kiệm chi phí vận hành.
- Đội xe đầu kéo chuyên dùng nhãn hiệu International Prostar Limited xuất xứ Mỹ với lực kéo mạnh mẽ, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, khả năng vận chuyển trên mọi địa hình khó khăn phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hoá, container có trọng tải lớn các loại.
- Máy công cụ và thiết bị sửa chữa container chuyên dụng như máy hàn công nghiệp, máy mài sàn container, máy cắt thép, gỗ ván sàn, máy phun sơn, búa máy,... được trang bị và ứng dụng trong sửa chữa container theo tiêu chuẩn IICL - tiêu chuẩn Quốc tế về container.

10.1.7 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ trong năm 2023, năm 2024 và năm 2025

Bảng 10: Sản lượng/giá trị dịch vụ các năm 2023, năm 2024 và năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Khai thác bãi	Teus	383.950	320.726	280.058
2	Sửa chữa container (Số lượng container Công ty đã và đang sửa chữa)	Container	14.299	16.754	14.978
Tổng cộng			398.249	337.480	295.036

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

Sản lượng kinh doanh khai thác bãi là hoạt động mang lại doanh thu chính của Công ty, tuy nhiên trong các năm 2024 - 2025, tình hình khai thác bãi của Công ty sụt giảm do các khó khăn về thị trường vận tải đường biển khiến lượng hàng hoá qua các cảng biển tại khu vực giảm, đồng thời hoạt động khai thác bãi cảng gặp nhiều khó khăn do sự cạnh tranh khốc liệt giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề dẫn đến sự sụt giảm doanh thu khai thác bãi của Công ty. Năm 2025, sản lượng khai thác bãi của Công ty đạt 280.058 TEUs, giảm 12,68% so với năm 2024. Sản lượng container Công ty đã và đang sửa chữa trong năm đạt 14.978 container, giảm 10,60 % so với cùng kỳ.

Bảng 11: Cơ cấu Doanh thu, lợi nhuận các năm 2023, năm 2024 và năm 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		% tăng/giảm	
		Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	2024/ 2023	2025/ 2024
I	Doanh thu cung cấp dịch vụ	172.273	100%	159.342	100%	155.975	100%	-7,51%	-2,11%
II	Doanh thu thuần	172.273	100%	159.342	100%	155.975	100%	-7,51%	-2,11%
I	Doanh thu thuần xếp dỡ, nâng hạ container	155.054	90%	139.738	87,70%	141.909	91%	-9,88%	1,55%
2	Doanh thu thuần sửa chữa container	11.110	6,45%	13.402	8,41%	12.915	8,28%	20,63%	-3,63%
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	6.109	3,55%	6.202	3,89%	1.150	0,74%	1,52%	-81,46%
III	Lợi nhuận gộp	69.602	40,40%	65.059	40,83%	68.542	43,94%	-6,52%	5,35%
IV	Lợi nhuận trước thuế	18.593	10,79%	18.092	11,35%	16.510	10,59%	-2,69%	-8,74%
V	Lợi nhuận sau thuế	16.631	9,65%	16.239	10,19%	14.593	9,36%	-2,36%	-10,14%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV năm 2025

Doanh thu của GIC qua các năm đến từ các hoạt động: xếp dỡ, nâng hạ container (chiếm trên 87% tổng doanh thu), sửa chữa container (chiếm trên 10% tổng doanh thu) và dịch vụ khác có liên quan. Doanh thu thuần năm 2025 đạt 155,9 tỷ đồng, giảm 2,11 % so với năm 2024, nguyên nhân là do doanh thu cung cấp dịch vụ khác giảm 81,46%, từ 6,2 tỷ đồng năm 2024 xuống 1,1 tỷ đồng năm 2025. Doanh thu từ mảng xếp dỡ, nâng hạ container năm 2025 tăng 1,55% đạt 141,9 tỷ đồng. Các khoản doanh thu cung cấp dịch vụ khác không có thay đổi đáng kể trong các năm gần đây.

Mặc dù doanh thu giảm, nhờ Chi phí giá vốn cải thiện, lợi nhuận gộp năm 2025 của Công ty đạt 68,5 tỷ đồng, tăng 5,35% so với năm 2024. Tuy nhiên, do chi phí bán hàng tăng 12,17%, đồng thời chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính đều tăng nhẹ khiến lợi nhuận năm 2025 giảm sút so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 14,6 tỷ đồng, giảm 10,14% so với năm 2024.

10.2. Tài sản

10.2.1. Tài sản cố định

Bảng 12: Tài sản cố định của Công ty tại 31/12/2023.

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	153.394	109.595	43.799
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	83.050	57.279	25.771
2	Máy móc và thiết bị	3.100	3.058	42
3	Phương tiện vận tải	66.113	48.161	17.952
4	Thiết bị quản lý	1.130	1.097	34
II	Tài sản cố định vô hình	1.121	1.121	0
1	Phần mềm máy tính	1.121	1.121	0
Tổng cộng		154.515	110.716	43.799

Nguồn: BCTC năm 2023 đã được kiểm toán của GIC

Bảng 13: Tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2024

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	153.456	123.807	29.649
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	83.050	63.507	19.543
2	Máy móc và thiết bị	3.100	3.100	-
3	Phương tiện vận tải	66.113	56.075	10.038
4	Thiết bị quản lý	1.193	1.125	68
II	Tài sản cố định vô hình	1.224	1.224	100
1	Phần mềm máy tính	1.224	1.124	100
Tổng cộng		154.680	124.931	29.749

Nguồn: BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của GIC

Bảng 14: Tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2025

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	153.456	135.114	18.342
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	83.050	69.434	13.616
2	Máy móc và thiết bị	3.100	3.100	-
3	Phương tiện vận tải	66.113	61.428	4.685
4	Thiết bị quản lý	1.193	1.152	41
II	Tài sản cố định vô hình	1.224	1.163	61
1	Phần mềm máy tính	1.224	1.163	61
Tổng cộng		154.680	136.377	18.403

Nguồn: BCTC Quý IV/2025 của GIC

10.2.2. Tài sản dài hạn khác

Khoản tài sản dài hạn khác là khoản chi phí trả trước dài hạn liên quan đến việc thuê lô đất tại địa chỉ kinh doanh của Công ty - Lô đất CC2 tại Khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng (Lô đất CC2). Cụ thể như sau:

Bảng 15: Tài sản liên quan đến lô đất thuê tại địa chỉ kinh doanh các năm 2023, 2024 và 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tài sản trả trước dài hạn	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Chi phí thuê đất (*)	113.730	110.335	106.729
2	Công cụ dụng cụ	314	241	193
3	Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng	654	654	876
	Tổng cộng	114.617	111.149	107.798

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

(*) Chi phí thuê Lô đất CC2, Công ty đã trả trước cho giai đoạn từ ngày 25/01/2017 đến ngày 30/06/2057 theo hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTĐ-MP ngày 25/01/2017 giữa GIC và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương. Khoản trả trước này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Biến động về chi phí thuê lô đất trên như sau:

Bảng 16: Tình hình biến động chi phí thuê lô đất CC2 các năm 2023, 2024 và 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Số dư đầu năm	117.293	114.617	111.149
2	Tăng trong năm	946	245	208
3	Phân bổ trong năm	(3.622)	(3.713)	(3.559)
4	Số dư cuối năm	114.617	111.149	107.798

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

10.3. Thị trường hoạt động

Địa bàn kinh doanh của Công ty tại Thành phố Hải Phòng và khu vực Miền Bắc

Công ty Cổ phần VSC Green Logistics cùng với công ty mẹ là Công ty Cổ phần Container Việt Nam (VSC) hoạt động kinh doanh trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Theo thống kê, TP. Hải Phòng hiện có khoảng 250 doanh nghiệp logistics, với hơn 170.000 lao động, 60 kho bãi lớn với tổng diện tích hơn 700 ha được phân bố chủ yếu tại các khu vực cảng biển trọng điểm như Đình Vũ, Tân Vũ, Chùa Vẽ, Hoàng Diệu và Hải An. Để phát triển hoạt động logistics, Thành phố Hải Phòng đã chủ động xây dựng và triển khai quy hoạch logistics hiện đại, đồng bộ, tập trung phát triển các trung tâm logistics quy mô lớn như khu vực Đình Vũ - Cát Hải, Nam Đình Vũ, VSIP,... Những khu vực này không chỉ đóng vai trò lưu trữ, trung chuyển hàng hóa mà còn là mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, kết nối trực tiếp với các khu công nghiệp, cảng biển và các tuyến giao thông chiến lược.

Vị trí các cảng của VSC (màu đen) và các cảng container khác tại Hải Phòng (màu đỏ)



Nguồn: Google Maps

GIC có vị trí chiến lược, nằm tại vị trí trung tâm Khu kinh tế Đình vũ – Cát Hải, Hải Phòng, do vậy có thể cung cấp các dịch vụ phụ trợ cho hoạt động logistics và dịch vụ liên quan container cho các khách hàng của các cảng biển trong khu vực.

Cảng biển là mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị ngành logistics, kết nối hình thức vận tải đường bộ, đường sắt với đường thủy trong chuỗi cung ứng, có thiết bị hạ tầng phù hợp cho công việc bốc xếp hàng hoá lên tàu thuyền để vận chuyển tới các cảng biển khác. Sở hữu hệ thống cảng biển lớn, hiện đại, trong đó nổi bật là Cảng Lạch Huyện, Thành phố Hải Phòng có khả năng tiếp nhận các tàu container trọng tải lớn, vận hành liên tục và kết nối trực tiếp với các tuyến vận tải biển quốc tế, kết nối trực tiếp với Mỹ, châu Âu và các thị trường toàn cầu.



Bên cạnh đó, hệ thống đường cao tốc, đường sắt và sân bay quốc tế Cát Bi được đầu tư đồng bộ, liên kết chặt chẽ với các trung tâm sản xuất và tiêu dùng trong nước cũng như khu vực ASEAN và Trung Quốc... Đặc biệt, mô hình liên kết cảng biển - khu công nghiệp - trung tâm logistics tạo nên một hệ sinh thái khép kín, giúp tối ưu hóa chi phí và thời gian vận chuyển hàng hóa.

Thành phố Hải Phòng có 18 khu công nghiệp đang hoạt động cùng hai khu kinh tế lớn là Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải và Khu kinh tế ven biển phía Nam với tổng diện tích hơn 40.000 ha, cùng hàng triệu mét vuông nhà xưởng, kho bãi sẵn sàng cho thuê. Thành phố cũng đang xúc tiến thành lập Khu thương mại tự do và Cảng tự do Nam Đồ Sơn với các cơ chế ưu đãi vượt trội.

Ngoài ra, Hải Phòng còn là điểm đầu của hàng hóa từ nội địa đổ về và là cửa ngõ xuất khẩu ra quốc tế. Thành phố được kết nối thuận lợi với các tuyến cao tốc huyết mạch như Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Lào Cai, tạo điều kiện lý tưởng để hàng hóa từ các tỉnh phía Bắc như Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên... nhanh chóng di chuyển tới cảng biển Hải Phòng. Qua đó, nâng cao hiệu quả vận chuyển, giảm chi phí logistics và tăng tính cạnh tranh cho hàng hóa Việt Nam.

Như vậy với địa điểm hoạt động kinh doanh tại khu vực Hải Phòng, cung cấp dịch vụ liên quan

đến logistics cùng các quan hệ hợp tác hỗ trợ từ VSC và các công ty thành viên, tạo các chuỗi liên kết trong vận hành sản xuất đã hỗ trợ lớn cho hoạt động cung cấp dịch vụ bốc xếp, nâng hạ, sửa chữa container của Công ty, mang lại nguồn khách hàng ổn định và doanh thu đều các năm qua cho Công ty.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Bảng 17: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và năm 2025

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện 2024/Kế hoạch 2024	Thực hiện 2025/Kế hoạch 2025
1	Doanh thu thuần	160	159,34	145	155,97	99,59%	107,57%
2	Lợi nhuận trước thuế	16,5	18,09	16,5	16,51	109,65%	100,06%

Nguồn: BCTC năm 2024 đã kiểm toán và BCTC Quý IV/2025 của GIC

Năm 2025 là năm có nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh do sự cạnh tranh khốc liệt giữa các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo và chiến lược phát triển đúng đắn của HĐQT, Ban điều hành, Công ty vẫn tiếp tục duy trì được nhịp độ tăng trưởng, phát triển bền vững. Bãi container được vận hành và khai thác tương đối hiệu quả, với sản lượng container qua bãi đạt 280.058 TEUs với giá cung cấp dịch vụ tăng cao, qua đó giúp Công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã đề ra với hiệu quả kinh doanh trong năm 2025 cụ thể như sau:

- Doanh thu đạt 155,97 tỷ đồng, tương đương với 107,57% kế hoạch doanh thu năm 2025.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 16,51 tỷ đồng, đạt kế hoạch lợi nhuận năm 2025.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 1.204 đồng/cổ phiếu.

Hoạt động xếp dỡ, nâng hạ container năm 2025 mang lại doanh thu lớn nhất với doanh thu đạt 141,9 tỷ đồng, chiếm hơn 91% tổng doanh thu thuần của Công ty.

[Phần cuối của trang này được cố ý bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản cáo bạch]

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 18: Danh sách các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Tên hợp đồng	Thời điểm ký kết	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông của Công ty	Các điều khoản quan trọng khác	
			Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*)	Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*)	Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*)				
I HỢP ĐỒNG BÁN HÀNG, CUNG CẤP DỊCH VỤ												
1	Hợp đồng 02-2022/VGR-GIC, Hợp đồng 03/2024/DVXD/VGR-GIC	01/10/2023, 02/05/2024	9,20	5,34%	10,82	6,79%	1,24	1,08%	Sửa chữa container	CTCP Cảng Xanh VIP	Công ty cùng tập đoàn	Không có
2	Hợp đồng số 01/2023/VGR-GIC	01/01/2023	9,37	5,44%	11,18	7,02%	5,29	4,60%	Khai thác bãi	CTCP Cảng Xanh VIP	Công ty cùng tập đoàn	Không có

TT	Tên hợp đồng	Thời điểm ký kết	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông của Công ty	Các điều khoản quan trọng khác
			Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*)	Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*)	Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*)				
3	Hợp đồng số 03/2023/HĐNH/GLC-GIC	01/01/2023	1,67	0,97%	1,59	0,99%	1,09	0,95%	Khai thác bãi	Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	Công ty cùng tập đoàn	Không có
4	Hợp đồng số 03/2023/HĐNH/GLC-GIC	01/01/2023	1,10	0,64%	0,83	0,52%	0,16	0,14%	Khai thác bãi	Công ty TNHH MTV Vận tải Ngòi sao Xanh	Công ty cùng tập đoàn	Không có
5	Hợp đồng số 01/2024/HĐMB/VGI-GIC	27/06/2024	-	-	1,35	0,85%	-	-	Thanh lý TSCD, công cụ, dụng cụ	CTCP Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ	Công ty cùng tập đoàn	Không có

TT	Tên hợp đồng	Thời điểm ký kết	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông của Công ty	Các điều khoản quan trọng khác
			Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*)	Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*)	Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*)				
6	Hợp đồng số 01/2025/HD GIC-TRACO	31/12/2025	1,28	0,74%	1,50	0,94%	0,85	0,74%	Dịch vụ đóng hàng	CTCP Vận Tải 1 Traco	Không có	Không có
7	Hợp đồng số 01/2025/HD YLTV-GIC	31/12/2025	0,89	0,51%	1,54	0,96%	0,61	0,54%	Nâng hạ container	Công ty TNHH Yusen Logistic	Không có	Không có
8	Hợp đồng số 11/2025/DEPOT/SNT-GIC	31/12/2025	0,53	0,31%	0,21	0,13%	0,20	0,17%	Vệ sinh, Sửa chữa container	Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (ORIMAS)	Không có	Không có

TT	Tên hợp đồng	Thời điểm ký kết	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông của Công ty	Các điều khoản quan trọng khác
			Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*)	Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*)	Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*)				
II	HỢP ĐỒNG MUA HÀNG, MUA DỊCH VỤ											
1	Hợp đồng số 01/2022/HĐKT; Hợp đồng số 01/2025/HĐNT/ VSC-GIC	31/12/ 2022 01/01/ 2025	6,31	4,06%	0	0	9,96	15,12%	Nhiên liệu, dầu mỡ	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Công ty mẹ	Không có
2	Hợp đồng số 2405/2024/HĐN T/THT-GIC; Hợp đồng số 0101/2025/HĐN T/THT-GIC	2024 - 2025	-	-	3,53	3,75%	7,60	11,5%	Vật tư, đầu mối	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thịnh Tiến	Không có	Không có

TT	Tên hợp đồng	Thời điểm ký kết	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025		Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông của Công ty	Các điều khoản quan trọng khác
			Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*)	Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*)	Giá trị đã thực hiện (tỷ đồng)	Tỷ lệ % giá trị đã thực hiện trên doanh thu bán hàng/chi phí SXKD (*)				
3	Hợp đồng số 01/2023 GIC-GSL/HĐ DVSC; Hợp đồng số 01/2023/GSL-GIC; Hợp đồng số 01/2023/HĐNH/GSL-GIC	01/01/2023	7,74	4,98%	7,86	5,58%	3,80	5,77%	Dịch vụ sửa chữa Phương tiện thiết bị và vận chuyển nhập xuất tàu	Công ty TNHH MTV Vận tải Ngôi sao Xanh	Công ty cùng tập đoàn	Không có

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty có các hợp đồng lớn đã ký kết và chưa thực hiện là các hợp đồng nhận chuyển nhượng tài sản, cụ thể như sau:

Bảng 19: Các hợp đồng lớn đã ký kết và chưa thực hiện (*)

STT	Tên hợp đồng	Thời điểm ký kết	Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	Sản phẩm, dịch vụ	Đối tác	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông của Công ty	Các điều khoản quan trọng khác
1	Hợp đồng số 36/HDCN/GLC-GIC;	29/08/2025	40	Quyền sử dụng đất	Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	Công ty cùng tập đoàn	Không có
2	Hợp đồng số 37/HDCNTS/GLC-GIC;	29/08/2025	18	Phương tiện vận tải: xe sơ mi rơ moóc, xe đầu kéo, xe nâng	Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	Công ty cùng tập đoàn	Không có
3	Hợp đồng số 38/HDCNTS/GLC-GIC	29/08/2025	3,6	Máy móc, thiết bị	Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	Công ty cùng tập đoàn	Không có
4	Hợp đồng số 169/HDCNTS/GSL-GIC	29/08/2025	0,6	Máy móc, thiết bị	Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh	Công ty cùng tập đoàn	Không có
5	Hợp đồng số 170/HDCNTS/GSL-GIC	29/08/2025	49	Phương tiện vận tải: xe sơ mi rơ moóc, xe ô tô đầu kéo	Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh	Công ty cùng tập đoàn	Không có
Tổng cộng			111,2				

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

(*) Thời gian thực hiện dự kiến: Sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 20: Khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

TT	Tên khách hàng, nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông của TCPH
I. Khách hàng lớn					
1	Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Thanh toán theo quyết toán hàng tháng	Theo quy định tại Hợp đồng 02-2022/VGR-GIC, Hợp đồng 03/2024/DVXD/VGR-GIC, Hợp đồng số 01/2023/VGR-GIC	Sửa chữa container, khai thác bãi	Công ty cùng tập đoàn
2	Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	TT theo quyết toán hàng tháng	Theo quy định tại Hợp đồng số 03/2023/HĐNH/GLC-GIC	Khai thác bãi	Công ty cùng tập đoàn
3	Công ty TNHH MTV Vận tải Ngôi sao Xanh	TT theo quyết toán hàng tháng	Theo quy định tại Hợp đồng số 03/2023/HĐNH/GLC-GIC	Khai thác bãi	Công ty cùng tập đoàn
4	Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	1,35	Năm 2024	Thanh lý TSCD, công cụ, dụng cụ	Công ty cùng tập đoàn
5	CTCP Vận Tải 1 Traco	TT theo quyết toán hàng tháng	Theo quy định tại Hợp đồng số 01/2025/HĐ GIC-TRACO	Dịch vụ đóng hàng	Không có
6	Công ty TNHH Yusen Logistic	TT theo quyết toán hàng tháng	Theo quy định tại Hợp đồng số 01/2025 HĐ YLTV-GIC	Nâng hạ container	Không có
7	Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (ORIMAS)	TT theo quyết toán hàng tháng	Theo quy định tại Hợp đồng số 11/2025/DEPOT/SNT-GIC	Vệ sinh, Sửa chữa container	Không có

TT	Tên khách hàng, nhà cung cấp	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với người nội bộ và cổ đông của TCPH
II. Nhà cung cấp lớn					
1	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	TT theo quyết toán hàng tháng	Theo quy định tại Hợp đồng số 01/2022/HĐKT; Hợp đồng số 01/2025/HĐNT/VSC-GIC	Nhiên liệu, dầu mỡ	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thịnh Tiến	TT theo quyết toán hàng tháng	Theo quy định tại Hợp đồng số 2405/2024/HĐNT/THT-GIC; Hợp đồng số 0101/2025/HĐNT/THT-GIC	Vật tư, dầu mỡ	Không có
3	Công ty TNHH MTV Vận tải Ngõi sao Xanh	TT theo quyết toán hàng tháng	Theo quy định tại Hợp đồng số 01/2023 GIC-GSL/HĐ DVSC; Hợp đồng số 01/2023/GSL-GIC; Hợp đồng số 01/2023/HĐNH/GSL-GIC	Dịch vụ sửa chữa Phương tiện thiết bị và vận chuyển nhập xuất tàu	Công ty cùng tập đoàn
4	Công ty TNHH MTV Vận tải Ngõi sao Xanh	61,6	Theo quy định tại Hợp đồng số 169/HĐCNTS/GSL-GIC; Hợp đồng số 170/HĐCNTS/GSL-GIC	Máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải	Công ty cùng tập đoàn
5	Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistic Xanh	49,6	Theo quy định tại Hợp đồng số 36/HĐCN/GLC-GIC; Hợp đồng số 37/HĐCNTS/GLC-GIC; Hợp đồng số 38/HĐCNTS/GLC-GIC	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải	Công ty cùng tập đoàn

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

10.7. Vị thế của Công ty trong ngành

10.7.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

✦ Vị thế của GIC

Công ty Cổ phần VSC Green Logistics thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2017. Tuy là doanh nghiệp trẻ mới hoạt động được 08 năm, nhưng đã đạt được mức tăng trưởng rất ấn tượng về quy mô doanh thu cũng như tổng tài sản.

Lợi thế: Là công ty con của CTCP Container Việt Nam (VSC) với chuỗi dịch vụ logistics khép kín bao gồm hệ thống cảng biển, kho CFS (điểm gom hàng lẻ), bãi container, đội vận tải container chuyên nghiệp, xưởng sửa chữa..., GIC có lợi thế lớn được hình thành và phát triển với sự kế thừa về nhân sự, kỹ thuật, kinh nghiệm đặc biệt là mối quan hệ khách hàng truyền thống lâu năm từ công ty mẹ và các doanh nghiệp sản xuất, các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, các hãng tàu lớn như Maersk, Evergreen, Cosco, Namsung, Dongyoung, OOCL, TS Lines, Hapag Lloyd, Yangming, CMA, CGM,... Đây cũng là tiền đề GIC phát triển lớn mạnh trong tương lai.

GIC đã đầu tư bài bản trang thiết bị chuyên dùng hiện đại như xe nâng Reach Stacker 45 tấn và 10 tấn; búa máy; máy hàn công nghiệp; máy phun sơn, xe vận tải đầu kéo kèm theo móc hiện đại..., hệ thống công nghệ thông tin tối ưu của ngành dịch vụ logistics nhằm liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ của công ty với mục tiêu trở thành công ty cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi logistics hàng đầu tại Việt Nam và khu vực...

Với vị trí bãi rộng 10 ha, sức chứa tương đối lớn tại khu công nghiệp Đình Vũ Hải Phòng, điểm giao với các tuyến đường quan trọng như cao tốc Hải Phòng – Hà Nội, cao tốc Hải Phòng – Hạ Long... là vị trí bãi container chiến lược tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động logistics và dịch vụ vận tải hàng hoá một cách nhanh chóng, hiệu quả với chi phí thấp.

✦ Mức độ cạnh tranh và thị phần

Hải Phòng với vị trí là một trong những cảng lớn nhất Việt Nam, có lưu lượng thông quan lớn nhất khu vực Miền Bắc, tập trung đến 90% lượng container và hơn 50% tổng lượng hàng hoá xuất nhập khẩu tại khu vực. Theo đó, tại địa bàn Thành phố Hải Phòng có hơn 500 doanh nghiệp Logistics lớn nhỏ, dẫn đến sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp.

Dịch vụ xếp dỡ hàng container là hoạt động kinh doanh chính, đóng góp trên 85% doanh thu cảng biển. Do các doanh nghiệp đầu tư xây dựng ồ ạt gây dư thừa công suất, nhiều cảng, công ty đã phải cạnh tranh bằng việc hạ giá dịch vụ nhằm thu hút các hãng tàu. Ngoài ra hiện nay với lợi thế là cảng nước sâu, cùng với vị thế độc quyền đón được tàu mẹ, cảng Lạch Huyện đang giữ được mức giá dịch vụ xếp dỡ cao nhất Hải Phòng và chạm trần khung giá quy định của Bộ Giao thông Vận tải quy định. Trong khi đó, các cảng sông Cẩm Vãn đang phải cạnh tranh gay gắt, buộc phải giữ giá bốc xếp thấp để giữ chân các hãng tàu, vì vậy GIC với vị trí ở khu vực đất liền cung cấp dịch vụ ngoài cảng, gần sông Cẩm, cùng các đơn vị thành viên và các cảng thuộc VSC tại khu vực sông Cẩm cũng bị sụt giảm thị phần đáng kể.



Nguồn: CTCP VSC Green Logistics

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Năm 2024, ngành logistics tại Việt Nam ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ sau giai đoạn chịu tác động nặng nề từ dịch bệnh. Xuất khẩu tăng trưởng ổn định, cùng với sự hỗ trợ tích cực từ Chính phủ, đã tạo động lực cho các doanh nghiệp logistics mở rộng hoạt động. Thêm vào đó, chuỗi cung ứng toàn cầu được cải thiện đáng kể, góp phần giảm bớt các nút thắt trong quá trình vận chuyển hàng hóa.

Theo thống kê, hơn 82% doanh nghiệp logistics tại Việt Nam có lợi nhuận tăng trưởng trong năm 2024, cho thấy sự khởi sắc đáng kể của ngành. Tỷ lệ lấp đầy tại các khu công nghiệp đạt 81% ở miền Bắc và 92% ở miền Nam, nhờ dòng vốn FDI tiếp tục đổ mạnh. Kết quả này không chỉ thúc đẩy nhu cầu vận tải mà còn tạo tiền đề cho sự phát triển của hạ tầng logistics. Riêng tại Thành phố Hải Phòng, trong năm qua, dịch vụ logistics duy trì tốc độ tăng trưởng 20-23%/năm và đóng góp khoảng 13-15% GRDP của thành phố. Tuy nhiên, theo ông Bùi Ngọc Hải - Phó trưởng ban Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, ngành logistics của Hải Phòng hiện nay vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng và vai trò là trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ giao thương quốc tế của cả nước. Chi phí logistics của Việt Nam nói chung và Hải Phòng nói riêng vẫn ở mức cao so với các quốc gia trong khu vực, tạo ra thách thức lớn trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp. Nguyên nhân chính là hoạt động trong chuỗi cung ứng giữa các doanh nghiệp còn thiếu sự liên kết chặt chẽ. Mối quan hệ giữa các doanh nghiệp logistics với doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu hiện nay chủ yếu mang tính chất hợp tác từng phần, chưa phát triển thành mối quan hệ chiến lược, đồng hành cùng phát triển. Để khắc phục những hạn chế, Thành phố Hải Phòng đã có định hướng xây dựng các mô hình chuỗi cung ứng khép kín, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, phát triển hạ tầng mềm, và đặc biệt chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường trong nước và quốc tế.

Logistics Việt Nam bước sang năm 2025 với nhiều cơ hội nhưng cũng đối mặt với hàng loạt thách thức lớn. Những yếu tố như bất ổn kinh tế toàn cầu và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các doanh nghiệp cùng ngành đang đặt ra nhiều bài toán khó giải.

Những bất ổn kinh tế, chính trị toàn cầu và ảnh hưởng đến ngành logistics nói chung và các ngành phụ trợ có liên quan đến logistics nói riêng. Việc gián đoạn chuỗi cung ứng quốc tế không chỉ làm gia tăng chi phí vận hành mà còn làm giảm hiệu quả trong các khâu vận chuyển. Điều này

đòi hỏi các doanh nghiệp phải nhanh chóng thích nghi để hạn chế rủi ro.

Ngành logistics tại Việt Nam đang chứng kiến sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt, với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp cả trong và ngoài nước. Sự gia tăng về số lượng đối thủ đã khiến thị trường trở nên khó khăn hơn, buộc các công ty phải đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và cải tiến dịch vụ để giữ vững vị thế. Ngoài ra, với những căng thẳng thương mại thế giới thì việc xuất nhập khẩu giảm sút sẽ dẫn đến nhu cầu vận chuyển hàng hóa bị ảnh hưởng, từ đó làm giảm doanh thu của các doanh nghiệp trong ngành.

Triển vọng phát triển ngành logistics Việt Nam đến năm 2030:

Ngành logistics Việt Nam được kỳ vọng sẽ có nhiều bước tiến vượt bậc nhờ sự đồng hành của Chính phủ và xu hướng phát triển logistics xanh (E-logistics). Xu hướng logistics xanh và bền vững trong tương lai đang dần trở thành tiêu chuẩn mới của ngành, với mục tiêu giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Việt Nam có tiềm năng lớn để phát triển lĩnh vực này nhờ sự đổi mới công nghệ và các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ.

Xu hướng tăng cường hợp tác công tư để cải thiện cơ sở hạ tầng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng logistics tại Việt Nam. Đầu tư vào cảng biển, kho bãi và giao thông vận tải sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển toàn ngành. Với vị trí địa lý chiến lược và tốc độ phát triển kinh tế nhanh chóng, Việt Nam đang hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm logistics quan trọng của khu vực Đông Nam Á. Điều này sẽ mang lại nhiều cơ hội mới cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

10.7.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Bảng 21: So sánh các chỉ số tài chính của các Công ty trong cùng ngành, nghề

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	CTCP VSC Green Logistics (HNX)	CTCP Vận tải biển Sài Gòn (Upcom)	CTCP Cảng Hải Phòng (Upcom)	CTCP Cảng Cam Ranh (HNX)
Tổng tài sản	264.485	350.392	8.492.693	313.985
Vốn điều lệ	121.200	114.200	3.269.600	245.018
Vốn chủ sở hữu	242.364	314.550	6.360.621	280.670
Doanh thu thuần	43.256	42.231	709.949	46.241
LNST chưa phân phối	16.238	148.799	1.043.411	16.919
ROE (%)	6,7%	16,79%	12,69%	5,83%
ROA (%)	6,18%	14,44%	9,51%	5,2%
EPS (nghìn đồng)	1,34	3,16	2,47	0,67
BV (nghìn đồng)	20	19,26	16,99	11,29

Nguồn: BCTC năm 2024 của các công ty cùng ngành nghề đang niêm yết/đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán

10.7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung của thế giới

Để nâng cao năng lực hoạt động, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, GIC không ngừng nghiên cứu, phát triển, nâng cao năng lực hoạt động, khả năng cung cấp dịch vụ phụ trợ cho ngành logistics. Các công nghệ như quản lý kho bãi tự động và theo dõi lộ trình thời gian thực đã và đang được Công ty thực hiện. Thúc đẩy thực hành ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị) và logistics xanh bền vững sẽ không chỉ là xu hướng mà còn là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh hiện nay đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics. Vì vậy, trong quá trình phát triển, mục tiêu hướng tới ESG và logistics xanh của Công ty là hoàn toàn phù hợp với tiến trình phát triển ngành.

Ngành dịch vụ logistics, bốc dỡ hàng hoá và sửa chữa container còn rất nhiều dư địa phát triển. Với định hướng phát triển dịch vụ logistics Thành phố Hải Phòng theo hướng hiện đại đồng bộ và bền vững, với đủ 5 loại hình giao thông, đặc biệt có Cảng quốc tế Lạch Huyện, Hải Phòng đang hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm logistics của khu vực phía Bắc và quốc tế. Đến nay, Hải Phòng mới có 2 trung tâm logistics (kế hoạch là 6 trung tâm vào 2025) đi vào hoạt động là trung tâm logistics Green, trung tâm tiếp vận Yusen Logistics (cũng nằm trong khu công nghiệp Đình Vũ). Ngoài ra, có 2 trung tâm logistics đang được xây dựng là trung tâm logistics CDC (khu công nghiệp Đình Vũ 2) và trung tâm logistics thuộc KCN Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (khu công nghiệp Deep C III thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải). Ngoài ra, Nghị quyết số 45 của Bộ Chính trị đã xác định: đến năm 2025, xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc gia và đến năm 2030, thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm dịch vụ logistics quốc tế hiện đại bằng cả đường biển, đường hàng không, đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao.

Việc áp dụng công nghệ cao, hiện đại vào sản xuất kinh doanh, hệ thống kho bãi rộng, trang thiết bị đầu tư bài bản, chất lượng cùng với chiến lược phát triển logistics của Thành Phố Hải Phòng nói chung và của công ty mẹ VSC nói riêng giúp cho GIC tự tin hướng tới mục tiêu trở thành doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ logistics hàng đầu tại khu vực Miền Bắc. Định hướng của Công ty phù hợp với định hướng ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

Công tác tiếp thị làm thị trường được Lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm và trực tiếp thực hiện các mảng dịch vụ mang lại nhiều doanh thu, lợi nhuận, đồng thời luôn chỉ đạo các đơn vị với quan điểm: khách hàng là sự tồn tại và phát triển của Công ty. Thương hiệu của Công ty ngày càng được nhiều khách hàng và các tổ chức trong nước, quốc tế biết đến. Quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài ngày càng mở rộng.

10.8. Hoạt động Marketing

- Đảm bảo chất lượng dịch vụ, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng nhằm giữ vững khách hàng truyền thống, đồng thời nỗ lực tìm kiếm, phát triển khách hàng mới là tiêu chí Marketing của công ty.
- Lợi thế là một Công ty con của Công ty Cổ phần Container Việt Nam, dịch vụ của Công ty nằm trong chuỗi mắt xích dịch vụ logistics của công ty mẹ. Vì vậy Công ty có cơ hội tiếp cận khách hàng của các Công ty trong cùng hệ thống Viconship để phát triển mối quan hệ trở thành khách hàng và khách hàng tiềm năng của Công ty trong tương lai.
- Đồng thời tìm kiếm các khách hàng là các doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu hàng hoá để tìm hiểu, giới thiệu dịch vụ và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Công ty Cổ phần VSC Green Logistics, tên viết tắt là GIC. Công ty đã đăng ký tên giao dịch bằng tiếng Anh, tiếng Việt với Cơ quan quản lý Nhà Nước. Công ty cũng thiết kế và đăng ký logo, websites, tên miền của Công ty nhằm xây dựng thương hiệu riêng với tiêu chí trở thành Công ty dịch vụ hậu cần sau cảng hàng đầu tại Việt Nam và quảng bá thương hiệu với ngành logistics toàn cầu.

- Biểu tượng logo của Công ty:



- Website của Công ty:

www.greenicd.com.vn

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển giai đoạn 2023 – 2024 và thời điểm hiện tại

Trong giai đoạn 2023 – 2024 cho đến hiện tại, GIC đã và đang tiếp tục đầu tư cho hoạt động R&D theo hướng tập trung vào chuỗi dịch vụ logistics. Chính sách nghiên cứu và phát triển của Công ty được thực hiện thông qua các định hướng chính như sau:

- Bám sát thị trường, đảm bảo duy trì tốt các hoạt động kinh doanh chính của Công ty ổn định.
- Kiên định với chiến lược tiếp thị và làm thị trường “giữ vững khách hàng hiện tại và tìm kiếm khách hàng mới” thông qua việc cùng khách hàng cung cấp các giải pháp “Gói dịch vụ” song song với việc cung cấp thêm “Dịch vụ giá trị gia tăng”.
- Kết nối với các đơn vị trong cùng Tập đoàn sâu rộng hơn nữa và không chỉ giới hạn trong phạm vi Công ty.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tính chuyên nghiệp của CBCNV và đội ngũ lãnh đạo, quản lý. Đào tạo nguồn nhân lực cho mục tiêu và tầm nhìn dài hạn, tạo điều kiện, hỗ trợ và khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý và tính chủ động sáng tạo.
- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ và tiếp thị làm thị trường nhằm tăng năng suất, chất lượng dịch vụ hơn nữa.
- Rà soát nhân sự, tiền lương, quản lý và sử dụng lao động hiệu quả nhất.
- Quản lý tốt nguồn lực, các chi phí; triệt để tiết kiệm; đảm bảo kinh doanh có hiệu quả; tỷ lệ cổ tức đạt từ 10% và có tích lũy để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh.

Một số kết quả từ hoạt động R&D trong thời gian vừa qua:

- Tiếp tục triển khai các dịch vụ Giá trị gia tăng (VAS) như dịch vụ PTI (Pre-Trip Inspection: dịch vụ kiểm tra kỹ thuật container lạnh trước khi bắt đầu hành trình vận chuyển), dịch vụ làm container treo,...
- Nghiên cứu đưa công nghệ vào ứng dụng trong quản lý điều hành và cung cấp dịch vụ, xây dựng “E-Depot” bằng việc ứng dụng công nghệ tạo giao dịch, thanh toán online, đăng ký nhận container,...

Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động R&D đến tình hình hoạt động của Công ty:

GIC xác định nghiên cứu và phát triển (R&D) là một trong các chiến lược quan trọng để giúp Công ty tối ưu hiệu quả vận hành, tăng sức cạnh tranh và phát triển bền vững. Phương hướng nghiên cứu và phát triển của Công ty luôn phù hợp với chính sách của Nhà nước, định hướng phát triển của Công ty và xu thế chung của thế giới. Các chính sách R&D trên đã từng bước góp phần giúp Công ty nâng cao năng lực hoạt động, giảm thiểu chi phí vận hành và gia tăng chuỗi giá trị hoạt động logistics khai thác kho bãi.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Tổng quan về chiến lược kinh doanh của Công ty:

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty là tiến hành mở rộng hệ thống dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, mặt khác Công ty không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu khắt khe của khách hàng. Đảm bảo việc phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và phấn đấu trở thành một công ty logistics mang tầm cỡ quốc tế. Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty là xem xét nghiên cứu, tìm hiểu thị trường để đầu tư vào nhiều lĩnh vực tiềm năng trên cơ sở những thế mạnh kinh doanh sẵn có, nhằm mang lại lợi ích kinh tế lớn nhất và ngày càng đưa Công ty phát triển lên một tầm cao mới. Với kế hoạch đầu tư mua mới tài sản theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 đã thông qua, Công ty đang có kế hoạch thực hiện mở rộng lĩnh vực kinh doanh và tăng quy mô đối với các hoạt động kinh doanh hiện có của GIC, cụ thể như sau:

- + Vận hành đội xe chạy đường dài: nhận chuyển nhượng các phương tiện vận tải gồm xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc từ Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh (GSL) và Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh (GLC), nhận chuyển giao khách hàng hiện hữu từ GSL và GLC, mở rộng thị trường tìm kiếm đối tác mới.
- + Mở rộng hoạt động chạy shipperside tàu – bãi và các dịch vụ nâng hạ container trong bãi thông qua nhận chuyển nhượng thêm một số xe đầu kéo nội bộ cảng từ GSL và xe nâng (chạy dầu và chạy điện) của GLC.
- + Xây dựng thêm nhà kho đóng hàng rời và sửa chữa bãi container tại Khu đất kho hàng và Khu bến bãi container tại Lô CN3.2I Khu công nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng diện tích 10.120 m² nhận chuyển nhượng từ GLC.
- + Sửa chữa bãi container hiện nay tại các khu bãi hiện có diện tích 10 ha thuộc sở hữu của Công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty. Công ty đảm bảo rằng vấn đề trách nhiệm với môi trường, xã hội và cộng đồng luôn song hành và gắn liền với hệ thống quản lý, văn hóa của Công ty.

Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến để thực hiện chiến lược:

Để triển khai chiến lược kinh doanh trên, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn từ huy động được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng này với số tiền dự kiến là 121 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn hiện có để thực hiện kế hoạch xây dựng nhà kho đóng hàng rời tại Lô đất nhận chuyển nhượng từ GLC (hơn 1 ha) và sửa chữa lớn đối với bãi container hiện đang khai thác (10 ha) của Công ty. Tổng giá trị đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dự kiến trong năm 2026 – 2027 là 52 tỷ đồng.

10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật liên quan

Tổ Chức Phát Hành hiện không có ngành, nghề kinh doanh nào thuộc hệ thống ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại Phụ lục IV – Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng lao động và cơ cấu lao động

- Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.
- Tính đến thời điểm 31/12/2025, tổng số lao động trong Công ty là 120 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 22: Tình hình lao động trong Công ty

Phân loại	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<i>Theo trình độ</i>	151	100	139	100	120	100
Đại học và trên đại học	49	32.4	53	38.1	44	36.7
Cao đẳng	14	9.3	12	8.7	11	9.1
Trung cấp	40	26.5	21	15.1	15	12.5
Lao động phổ thông	48	31.8	53	38.1	50	41.7
<i>Theo thời gian lao động</i>	151	100	139	100	120	100
Thường xuyên	151	100	139	100	120	100
Thời vụ	0	0	0	0	0	0

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 8h/ngày; 5,5 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất kinh doanh, CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, khám sức khỏe định kỳ.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Mục tiêu và tiêu chí tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác.

- Thực hiện tốt công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, xây dựng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực dài hạn và đáp ứng được sự phát triển của Công ty. Trong năm 2024 Công ty đã thực hiện tốt việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- Công ty tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.
- Công ty xây dựng và thực hiện các kế hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ tốt nhất cho người lao động trong công việc và phát triển sự nghiệp.
- Khuyến khích người lao động cùng quản lý và phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm trong sản xuất.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Áp dụng theo chức danh và tính chất từng công việc, Công ty thực hiện chi trả lương cho CBCNV trong Công ty đúng và đầy đủ theo Quy chế lương, trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả, năng lực và hiệu quả công việc của CBCNV, Công ty xem xét và áp dụng các chế độ thưởng vào cuối năm thưởng đối với các cá nhân hoặc phòng ban, đơn vị có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

Các định mức lao động, đơn giá tiền lương được rà soát điều chỉnh 6 tháng một lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương, thưởng minh bạch và thực hiện việc thanh toán đúng kỳ hạn.

Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Hiện nay, Công ty Cổ phần VSC Green logistics không xây dựng Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty. Việc phát hành cổ phiếu cho người lao động được áp dụng theo các quy định của Pháp luật có liên quan.

12. Chính sách cổ tức

- ⚡ Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:
 - Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

4. Tỷ lệ cổ tức hai năm gần nhất:

Bảng 23: Tỷ lệ cổ tức hai năm gần nhất (2023 – 2024)

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024
Tỷ lệ cổ tức	12%	10% (Dự kiến)
Hình thức thanh toán	Bằng tiền	Bằng cổ phiếu

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên GIC năm 2023, 2024

- Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của GIC đã thông qua phương án phát chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện 12%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng).
- Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của GIC đã thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu. Công ty dự kiến sẽ thực hiện chi trả cổ tức trong khoảng thời gian từ Quý IV/2025 đến Quý II/2026 trong cùng đợt phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Năm 2018, Công ty đã thực hiện phát hành thêm cổ phiếu theo tỷ lệ thực hiện quyền 5:1 (tương đương tỷ lệ phát hành 20%), tổng giá trị phát hành 20,2 tỷ đồng để nâng vốn điều lệ từ 101 tỷ đồng lên 121,2 tỷ đồng cho 75 cổ đông hiện hữu.

Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung nguồn vốn thực hiện đầu tư thiết bị xếp dỡ, phương tiện vận tải. Công ty đã sử dụng vốn đúng mục đích phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Từ năm 2018 đến nay, Công ty chưa thực hiện tăng vốn Điều lệ.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có

16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xoá án tích. Công ty cam đoan thông tin nêu trên là đúng và sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty

Bảng 24: Kết quả hoạt động kinh doanh Công ty

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm	
				2024/2023	2025/2024
Tổng giá trị tài sản	267.427	262.562	276.972	-1,82%	5,49%
Doanh thu thuần	172.274	159.343	155.975	-7,51%	-2,11%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18.654	17.828	16.526	-4,43%	-7,30
Lợi nhuận khác	-61	264	-16	532,08%	-106,06%
Lợi nhuận trước thuế	18.593	18.092	16.510	-2,69%	-8,74%
Lợi nhuận sau thuế	16.631	16.239	14.593	-2,36%	-10,14%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (số tiền trả cổ tức/lợi nhuận sau thuế)	73%	90%	-	22,9%	-
Tỷ lệ cổ tức	10%	12%	-	20,00%	-

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

Tại thời điểm 31/12/2024, quy mô tổng nguồn vốn của GIC là 262,6 tỷ đồng, giảm 1,8% so với cùng kỳ năm 2023. Tại thời điểm 31/12/2025, quy mô tổng nguồn vốn của GIC là 276,9 tỷ đồng, tăng 5,5% so với thời điểm 31/12/2024. Cơ cấu nguồn vốn của GIC tại thời điểm 31/12/2025 không có nợ vay ngân hàng.

Năm 2024 - 2025 là giai đoạn có nhiều thách thức và cạnh tranh khốc liệt đối với ngành vận tải biển và các dịch vụ phụ trợ. Trong bối cảnh ngành kinh doanh, khai thác cảng/kho/bãi/vận tải container đang có dấu hiệu cung vượt cầu, các mảng dịch vụ chính của Công ty đều gặp khó khăn. Kết quả kinh doanh năm 2024 – 2025 của Công ty có xu hướng sụt giảm so với cùng kỳ các năm trước. Lũy kế cả năm 2025, doanh thu thuần của GIC đạt 155,9 tỷ đồng, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm 2024. Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 14,6 tỷ đồng, giảm 10,1% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

⚡ Nhân tố thuận lợi:

- Khu vực Biển Đông có vị trí thuận lợi trên bản đồ hàng hải thế giới, với 29/39 tuyến đường biển quan trọng đi qua khu vực, trung chuyển hàng hóa từ châu Á đến các thị trường khác. Việt Nam không chỉ có vị trí địa lý chiến lược, ngành cảng biển nước ta còn được hưởng thuận lợi từ ưu thế tự nhiên với đường bờ biển dài 3.260 km, nhiều vũng vịnh sâu có thể tàu trọng tải lớn đi vào, gần các tuyến hải trình Á – Âu và các cảng trung chuyển lớn tại Singapore và Malaysia.
- Triển vọng trung hạn của ngành được hỗ trợ bởi tiềm năng tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là làn sóng đầu tư hạ tầng mạnh mẽ. Tổng lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng biển nước ta nói chung và khu vực Hải Phòng nói riêng đã khôi phục và tăng trưởng tích cực trong 2023 – 2024, bao gồm cả hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa của các tàu thủy nội địa.

⚡ **Nhân tố khó khăn:**

- Biến động tiêu cực của tình hình xuất nhập khẩu có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty. Khủng hoảng địa chính trị, căng thẳng thương mại, tình hình giá cước vận tải đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động lưu thông hàng hóa. Trong các năm gần đây, Việt Nam đã được hưởng lợi từ chính sách friendshoring (chuyển chuỗi cung ứng về nước bạn) của Mỹ, dòng vốn FDI tăng trưởng tích cực và hoạt động xuất nhập khẩu và điểm sáng của nền kinh tế trong 2024. Tuy nhiên, hoạt động xuất nhập khẩu sẽ có rủi ro đối mặt với tổn thương sâu sắc trước các rủi ro về thuế quan về chiến tranh thương mại trong năm 2025, từ đó gây thiệt hại đến ngành cảng biển và logistics.
- Cơ hội tăng trưởng tại khu vực cảng Hải Phòng đi kèm với thách thức của tình trạng dư cung. Hiệu suất khai thác các cảng tại khu vực Hải Phòng hiện ở mức 80%, sản lượng phân hóa giữa các khu vực thượng nguồn và hạ nguồn. Một số cảng mới đi vào hoạt động nhưng chưa có nguồn hàng ổn định, hiệu quả khai thác còn thấp. Áp lực dư cung sẽ tăng lên ngay trong 2025 – 2026 khi hàng loạt cảng mới của các đối thủ lớn đi vào khai thác.

2. **Tình hình tài chính**

2.1 **Các chỉ tiêu cơ bản**

- **Báo cáo vốn điều lệ, vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:**

Bảng 25: Vốn điều lệ và Vốn chủ sở hữu của Công ty

Đơn vị: Đồng

	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Vốn điều lệ	121.200.000.000	121.200.000.000	121.200.000.000
Vốn chủ sở hữu	242.635.338.874	242.364.263.642	254.991.033.817

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu: Công ty luôn sử dụng vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Công ty. Công ty cam kết sử dụng vốn hiệu quả, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng mục đích chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong từng đợt phát hành.

- **Trích khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định (TSCĐ) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

- + Quyền sử dụng đất: Ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao
- + Nhà cửa và vật kiến trúc: 05 – 25 năm
- + Máy móc và thiết bị: 03 – 10 năm
- + Phương tiện vận tải: 03 – 10 năm
- + Thiết bị quản lý: 04 – 05 năm
- + Phần mềm máy tính: 3 năm

- **Mức lương bình quân**

Bảng 26: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tiền lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	19,32	21,27	21,64

Nguồn: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics

CTCP VSC Green Logistics coi con người là cội nguồn của sức mạnh, vì vậy Công ty luôn chú trọng đến chế độ chính sách để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của người lao động. Người lao động đảm bảo có việc làm và thu nhập ổn định. Đối với chính sách tiền lương, các định mức lao động và đơn giá tiền lương được Công ty rà soát điều chỉnh 6 tháng 1 lần cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh. Quy chế trả lương, thưởng đảm bảo minh bạch và thực hiện thanh toán đúng kỳ hạn. Mức lương bình quân của CBCNV Công ty nằm ở mức có tính cạnh tranh tương đối cao so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành, trong cùng địa bàn.

- **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng 27: Tổng công nợ hiện nay

Đơn vị: Đồng

	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng khoản phải thu	12.596.726.345	17.883.341.171	7.894.206.876
Tổng nợ phải trả	24.791.591.133	20.197.777.280	21.980.558.911

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

- **Các khoản phải thu**

Bảng 28: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	12.596.726.345	17.883.341.171	7.894.206.876
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.140.464.476	7.713.741.171	5.628.006.876
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.067.500.000	20.600.000	100.000.000
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	0
- Phải thu ngắn hạn khác	388.761.869	149.000.000	2.166.200.000
2. Phải thu dài hạn	0	0	0
Tổng cộng	12.596.726.345	17.883.341.171	7.894.206.876

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

- Chi tiết các khoản phải trả

Bảng 29: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
1. Nợ ngắn hạn	24.136.829.191	19.543.015.338	21.105.011.797
- Phải trả người bán ngắn hạn	5.553.347.453	3.364.617.465	2.748.011.553
- Người mua trả tiền trước hạn	72.243.905	50.460.600	86.230.600
- Thuế và các khoản khác phải nộp NN	1.444.231.875	1.062.528.076	1.336.864.259
- Phải trả người lao động	9.091.253.933	8.569.331.783	8.172.872.324
- Chi phí phải trả ngắn hạn	6.898.093.579	5.392.985.508	7.323.299.418
- Phải trả ngắn hạn khác	851.984.446	892.017.906	1.015.013.643
- Vay ngắn hạn	0	0	0
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	225.674.000	211.074.000	422.720.000
2. Nợ dài hạn	654.761.942	654.761.942	875.547.114
- Dự phòng các khoản công nợ dài hạn	654.761.942	654.761.942	875.547.114
Tổng cộng	24.791.591.133	20.197.777.280	21.980.558.911

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Hiện tại Công ty không có nợ xấu. Chênh lệch của tỷ giá hối đoái và chênh lệch lãi vay không ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty không có nợ phải thu phải xếp vào nhóm nợ xấu, các khoản nợ luôn được thu hồi đúng hạn, tránh triệt để trường hợp công nợ của khách hàng nợ đọng kéo dài.

- Các khoản phải nộp theo luật định

Hiện nay, Công ty đang quản lý tốt các khoản thu/chi và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế nghiêm túc đầy đủ. Công ty đã thực hiện kê khai, nộp đầy đủ, đúng hạn và tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Các khoản thuế Công ty thực hiện trong toàn năm 2023, năm 2024 và đến ngày 31/12/2025 như sau:

Bảng 30: Các khoản phải trả về thuế

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	700.348.987	380.341.230	577.348.736
2	Thuế xuất nhập khẩu	0	0	0

3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	550.181.272	490.184.466	569.696.134
4	Thuế thu nhập cá nhân	193.701.616	192.002.380	189.819.389
5	Các loại thuế, phí khác	0	0	0
	Tổng cộng	1.444.231.875	1.062.528.076	1.336.864.259

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

- Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận. Số dư các quỹ tại thời điểm cuối năm tài chính 2023, năm 2024 và cuối Quý IV/2025 như sau:

Bảng 31: Tình hình trích lập các quỹ

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	225.674.000	211.074.000	422.720.000
Quỹ đầu tư và phát triển	104.804.160.218	104.925.338.874	107.078.263.642

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

- Tổng dư nợ vay:

Hiện tại Công ty không dùng nợ vay ngân hàng, trái phiếu hay các khoản vay khác để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng nợ phải trả của Công ty luôn duy trì ở mức dưới 10% trên Tổng Tài sản của Công ty, chủ yếu là khoản phải trả người bán ngắn hạn, phải trả người lao động và các khoản chi phí phải trả ngắn hạn.

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 32: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1. Khả năng thanh toán				
1.1. Khả năng thanh toán tiền mặt	Lần	1,80	1,71	3,53
1.2. Khả năng thanh toán nhanh		2,34	2,64	3,93
1.3. Khả năng thanh toán ngắn hạn		2,46	2,76	4,04
2. Cơ cấu vốn				
2.1. Vốn vay ngắn dài hạn/VCSH	%	0	0	0
2.2. Vốn vay ngắn dài hạn/Tổng tài sản	%	0	0	0
2.3. Hệ số nợ/VCSH	%	10,22	8,33	7,94
2.4. Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	9,27	7,69	8,62
3. Khả năng sinh lời				
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	%	9,65	10,19	9,36

3.2. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	%	6,89	6,70	5,87
3.3. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	%	6,36	6,11	5,41
3.4. Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/CP	1.235	1.340	1.204
4. Năng lực hoạt động				
4.1. Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,66	0,60	0,58
4.2. Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)		2,52	2,81	2,24
4.3. Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	32,58	34,00	36,71

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC Quý IV/2025 của GIC

- Khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu khả năng thanh toán của Công ty đều ở mức an toàn (lớn hơn 1) và ổn định trong giai đoạn 2023 - 2025. Khoản mục tiền và tương đương tiền tại thời điểm cuối năm 2025 tăng 41,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, đồng thời công nợ ngắn hạn không có biến động tăng lớn, nhờ đó các chỉ tiêu thanh toán của GIC trong năm 2025 đều có xu hướng tăng: Chỉ số thanh toán tiền mặt tăng từ 1,71 lần (năm 2024) lên 3,53 lần, chỉ số thanh toán nhanh tăng từ 2,64 lần lên 3,63 lần, chỉ số thanh toán hiện hành tăng từ 2,76 lần lên 4,04 lần.

- Cơ cấu vốn

Công ty có cơ cấu vốn với tỷ lệ tự tài trợ cao, hệ số nợ tại thời điểm cuối năm 2025 là 7,94%, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2024. Do Công ty không sử dụng vốn vay ngân hàng, các khoản nợ của Công ty chủ yếu và các khoản phải trả người bán ngắn hạn, phải trả người lao động và các khoản chi phí phải trả ngắn hạn, do vậy tỷ lệ nợ của Công ty trên tổng tài sản hay trên tổng nguồn vốn thấp hơn so với các doanh nghiệp trong cùng ngành.

- Khả năng sinh lời

Mặc dù hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều thách thức, Công ty duy trì được khả năng sinh lời ổn định với tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) ở quanh mức 9 – 10%. Khai thác cảng, kho bãi container là ngành có biên lợi nhuận gộp cao, thường đạt 30 – 40%. ROS năm 2025 đạt 9,36%, giảm 0,83% so với năm 2024. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu ROS giảm nhẹ do đó khiến các chỉ số khả năng sinh lời giảm theo: ROA năm 2025 đạt 5,41%, giảm 0,7% so với năm 2024. ROE năm 2025 đạt 5,87%, giảm 0,83% so với năm trước.

- Hiệu quả hoạt động

Doanh thu năm 2025 của Công ty giảm so với năm trước, do vậy đã khiến chỉ số hiệu suất sử dụng tổng tài sản giảm nhẹ. Vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,60 lần năm 2024 xuống 0,58 lần năm 2025. Doanh thu thuần giảm nhẹ trong khi tài sản ngắn hạn tăng khiến cho vòng quay vốn lưu động của Công ty giảm từ 2,81 lần (năm 2024) xuống 2,24 lần. Chi phí giá vốn hàng bán của Công ty

trong năm 2025 giảm 7,27%, cao hơn mức giảm của hàng tồn kho dẫn đến vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ từ 34 lần lên 36,71 lần.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty

➔ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty theo Báo cáo kiểm toán độc lập số hiệu HAN 3541 ngày 20/02/2024:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

➔ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty theo Báo cáo kiểm toán độc lập số hiệu HAN 3877 ngày 18/02/2025:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 33: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2025

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024 (tỷ đồng)	Kế hoạch năm 2025 (tỷ đồng)	% tăng/giảm kế hoạch năm 2025/ năm 2024
Sản lượng (TEUs)	320.720	283.000	-11,76%
Doanh thu thuần	159	145	-9,00%
Lợi nhuận sau thuế	16	16,5	1,61%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	10,19%	11,38%	1,19%
Cổ tức (%)	10%	11%	10%

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/25/NQ-ĐHĐCĐ và BCTC đã kiểm toán năm 2024 của GIC

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của GIC đã thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10%. Công ty dự kiến sẽ thực hiện chi trả cổ tức trong khoảng thời gian từ Quý IV/2025 – Quý II/2026.
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của GIC đã thông qua Kế hoạch kinh doanh

năm 2025 và Dự kiến mức cổ tức năm 2025.

4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Môi trường vĩ mô thuận lợi là nền tảng hỗ trợ cho GIC hoàn thành kế hoạch kinh doanh:

- Nền kinh tế trong nước nói riêng và toàn cầu nói chung năm 2025 còn tồn tại nhiều thách thức hiện hữu tiếp tục đe dọa sự ổn định và khả năng tăng trưởng. Trong đó, rủi ro lớn nhất đã xảy ra trong thời điểm đầu tháng 4/2025 là chính sách thuế quan mới của chính quyền mới tại Mỹ. Thay đổi đột ngột và bất định của chính sách thuế quan đã và sẽ có nguy cơ đẩy căng thẳng kinh tế – chính trị giữa các nền kinh tế lớn lên cao, gây đảo lộn trật tự kinh tế quốc tế, ảnh hưởng đến hướng đi của dòng vốn và chuỗi cung ứng trên toàn cầu. Nền kinh tế Việt Nam có độ mở cao, hoạt động xuất nhập khẩu đã đem lại tăng trưởng tích cực cho nền kinh tế trong những năm qua, nhưng theo đó là nguy cơ đối mặt với độ rủi ro cao khi kinh tế toàn cầu biến động.
- Nhu cầu vận tải khu vực Đông Nam Á được dự báo đạt 82 – 85 triệu TEUs trong năm 2025, trong khi tổng công suất hiện tại mới chỉ đạt 53 triệu TEUs.
- Hải Phòng đặt kế hoạch tăng trưởng năm 2025 tích cực, với chỉ số công nghiệp kỳ vọng tăng 17%, tổng vốn đầu tư dự kiến đạt 210 nghìn tỷ đồng, tăng 9% so với năm trước. Sản lượng hàng hóa qua cảng biển qua các cảng tại Hải Phòng kỳ vọng đạt 190.000 triệu tấn, tăng 11% so với cùng kỳ. Cơ hội tăng trưởng cho ngành cảng biển tại khu vực Hải Phòng là vẫn còn khả quan, mặc dù đi kèm nhiều thách thức khi cạnh tranh trong khu vực ngày càng gay gắt.

Cơ sở để GIC hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025 đã đề ra

Lũy kế đến hết năm 2025, GIC đã hoàn thành được 107,57% kế hoạch doanh thu và 100,06% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

Là doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh chủ chốt là cung cấp dịch vụ khai thác bãi, dịch vụ nâng hạ container, các hợp đồng của Công ty với khách hàng thường được thanh quyết toán theo tháng, do các dịch vụ này được cung cấp liên tục, trong thời gian dài cho khách hàng, mang lại dòng tiền đều đặn cho Công ty trong cả năm tài chính. Dựa trên cơ sở hợp đồng đã ký kết với khách hàng, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận cho từng năm tài chính thận trọng và sát với thực tế hoạt động kinh doanh.

Một trong các kế hoạch chủ chốt của Công ty là quản lý tốt nguồn lực, triệt để tiết kiệm, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả. Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện tập trung vào lĩnh vực khai thác kho bãi container. Mặc dù trong giai đoạn khó khăn khiến sản lượng container đi qua bãi giảm dẫn tới doanh thu có xu hướng giảm nhẹ so với năm trước, các chỉ số hiệu quả hoạt động và chỉ tiêu sinh lời của Công ty vẫn giữ được sự ổn định.

Theo Bộ Giao thông Vận tải, đến năm 2030 dự báo hàng hoá thông qua cảng biển Việt Nam sẽ tăng đáng kể với hàng container, đạt 46,3 triệu TEUs và hàng khô đạt 423,5 triệu tấn (chủ yếu từ alumini, gang thép, than). Các triển vọng tích cực ngành vận tải, cảng biển trong trung và dài hạn là một trong những cơ sở quan trọng để GIC có khả năng đạt được mức doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch đã được đề ra trong các năm tiếp theo.

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần VSC Green Logistics. Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh thận trọng cho năm 2025, với doanh thu kế hoạch giảm 9% và lợi nhuận sau thuế kế hoạch chỉ tăng

trường 1,61% so với kết quả kinh doanh thực hiện năm 2024. Căn cứ trên năng lực hiện tại và các kế hoạch Công ty đang triển khai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong năm 2025 có thể hoàn thành.

Lũy kế đến hết năm 2025, GIC đã đạt được mức doanh thu là 155,97 tỷ đồng và lợi nhuận là 16,51 tỷ đồng, tương đương với 107,57% kế hoạch doanh thu và 100,06% kế hoạch lợi nhuận trước thuế. Như vậy, GIC đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2025 cả về doanh thu và lợi nhuận.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần VSC Green Logistics đi vào hoạt động từ ngày 24/01/2017. Theo Luật Doanh nghiệp, đến thời điểm hiện nay các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Bảng 34: Danh sách cổ đông lớn

Tên	Năm sinh/ Năm thành lập	Quốc tịch	CMND/ Giấy ĐKKD	Địa chỉ	Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền tại TCPH (tên và chức vụ)
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	2002	Việt Nam	0200453688	11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng	Tạ Công Thông – Tổng Giám đốc
AMERICA LLC	2012	St Kitts and Nevis	CA5883	PO Box F43031, Freeport, Bahamas	Paul Aunger

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 30/06/2025 của GIC do VSDC cấp

Bảng 35: Số lượng và tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và người có liên quan

Tên	Thời điểm trở thành cổ đông lớn		30/06/2025		Dự kiến sau đợt chào bán	
	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	6.700.000	66,34	8.040.000	66,34	16.884.000	66,34
Hoàng Hoa Nam – Chủ tịch công đoàn của CTCP Container Việt Nam	0	0	14.400	0,12	30.240	0,12

Tên	Thời điểm trở thành cổ đông lớn		30/06/2025		Dự kiến sau đợt chào bán	
	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Hoàng Anh Tuấn - Chồng bà Trần Thị Phương Anh thành viên HĐQT VSC	0	0	5.400	0,04	11.340	0,04
AMERICA LLC	0	0	845.400	6,98	1.690.800	6,98

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 30/06/2025 của GIC do VSDC cấp

- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ:

TT	Tên tổ chức/cá nhân (là cổ đông lớn và người có liên quan)	Loại hợp đồng, số hợp đồng	Giá trị hợp đồng/ giao dịch	Các điều khoản qua trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền (của GIC) chấp thuận giao dịch	Thời điểm phát sinh hợp đồng/ giao dịch	Tình trạng thực hiện (đang thực hiện/ đã ký kết và chưa thực hiện)
1	Công ty Cổ phần Container Việt Nam (VSC) – cổ đông lớn của GIC	Hợp đồng nguyên tắc số 01/2025/HĐN T/VSC-GIC (Cung cấp nhiên liệu)	TT theo quyết toán hàng tháng	Không có	Nghị quyết HĐQT số 12/2024/N Q-HĐQT ngày 31/12/2024	02/01/2025	Đang thực hiện
2	Công ty Cổ phần Container Việt Nam (VSC) – cổ đông lớn của GIC	Hợp đồng nguyên tắc số 01/2023/HĐN T/VSC-GIC (Cung cấp các dịch vụ)	161.000.000 đồng	Không có	Nghị quyết HĐQT số 13/2022/N Q-HĐQT ngày 03/01/2023	01/01/2023	Đang thực hiện

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- + Công ty Cổ phần Container Việt Nam: cổ đông lớn đang nắm giữ 66,34% vốn điều lệ của Tổ chức phát hành, được nhận cổ tức và các quyền của cổ đông theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- + AMERICA LLC: cổ đông lớn đang nắm giữ 6,98% vốn điều lệ của Tổ Chức phát hành, được nhận cổ tức và các quyền của cổ đông theo Nghị quyết ĐHDCD.
- Các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan:

STT	Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính	Mối quan hệ với cổ đông lớn của GIC	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích (*)
1	Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh (GSL)	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	Công ty con 100% vốn của VSC	GSL duy trì mạng vận tải đường ngắn, chuyển giao mạng vận tải đường dài sang cho GIC.
2	Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics xanh (GLC)	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Công ty con 100% vốn của VSC	Chuyển giao hoạt động vận tải và một kho bãi sang cho GIC để GIC mở rộng hoạt động vận chuyển xuất - nhập tàu (chạy Shipline tàu - bãi) và dịch vụ đóng hàng rời container.

(*) Theo chủ trương tái cấu trúc toàn bộ hoạt động của các đơn vị thành viên của VSC gồm: GIC, GLC, GSL, VGI (CTCP Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ), theo đó công ty mẹ là VSC dự kiến sẽ thực hiện các nội dung bao gồm nhưng không giới hạn phương án sáp nhập hoặc bán tài sản gắn liền với hoạt động của các doanh nghiệp để tái cấu trúc hoạt động kinh doanh nhằm giảm sự chồng chéo trong hoạt động kinh doanh, giảm tính thiếu hiệu quả trong chi phí vận hành các công ty có ngành nghề tương tự và giảm cạnh tranh nội bộ lẫn nhau. Khi đó GIC sẽ mở rộng quy mô hoạt động lĩnh vực kho bãi, bổ sung dịch vụ kinh doanh vận tải đường dài; GSL duy trì mạng vận tải đường ngắn; GLC tập trung vào mạng kho bãi với kho bãi hiện đang có đang khai thác.

- Các doanh nghiệp khác là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan:

STT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ với cổ đông lớn của GIC	Hợp đồng/ giao dịch doanh nghiệp đã ký kết với GIC	Tình trạng thực hiện (đang thực hiện/ đã ký kết và chưa thực hiện)
1	Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (VGR)	Công ty con của VSC	Hợp đồng số 01/2024/VGR-GIC ngày 01/01/2024 về việc nâng hạ container xuất nhập tàu. Hợp đồng số 03/2025/VGR-GIC ngày 02/05/2024 về việc cung cấp dịch vụ thuê dịch vụ xếp dỡ, đóng/rút hàng hóa, container, phục vụ sửa chữa phương tiện.	Đang thực hiện

2	Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh (GSL)	Công ty con của VSC	Hợp đồng số 1/2025 GIC - GSL/HDDVSC ngày 31/12/2024 về việc cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện thiết bị nâng hạ, vận tải.	Đang thực hiện
			Hợp đồng số 01/2025/GSL-GIC ngày 31/12/2024 về việc cung cấp dịch vụ vận chuyển container.	
			Hợp đồng số 01/2025/HĐNH/GSL-GIC ngày 30/12/2024 về việc cung cấp dịch vụ nâng hạ container.	
3	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh (GRP)	Công ty con của VSC	Hợp đồng số 01/2025/GRP-GIC/NH ngày 31/12/2024 về việc cung cấp dịch vụ nâng hạ container.	Đang thực hiện
4	Chi nhánh Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh Tại Thành phố Hà Nội	Công ty con của VSC	Hợp đồng số 04-2025/HĐNH/VSC HCM -GIC ngày 01/01/2025 về việc cung cấp dịch vụ nâng hạ container.	Đang thực hiện
5	Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics xanh (GLC)	Công ty con của VSC	Hợp đồng số 02/2025/HĐNH/GLC-GIC ngày 31/12/2024 về việc cung cấp dịch vụ sửa chữa, vệ sinh container.	Đang thực hiện
			Hợp đồng số 01/2025/HĐNH/GLC-GIC ngày 31/12/2024 về việc cung cấp dịch vụ nâng hạ container.	Đang thực hiện

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng

3.1 Hội đồng quản trị

Bảng 36: Danh sách Hội đồng quản trị của Công ty

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	QUỐC TỊCH	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Đức Dũng	1975	Việt Nam	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đồng Trung Hải	1977	Việt Nam	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Kim Dương Khôi	1977	Việt Nam	Thành viên HĐQT
4	Bà Trần Thị Phương Anh	1975	Việt Nam	Thành viên HĐQT
5	Ông Lê Quang Huy	1979	Việt Nam	Thành viên HĐQT độc lập

3.1.1. Ông Nguyễn Đức Dũng – Chủ tịch HĐQT

+ Năm sinh	23/02/1975
+ Quốc tịch	Việt Nam

+ Trình độ học vấn	12/12		
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác		Chức vụ
Từ 03/2024- nay	CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics		Chủ tịch HĐQT
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác		Chức vụ
10/2021 - 09/2022	CTCP Tập đoàn Thành Thái		Tổng Giám đốc
04/2020 - 10/2023	Công ty Cổ phần Thành Đức Holding		Giám đốc
04/2020 - 06/2024	Công ty Cổ phần Thành Đức Holding		Chủ tịch HĐQT
09/2022 - 05/2024	CTCP Container Việt Nam		Thành viên HĐQT
05/2024 – 04/2025	CTCP Container Việt Nam		Chủ tịch HĐQT
04/2025- nay	CTCP Container Việt Nam		Thành viên HĐQT
06/2023 - nay	CTCP Cảng VIMC Đình Vũ		Thành viên HĐQT
+ Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Ông Nguyễn Đức Dũng	0	0
	Người đại diện theo ủy quyền:	0	0
	Những người có liên quan: CTCP Container Việt Nam	8.040.000	66,34%
+ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: CTCP Container Việt Nam (Ông Nguyễn Đức Dũng là thành viên HĐQT CTCP Container Việt Nam – công ty mẹ của GIC)			
+ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thù lao, tiền lương			
<ul style="list-style-type: none"> Năm 2023: Không có Năm 2024: Thương HĐQT – 55 triệu đồng (chỉ vào năm 2025) 			
+ Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có			
+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành:			
<ul style="list-style-type: none"> Ông Nguyễn Đức Dũng là Thành viên HĐQT - CTCP Container Việt Nam (VSC) và được nhận mức thù lao, thưởng theo quy định của pháp luật và VSC 			

- Ông Nguyễn Đức Dũng là Thành viên HĐQT - CTCP Cảng VIMC Đình Vũ và được nhận mức thù lao, thưởng theo quy định của pháp luật và CTCP Cảng VIMC Đình Vũ

3.1.2. Ông Đồng Trung Hải – Thành viên HĐQT

+ Năm sinh	28/12/1977		
+ Quốc tịch	Việt Nam		
+ Trình độ học vấn	12/12		
+ Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế vận tải biển		
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành			
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ	
07/2017-11/2020	CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics	Phó Giám đốc	
11/2020- nay	CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics	Giám đốc	
04/2021- nay	CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác:			
Từ 2000-2005	CTCP Vận tải 1 Traco Sài Gòn	Nhân viên	
Từ 2005-2009	Công ty TNHH VTB Tân Nhật Thành	Nhân viên	
Từ 04/2010-09/2011	CTCP Container Việt Nam	Nhân viên	
Từ 09/2011-02/2016	Công ty TNHH MTV VTB Ngôi Sao Xanh	Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng kinh doanh	
Từ 03/2016- 06/2017	Công ty TNHH MTV Bến Xanh	Phó Giám đốc	
Từ 15/04/2025- nay	Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh (GSL)	Chủ tịch kiêm Giám đốc	
Từ 02/2023- 11/2024	CTCP Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	Giám đốc	
+ Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Ông: Đồng Trung Hải	14.400 cổ phần	0,12%
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0

+ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có
+ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thù lao, tiền lương <ul style="list-style-type: none"> Năm 2023: Lương thưởng Giám đốc: 918,8 triệu đồng; Thưởng HĐQT: 42 triệu đồng (chỉ vào năm 2024) Năm 2024: Lương thưởng Giám đốc: 899,2 triệu đồng; Thưởng HĐQT: 55 triệu đồng (chỉ vào năm 2025)
+ Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: <ul style="list-style-type: none"> Ông Đồng Trung Hải đang đồng thời là Giám đốc kiêm Chủ tịch của GSL và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và GSL

3.1.3. Ông Nguyễn Kim Dương Khôi – Thành viên HĐQT

+ Năm sinh	03/05/1977	
+ Quốc tịch	Việt Nam	
+ Trình độ học vấn	12/12	
+ Trình độ chuyên môn	Kỹ sư	
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2021- nay	CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics	Thành viên HĐQT
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác		
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2020-04/2004	Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Nhân viên ban điều độ
07/2004-12/2016	Cảng GREENPORT	Trưởng phòng Khai thác
12/2016-06/2018	Cảng GREENPORT	Phó Giám Đốc
06/2018-08/2024	Cảng VIP GREENPORT	Phó Giám Đốc
08/2024- nay	CTCP Cảng Xanh VIP (VGR)	Giám đốc
03/2024- nay	CTCP Cảng Xanh VIP (VGR)	Thành viên HĐQT

07/2025 - nay	CT TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (NDP)	Giám đốc	
+ Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Ông: Nguyễn Kim Dương Khôi	0	0
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0
+ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có			
+ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thù lao, tiền lương			
<ul style="list-style-type: none"> Năm 2023: Thương HDQT 40 triệu đồng (chỉ vào năm 2024) Năm 2024: Thương HDQT 30 triệu đồng (chỉ vào năm 2025) 			
+ Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không			
+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành:			
<ul style="list-style-type: none"> Ông Nguyễn Kim Dương Khôi đang đồng thời là Giám đốc – Thành viên HĐQT của VGR và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và VGR. Ông Nguyễn Kim Dương Khôi đang là Giám đốc của NDP và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và NDP 			

3.1.4 Bà Trần Thị Phương Anh – Thành viên HĐQT

+ Năm sinh	06/10/1975		
+ Quốc tịch	Việt Nam		
+ Trình độ học vấn	12/12		
+ Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế vận tải biển		
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
03/2022- nay	CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics	Thành viên HĐQT	
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
05/1997 - 07/1999	CTCP Container Việt Nam	Nhân viên phòng đại lý	
08/1999 - 07/2001	CTCP Container Việt Nam	Nhân viên phòng khai thác kho bãi	

08/2001 - 01/2012	CTCP Container Việt Nam	Phó phòng khai thác kho bãi	
02/2012 - 05/2014	CTCP Container Việt Nam	Trưởng phòng khai thác kho bãi	
06/2014 - 12/2019	Xí nghiệp cảng Viconship	Trưởng phòng khai thác kho	
01/2020 - 08/2021	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	Trưởng phòng khai thác kho	
09/2021 - 02/2022	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	Phó Giám đốc phụ trách	
03/2022 - nay	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	Giám đốc	
10/2022 – nay	CTCP Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ	Chủ tịch HĐQT	
11/2022 - nay	CTCP Container Miền Trung	Chủ tịch HĐQT	
03/2024 - nay	Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	Chủ tịch Công ty	
06/2024 - nay	CTCP Container Việt Nam	Thành viên HĐQT	
+ Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Bà: Trần Thị Phương Anh	0	0
	Người đại diện theo ủy quyền:	0	0
	Những người có liên quan: CTCP Container Việt Nam	8.040.000	66,34%
+ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: CTCP Container Việt Nam (Bà Trần Thị Phương Anh là thành viên HĐQT của CTCP Container Việt Nam – công ty mẹ của VSC)			
+ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thù lao, tiền lương			
<ul style="list-style-type: none"> Năm 2023: Thương HĐQT 40 triệu đồng (chi vào năm 2024) Năm 2024: Thương HĐQT 30 triệu đồng (chi vào năm 2025) 			
+ Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có			
+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành:			
<ul style="list-style-type: none"> Bà Trần Thị Phương Anh đang là Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh (GRP) và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và GRP Bà Trần Thị Phương Anh đang là Chủ tịch HĐQT CTCP Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ (VGI) và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và VGI 			

- Bà Trần Thị Phương Anh đang là Chủ tịch HĐQT CTCP Container Miền Trung (VSM) và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và VSM
- Bà Trần Thị Phương Anh đang là Chủ tịch Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh (GLC) và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và GLC
- Bà Trần Thị Phương Anh đang là Thành viên HĐQT CTCP Container Việt Nam (VSC) và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và VSC

3.1.5. Ông Lê Quang Huy – Thành viên HĐQT độc lập

+ Năm sinh	25/03/1979		
+ Quốc tịch	Việt Nam		
+ Trình độ học vấn	12/12		
+ Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quốc tế học		
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
03/2025 - nay	CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics	Thành viên HĐQT độc lập	
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
09/2002 - 06/2006	Chi nhánh Công ty SAFI tại Hà Nội	Nhân viên Kinh doanh	
07/2006 - 04/2008	CTCP Giao nhận phương Đông	Trưởng phòng Kinh doanh	
05/2008 - 10/2010	CTCP Vận tải biển Vinashin	Phó trưởng phòng Giao nhận	
04/2011 - 12/2013	CTCP Tiếp vận Biển Đông	Tổng Giám đốc	
01/2014 - 04/2015	CTCP Vinalines Logistics Việt Nam	Phó trưởng phòng Kinh doanh	
04/2015 - 06/2017	CTCP Vận tải Duyên Hải	Tổng Giám đốc	
06/2017 - 01/2024	CTCP Tân Cảng 128 - Hải Phòng	Phó Giám đốc	
02/2024 - nay	Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	Giám đốc	
11/2024 - nay	CTCP Cảng cạn Quảng Bình - Đinh Vũ	Giám đốc	
25/04/2025 - nay	CTCP Vận tải biển Vinaship	TV HĐQT	
+ Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu

của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025	Ông Lê Quang Huy	0	0
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0
+ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có			
+ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thù lao, tiền lương			
<ul style="list-style-type: none"> Năm 2023: Không có Năm 2024: Không có 			
+ Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có			
+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành:			
<ul style="list-style-type: none"> Ông Lê Quang Huy đang là Giám đốc CTCP Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (VGI) và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và VGI Ông Lê Quang Huy đang là Giám đốc Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh (GLC) và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và GLC Ông Lê Quang Huy đang là Thành viên HĐQT CTCP Vận tải biển Vinaship (Vinaship) và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và Vinaship 			

3.2 Ban Giám đốc

3.2.1 Giám đốc: Ông Đồng Trung Hải (như trên)

3.2.2 Ông Đặng Quốc Vệ – Phó Giám đốc

+ Năm sinh	22/11/1978	
+ Quốc tịch	Việt Nam	
+ Trình độ học vấn	12/12	
+ Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kỹ thuật vô tuyến điện	
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2024 - nay	CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics	Phó Giám đốc
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác:		
07/2023 - 06/2024	Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	Phó Giám đốc
12/2012 - 06/2023	Công ty TNHH Ngôi sao xanh tương lai	Trưởng Depot

07/2007 - 11/2012	CTCP Biển Đông Logistics	Trưởng Phòng kinh doanh - chi nhánh Hải Phòng	
+ Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025	Ông Đặng Quốc Vệ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0
+ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có			
+ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thù lao, tiền lương			
<ul style="list-style-type: none"> Năm 2023: Không có Năm 2024: 310,4 triệu đồng 			
+ Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có			
+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có			

3.3 Ban kiểm soát

3.3.1 Bà Nghiê m Thị Thuỳ Dương - Trưởng Ban kiểm soát

+ Năm sinh	30/11/1987	
+ Quốc tịch	Việt Nam	
+ Trình độ học vấn	12/12	
+ Trình độ chuyên môn	Quản trị tài chính kế toán	
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2021 - nay	CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics	Trưởng Ban kiểm soát
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác:		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2009	Chi nhánh CTCP Container Việt Nam – Xi nghiệp Cảng Viconship	Thủ quỹ

11/2015	CTCP Cảng Xanh VIP	Nhân viên kế toán	
06/2020 - nay	CTCP Container Việt Nam (VSC)	Thành viên Ban kiểm soát	
03/2021 - nay	CTCP Cảng Xanh VIP (VGR)	Kế toán trưởng	
06/2022 - nay	CTCP Cảng cạn Quảng Bình-Đình Vũ (VGI)	Thành viên Ban kiểm soát	
+ Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Bà Nghiêm Thị Thủy Dương	0	0
	Người đại diện theo ủy quyền	0	0
	Những người có liên quan: CTCP Container Việt Nam (VSC)	8.040.000	66,34%
+ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH: CTCP Container Việt Nam (VSC) (Bà Nghiêm Thị Thủy Dương là thành viên Ban kiểm soát của CTCP Container Việt Nam – Công ty mẹ của GIC)			
+ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thù lao, tiền lương			
<ul style="list-style-type: none"> Năm 2023: Thưởng BKS 30 triệu đồng (chi vào năm 2024) Năm 2024: Thưởng BKS 28 triệu đồng (chi vào năm 2025) 			
+ Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có			
+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành:			
<ul style="list-style-type: none"> Bà Nghiêm Thị Thủy Dương đang là Thành viên BKS CTCP Container Việt Nam (VSC) và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và VSC Bà Nghiêm Thị Thủy Dương đang là Thành viên BKS CTCP Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (VGI) và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và VGI Bà Nghiêm Thị Thủy Dương đang là Kế toán trưởng CTCP Cảng Xanh VIP (VGR) và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và VGR 			

3.3.2 Bà Phan Thị Trung Hiếu – Thành viên Ban kiểm soát

+ Năm sinh	09/10/1979	
+ Quốc tịch	Việt Nam	
+ Trình độ học vấn	12/12	
+ Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế	
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành		
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2021 - nay	CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics	Thành viên Ban kiểm soát

+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
Từ 04/2014 - 12/2014	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Ngô Quyền	Nhân viên Phòng Dự án	
Từ 01/2015 - 07/2015	Công Ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Ngô Quyền	Phó phòng Tài chính TH	
08/2015 - nay	Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh (GLC)	Kế toán trưởng	
12/2021 - nay	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ	
25/04/2025 - nay	Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Thành viên Ban kiểm soát	
+ Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Bà Phan Thị Trung Hiếu	0	0
	Người đại diện theo uỷ quyền	0	0
	Những người có liên quan: CTCP Container Việt Nam (VSC)	8.040.000	66,34%
+ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của TCPH: CTCP Container Việt Nam (VSC) (Bà Phan Thị Trung Hiếu là thành viên Ban kiểm soát của CTCP Container Việt Nam – công ty mẹ của GIC)			
+ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thù lao, tiền lương			
<ul style="list-style-type: none"> Năm 2023: Thương BKS 24 triệu đồng (chi vào năm 2024) Năm 2024: Thương BKS 26 triệu đồng (chi vào năm 2025) 			
+ Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có			
+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành:			
<ul style="list-style-type: none"> Bà Phan Thị Trung Hiếu đang là Thành viên Ban KTNB và Thành viên Ban kiểm soát CTCP Container Việt Nam (VSC) và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và VSC Bà Phan Thị Trung Hiếu đang là Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh (GLC) và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và GLC 			

3.3.3 Bà Phạm Thị Thuý Ngọc – Thành viên Ban kiểm soát

+ Năm sinh	17/12/1988
+ Quốc tịch	Việt Nam
+ Trình độ học vấn	12/12
+ Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán – kiểm toán; Cử nhân Ngoại ngữ

+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành			
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ	
03/2022 - nay	CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics	Thành viên Ban kiểm soát	
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác			
Thời gian <i>(Từ tháng năm đến tháng năm)</i>	Đơn vị công tác	Chức vụ	
Từ 10/2010- 04/2011	Trường mầm non Bibi Hải Phòng	Kế toán tổng hợp	
Từ 04/2011- 12/2014	CTCP Đầu tư xây lắp dầu khí Duyên Hải	Kế toán tổng hợp	
Từ 01/2015- 03/2017	CTCP Đầu tư xây lắp dầu khí Duyên Hải	Phó phòng Tài chính kế toán	
Từ 04/2017- 02/2018	CTCP Đầu tư xây lắp dầu khí Duyên Hải	Quyền kế toán trưởng	
Từ 02/2018-05/2021	Ngân hàng HD Bank- CN Hải Đăng, HP	Chuyên viên cao cấp KHDN	
Từ 06/2021-05/2023	CTCP Container Việt Nam	Phó phòng Tài chính kế toán	
Từ 06/2023-10/2023	CT TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	Kế toán trưởng	
Từ 11/2023 - nay	CTCP Container Việt Nam	Phó phòng Tài chính kế toán	
10/2022 - nay	CTCP Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (VGI)	Trưởng Ban kiểm soát	
+ Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Bà Phạm Thị Thuý Ngọc	0	0
	Người đại diện theo uỷ quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0
+ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có			
+ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thù lao, tiền lương			
<ul style="list-style-type: none"> Năm 2023: thưởng BKS 24 triệu đồng (chi vào năm 2024) Năm 2024: thưởng BKS 26 triệu đồng (chi vào năm 2025) 			

+ Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có
+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: <ul style="list-style-type: none"> Bà Phạm Thị Thuý Ngọc đang là Trưởng BKS CTCP Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (VGI) và được nhận mức thù lao, lương thưởng theo quy định của pháp luật và VGI

3.4 Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Kế toán trưởng

+ Năm sinh	27/07/1982		
+ Quốc tịch	Việt Nam		
+ Trình độ học vấn	12/12		
+ Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành kế toán		
+ Chức vụ đã và đang nắm giữ tại tổ chức phát hành			
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
06/2024 - nay	CTCP Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh – nay là CTCP VSC Green Logistics	Kế toán trưởng	
+ Chức vụ đã đang nắm giữ tại các tổ chức khác			
Từ 11/2007- 12/2008	Công ty TNHH Đông Dương	Kế toán trưởng	
Từ 01/2009 - 06/2010	Công ty TNHH Tân Việt Cường	Kế toán trưởng	
Từ 07/2010 - 31/12/2021	Trung tâm GDNN- GDTX trực thuộc Ủy ban nhân dân quận Lê Chân	Kế toán trưởng; Giáo viên dạy Kế toán	
Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ	
+ Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tính đến ngày 30/09/2025		Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	0	0
	Người đại diện theo uỷ quyền	0	0
	Những người có liên quan	0	0
+ Người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của tổ chức phát hành: Không có			
+ Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thù lao, tiền lương			

- Năm 2023: 391,5 triệu đồng (trước khi được bổ nhiệm Kế toán trưởng, bà Hằng là Phó phòng Tài chính – Kế toán)
- Năm 2024: 497 triệu đồng

+ Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: Không có

+ Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành

Số lượng cổ phiếu là 13.332.000 cổ phiếu, trong đó:

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024: 1.212.000 cổ phiếu
- Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 12.120.000 cổ phiếu

Công ty sẽ thực hiện phát hành cả 02 phương án trên vào cùng 1 đợt. Theo đó tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sẽ nhận được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

4. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá

133.320.000.000 đồng, trong đó:

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024: 12.120.000.000 đồng
- Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 121.200.000.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến (đối với cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu)

10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

- Giá trị sổ sách cổ phiếu GIC tại ngày 31/12/2024 theo BCTC năm 2024 là 19.997 đồng/cổ phiếu;
- Giá thị trường của cổ phiếu GIC tại thời điểm ngày 19/11/2025 là 15.700 đồng/cổ phiếu (giá đóng cửa) (nguồn: hnx.vn).

Như vậy, giá chào bán được xác định thấp hơn giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính năm 2024 và thấp hơn so với giá trị cổ phiếu GIC tại ngày 12/02/2025. Theo quy định tại Điều 126 Luật Doanh nghiệp, Công ty sẽ được phép phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá không cao hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất. Ngoài ra do đã có tính đến ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá cổ phiếu tại ngày thực hiện quyền, nên ĐHĐCĐ Công ty thông qua phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được thành công.

7. Phương thức phân phối

7.1 Đối với phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.212.000 cổ phiếu.

- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 12.120.000.000 đồng.
- Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 10%.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới).
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định.
- Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của GIC.
- Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến Quý IV/2025 – Quý II/2026. Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- Phương án làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ.
Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 589 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số cổ phiếu mới phát hành thêm để trả cổ tức tương ứng là $(589:10) \times 1 = 58,9$ cổ phiếu, làm tròn xuống là 58 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,9 cổ phiếu sẽ bị huỷ bỏ.
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

7.2 Đối với phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 12.120.000 cổ phiếu
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 100%
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 01 quyền sẽ được mua 01 cổ phiếu mới)
- Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: 121.200.000.000 đồng
- Tỷ lệ chào bán thành công: Không áp dụng
- Thời gian dự kiến chào bán: Dự kiến Quý IV/2025 – Quý II/2026. Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- Phương thức phân phối: Chào bán thêm cho các cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
- Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định.
- Chuyển nhượng quyền mua: Quyền mua được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.
- Hạn chế chuyển nhượng: Số lượng cổ phiếu bán cho các cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (bao gồm cả số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn) khi được chào bán cho các cổ đông/nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định.

- Phương án làm tròn: Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng chào bán.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 589 cổ phiếu. Khi đó, tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến là 1:1, số cổ phiếu chào bán cổ đông A được mua là $(589 : 1) \times 1 = 589$ cổ phiếu.

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa phân phối hết: Số cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn (nếu có) và số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua sẽ được Hội đồng quản trị chào bán cho các nhà đầu tư khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tiêu chí và danh sách nhà đầu tư được mua số cổ phiếu còn lại này được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị quyết định kết thúc đợt chào bán. Công ty thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư.

- Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu: Không áp dụng.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không quy định
- Thời hạn đăng ký: Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.
- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu: Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.

- + Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các thành viên lưu ký: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại thành viên lưu ký đó.
- + Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký: thì việc đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại Trụ sở Công ty Cổ phần VSC Green Logistics. Việc nộp tiền mua cổ phiếu mới chào bán được nộp vào tài khoản phong tỏa của Công ty với thông tin tài khoản như sau:
 - Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics
 - Số tài khoản: 100303950
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán và phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được thực hiện trong vòng 90 ngày kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo chào bán chứng khoán.

Bảng 37: Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến cho cổ đông hiện hữu

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực	D
2	Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp	D đến D+7
3	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D+11
4	Ngày đăng ký cuối cùng	D+12
5	Phối hợp cùng VSDC phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	D+16 đến D+22
6	Cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D+23 đến D+43
7	VSDC tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa	D+50
8	TCPH xử lý cổ phiếu không phân phối hết	D+51 đến D+61
9	Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả đợt chào bán.	D+62
10	Nộp hồ sơ điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký và niêm yết bổ sung	D+64
11	Chuyển giao cổ phiếu hoặc trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho người mua	D+64 đến D+94

10. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty.

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua và quyền được thưởng cổ phiếu, cổ đông sẽ thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu) theo hướng dẫn tại mục VII.7, VII.8 và VII.9 của Bản cáo bạch này.

Đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng lần này không được bảo lãnh phát hành bởi tổ chức bảo lãnh phát hành.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

11.1 Đối với số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức

- Là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

11.2 Đối với số cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

- Số lượng cổ phiếu bán cho các cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (bao gồm cả số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn) khi được chào bán cho các cổ đông/nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định.

12. Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên Tài khoản: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics
- Số tài khoản: 100303950
- Tên ngân hàng mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Do tổ chức phát hành không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định nên không cần chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, theo các quy định của pháp luật hiện hành, trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Theo danh sách cổ đông chốt gần nhất tại ngày 07/02/2025, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần VSC Green Logistics là 1.333.100 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 11% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ theo công văn số 658/UBCK-PTTT ngày 01/04/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa được quy định ở mức 49%. Do đó, để việc phát hành và phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% vốn điều lệ để đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại GIC theo đúng quy định của pháp luật thì HĐQT sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- Phối hợp với VSDC để đảm bảo cổ đông không thực hiện chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư nước ngoài nhằm đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty theo quy định.
- Trong đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, đối với số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và các cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu, Công ty cam kết sẽ không chào bán tiếp cho các nhà đầu tư nước ngoài nhằm đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty theo quy định.

15. Các loại thuế có liên quan

15.1 Đối với Công ty

- Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

15.2 Đối với nhà đầu tư liên quan đến cổ phiếu chào bán

⊕ **Đối với nhà đầu tư cá nhân**

- **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

+ **Đối với Nhà đầu tư trong nước:** Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại Điểm 2 Điều 16 Nghị định 12/2105/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

+ **Đối với Nhà đầu tư nước ngoài:** Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại Điểm 2 Điều 20 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013 về việc “Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn”.

- **Thu nhập từ cổ tức:**

+ Theo Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thương, Nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này, Nhà đầu tư sẽ thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất 5%.

⊕ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

- **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

+ **Đối với tổ chức trong nước:** Theo quy định tại thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/04/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng Thuế suất Thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

+ **Đối với tổ chức nước ngoài:** Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014.

- **Thu nhập từ cổ tức:**

+ Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

16. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết thực hiện phát hành cả 02 phương án: Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong cùng 01 đợt phát hành.

Công ty cam kết đảm bảo tuân thủ quy định theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Quy chế niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán về việc thực hiện niêm yết bổ sung trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Kế hoạch triển khai cụ thể như sau:

- + Thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán đối với phát hành cổ phiếu ra công chúng, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành đối với phát hành cổ phiếu để trả cổ tức;
- + Nộp hồ sơ điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ngay sau khi có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- + Nộp hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngay sau khi có giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán bổ sung của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Công ty Cổ phần VSC Green Logistics chào bán cổ phiếu ra công chúng nhằm bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics là 121.200.000.000 (Một trăm hai mươi một tỷ, hai trăm triệu) đồng. Số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với nguyên tắc ưu tiên sử dụng vốn cho các mục đích theo thứ tự từ trên xuống dưới, cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Giá trị (VND)	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi	40.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
2	Đầu tư mua thêm phương tiện vận tải	67.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
3	Đầu tư mua thêm máy móc, thiết bị	4.200.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
4	Bổ sung vốn lưu động	10.000.000.000	Trong năm 2026
	Tổng cộng	121.200.000.000	

↓ Kế hoạch giải ngân chi tiết như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân dự kiến	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi	40.000.000.000	
1.1	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 36/HĐCN/GLC-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và CTCP VSC Green Logistics	40.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
2	Đầu tư mua thêm phương tiện vận tải	67.000.000.000	
2.1	Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện số 170/HĐCNTS/GSL-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh và CTCP VSC Green Logistics	49.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
2.2	Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện số 37/HĐCNTS/GLC-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và CTCP VSC Green Logistics	18.000.000.000	
3	Đầu tư mua thêm máy móc, thiết bị	4.200.000.000	
3.1	Hợp đồng chuyển nhượng máy móc thiết bị số 169/HĐCNTS/GSL-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi Sao Xanh và CTCP VSC Green Logistics	600.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
3.2	Hợp đồng chuyển nhượng máy móc thiết bị số 38/HĐCNTS/GLC-GIC ngày 29/08/2025 giữa Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh và CTCP VSC Green Logistics	3.600.000.000	
4	Bổ sung vốn lưu động	10.000.000.000	
4.1	Chi phí nhân công và quản lý	4.000.000.000	Trong năm 2026
4.2	Chi phí nhiên liệu, vật tư (tiêu hao, dự trữ,) và chi phí sửa chữa	3.000.000.000	
4.3	Chi phí làm hàng và chi phí lưu động khác	3.000.000.000	
	Tổng cộng	121.200.000.000	

Trường hợp không huy động đủ số tiền dự kiến theo phương án đã được phê duyệt nêu trên, căn cứ vào tình hình thực tế, HĐQT Công ty sẽ thực hiện phân bổ số tiền sử dụng vốn như sau:

- + Tiến hành phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán theo thứ tự ưu tiên (1), (2), (3), (4) và trong từng mục đích sử dụng vốn sẽ ưu tiên theo tuần tự từ (2.1) đến (2.2); từ (3.1) đến (3.3); và từ (4.1) đến (4.3) theo phương án sử dụng vốn nêu trên.
- + Xem xét sử dụng linh hoạt nguồn vốn vay, các nguồn vốn khác để bù đắp cho số tiền thiếu hụt trong tổng nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

2. Phương án xử lý trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu chào bán hoặc không thu đủ số vốn huy động từ đợt chào bán

Trong trường hợp không phân phối hết lượng cổ phiếu chào bán hoặc không thu đủ số tiền vốn như dự kiến sẽ xử lý theo các phương án sau:

- Hội đồng quản trị được phép lựa chọn Nhà đầu tư để tiếp tục chào bán cổ phiếu với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu, đồng thời có thể thực hiện các thủ tục xin phép UBCKNN gia hạn thời gian chào bán nếu xét thấy cần thiết;
- Trường hợp sau khi kết thúc đợt chào bán, tổng số tiền thu về ít hơn so với số vốn thu về dự kiến (121.200.000.000 đồng), HĐQT sẽ chủ động sử dụng linh hoạt các nguồn vốn vay, các nguồn vốn khác để bù đắp cho số tiền thiếu hụt trong tổng nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

3. Thông tin về bổ sung vốn lưu động

Theo chủ trương tái cấu trúc toàn bộ hoạt động của các đơn vị thành viên của VSC gồm: Công ty Cổ phần VSC Green Logistics (GIC), Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh (GLC), Công ty Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh (GSL), CTCP Cảng cạn Quảng Bình - Đinh Vũ (VGI), theo đó công ty mẹ là VSC dự kiến sẽ thực hiện các nội dung bao gồm nhưng không giới hạn phương án sáp nhập hoặc bán tài sản gắn liền với hoạt động của các doanh nghiệp nhằm giảm sự chông chéo trong hoạt động kinh doanh, giảm sự thiếu hiệu quả trong quản lý chi phí vận hành các đơn vị có ngành nghề tương đồng và giảm cạnh tranh nội bộ lẫn nhau. Khi đó GIC sẽ mở rộng quy mô hoạt động lĩnh vực kho bãi, bổ sung dịch vụ kinh doanh vận tải đường dài và vận tải đường ngắn xuất nhập tàu; GSL giảm quy mô hoạt động; GLC tập trung vào mảng kho bãi với cơ sở vật chất hiện đang có.

Do đó, bên cạnh 2 ngành nghề hiện đang tập trung là khai thác bãi (gồm dịch vụ kho bãi, lưu trữ và bốc xếp hàng hoá) và dịch vụ sửa chữa container, GIC sẽ tiếp tục mở rộng sang lĩnh vực hoạt động mới là vận tải đường dài, tăng thêm dịch vụ vận chuyển xuất - nhập tàu (chạy shipside tàu - bãi), xây mới thêm kho hàng rời để đóng hàng container (dịch vụ hỗ trợ trong khai thác bãi và hỗ trợ hoạt động vận tải). Đây là các mảng dịch vụ nằm trong chuỗi giá trị của ngành container từ: dịch vụ tại cảng (chạy shipside) - khai thác kho bãi, kho hàng rời - đóng hàng container - vận tải đường dài và sửa chữa container, hoàn thành mắt xích quan trọng trong chiến lược phát triển kinh doanh của toàn hệ thống VSC nói chung và của GIC nói riêng.

Chiến lược kinh doanh và đầu tư của Công ty trong thời gian tới như sau:

- Vận hành đội xe chạy đường dài: nhận chuyển nhượng các phương tiện vận tải gồm xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc từ GSL và GLC, nhận chuyển giao khách hàng hiện hữu từ GSL và GLC, mở rộng thị trường tìm kiếm đối tác mới.
- Mở rộng hoạt động chạy shipside tàu - bãi và các dịch vụ nâng hạ container trong bãi thông qua nhận chuyển nhượng thêm một số xe đầu kéo nội bộ cảng từ GSL và xe nâng (chạy dầu và chạy điện) của GLC.
- Xây dựng thêm nhà kho đóng hàng rời và sửa chữa bãi container tại Khu đất kho hàng và Khu bến bãi container tại Lô CN3.21 Khu công nghiệp Đinh Vũ, Hải Phòng diện tích 10.120 m² nhận chuyển nhượng từ GLC.
- Sửa chữa bãi container hiện nay tại các khu bãi hiện có diện tích 10 ha thuộc sở hữu của Công ty.

Với việc nhận chuyển nhượng 325 xe các loại từ GSL và GLC, năng lực vận tải và cung cấp các dịch vụ liên quan đến container của Công ty đã tăng gấp nhiều lần, kéo theo các chi phí lưu động liên quan đến vận hành đội xe gồm: Chi phí nhân công; chi phí nhiên liệu và vật tư tiêu hao;

chi phí nhiên liệu và vật tư dự trữ; chi phí sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; chi phí thủ tục tại cảng, bãi, hãng tàu, ... vì vậy nhu cầu chi phí lưu động của Công ty dự kiến sẽ tăng mạnh. Công ty dự toán chi phí vốn lưu động cần bổ sung cho năm tiếp theo, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu 2026 dự kiến	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Doanh thu kế hoạch 2026, trong đó	209.000.000.000	Giá định GIC nhận chuyển nhượng hoạt động SXKD đối với tài sản nhận từ GLC và GSL từ Quý III/2026
-	<i>Doanh thu tăng thêm kế thừa đội xe từ GSL</i>	<i>60.000.000.000</i>	
-	<i>Doanh thu tăng thêm do tăng năng lực dịch vụ kho bãi và phương tiện vận tải nhận từ GLC</i>	<i>4.000.000.000</i>	Ghi nhận doanh thu khai thác bãi container trên lô đất CN3.2I từ Quý III/2026, chưa ghi nhận doanh thu Kho đóng hàng rời
2	Lợi nhuận sau thuế	22.000.000.000	
3	Tài sản ngắn hạn bình quân	50.000.000.000	
4	Chi phí vốn lưu động, trong đó:	210.000.000.000	
-	<i>Chi phí lưu động của GIC theo quy mô ban đầu (dự kiến tương đồng chi phí lưu động năm 2024 và 2025)</i>	<i>90.000.000.000</i>	
-	<i>Chi phí lưu động khi vận hành đội xe từ GSL và GLC (giá sửa chi phí cho 6 tháng cuối năm 2026 sau khi nhận chuyển nhượng đội xe từ GSL và GLC)</i>	<i>120.000.000.000</i>	Tính trên tài sản là phương tiện vận tải nhận chuyển nhượng từ GSL và GLC
5	Vòng quay vốn lưu động	4,18 lần	(5) = (1)/(3)
6	Số tiền vốn lưu động cần cho 1 vòng quay (làm tròn)	50.000.000.000	(6) = (4)/(5)
7	Đầu tư xây kho hàng rời và chi phí sửa chữa lớn bãi container (dự kiến 2026)	52.000.000.000	Dự kiến xây kho hàng rời Lô CN3.2I nhận chuyển từ GLC và sửa chữa bãi container hiện nay
8	Tài sản ngắn hạn cuối năm 2025 (dự kiến)	76.000.000.000	
9	Nhu cầu bổ sung vốn lưu động năm 2026	26.000.000.000	(9) = (6)+(7)-(8)
	<i>Trong đó:</i>		
	- <i>Vốn huy động từ đợt chào bán</i>	<i>10.000.000.000</i>	
	- <i>Vốn huy động khác</i>	<i>16.000.000.000</i>	

Với nhu cầu cần bổ sung thêm 26 tỷ đồng vốn lưu động trong năm 2026 thì việc huy động thêm 10 tỷ đồng từ đợt chào bán là phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty.

HĐQT Công ty đã thông Phương án sử dụng vốn lưu động chi tiết, cụ thể như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Bổ sung vốn lưu động, trong đó:	10.000.000.000	Trong năm 2026
1.1	Chi phí nhân công và quản lý	4.000.000.000	
1.2	Chi phí nhiên liệu, vật tư (tiêu hao, dự trữ) và chi phí sửa chữa	3.000.000.000	
1.3	Chi phí làm hàng và chi phí lưu động khác	3.000.000.000	

4. Thông tin về việc đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Các tài sản Công ty sẽ mua lại từ các đơn vị GLC và GSL như sau:

STT		Số lượng (chiếc)	Giá trị
I	Phương tiện vận tải	325	67.000.000.000
1	Từ GSL	246	49.000.000.000
	Xe đầu kéo	123	37.800.000.000
	Sơ mi rơ moóc	123	11.200.000.000
2	Từ GLC	79	18.000.000.000
	Xe đầu kéo	13	550.000.000
	Sơ mi rơ moóc	35	1.110.000.000
	Xe nâng	31	16.340.000.000
II	Máy móc thiết bị		4.200.000.000
	Nhận chuyển nhượng từ GSL		600.000.000
	Nhận chuyển nhượng từ GLC		3.600.000.000
III	Nhận chuyển nhượng nhà xưởng kho bãi của GLC		40.000.000.000
	Tổng cộng		111.200.000.000

4.1. Thông tin về việc thực hiện mua tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh

a. Thông tin chung

- Tên công ty: Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh (“GSL”)
- Tên nước ngoài: GREEN STAR LINES ONE MEMBER LIMITED COMPANY
- Tên viết tắt: GS Lines

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 05 Võ Thị Sáu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200468606 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/06/2002, thay đổi lần thứ 14 ngày 05/08/2025 do Sở tài chính Thành phố Hải Phòng cấp.
- Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, vận tải đa phương thức, kho bãi và lưu giữ bảo dưỡng sửa chữa, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và các xe có động cơ khác, bán buôn xăng dầu, máy móc, thiết bị
- Mối quan hệ của GIC và người có liên quan của GIC:
 - + Công ty Cổ phần Container Việt Nam – công ty mẹ sở hữu 66,34% vốn điều lệ của GIC - hiện đang sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh.
 - + Ông Đồng Trung Hải – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần VSC Green Logistics – đang giữ chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc tại Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh.

b. Thông tin về tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh

- Vốn điều lệ: 76.000.000.000 đồng
- Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 và lũy kế đến cuối Quý III/2025:

Đơn vị: Đồng

Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế	
Năm 2024	Lũy kế đến cuối Quý III/2025	Năm 2024	Lũy kế đến cuối Quý III/2025
204.771.746.547	148.363.164.859	13.265.837.683	10.550.864.613

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và BCTC Quý III/2025 của GSL

- Tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty năm 2024 và tại ngày 30/09/2025:

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Năm 2024	30/09/2025
1	Tổng tài sản	113.655.676.438	115.583.890.894
1.1	Tài sản ngắn hạn	69.382.154.457	80.134.944.216
1.2	Tài sản dài hạn	44.273.521.981	35.448.946.678
2	Vốn chủ sở hữu	89.668.704.913	86.953.731.843
3	Nợ phải trả	23.986.971.525	28.630.159.051

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và BCTC Quý III/2025 của GSL

c. Cơ sở pháp lý để mua tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao xanh

Công ty sẽ sử dụng 49.600.000.000 đồng thu được từ được chào bán để mua tài sản của Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh theo các văn bản pháp lý như sau:

- + Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics (Tên cũ: Công ty Cổ phần

Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh) và Tờ trình ĐHDCTD ngày 14/02/2025 về việc Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;

- + Nghị quyết HĐQT số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 23/08/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics về việc Thông qua giao dịch mua tài sản với người có liên quan là Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh;
- + Nghị quyết HĐQT số 08/2025/NQ-HĐQT ngày 29/08/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics về việc Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành;
- + Quyết định số 166/QĐ-CT ngày 25/08/2025 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao xanh về việc phê duyệt thanh lý tài sản.

d. Các hợp đồng mua tài sản ký kết giữa GIC và GSL

STT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Thời điểm ký kết	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện	170/HĐCNTS/GSL-GIC	29/08/2025	49.000.000.000
2	Hợp đồng chuyển nhượng máy móc, thiết bị	169/HĐCNTS/GSL-GIC	29/08/2025	600.000.000
	Tổng cộng			49.600.000.000

- Theo hợp đồng chuyển nhượng phương tiện số 170/HĐCNTS/GSL-GIC, các tài sản Công ty mua bao gồm:

STT	Tên phương tiện vận tải	Số lượng (chiếc)	Giá trị (đồng)
1	Sơ Mi Rơ Moóc Tải (Chở Container)	123	11.200.000.000
2	Xe ô tô đầu kéo	123	37.800.000.000
	Tổng cộng	246	49.000.000.000

- Theo hợp đồng chuyển nhượng máy móc, thiết bị số 169/HĐCNTS/GSL-GIC, các tài sản Công ty mua bao gồm:

STT	Tên tài sản	Số lượng (Hệ thống)	Giá trị (VNĐ)
1	Hệ thống thiết bị xưởng sửa chữa	01	397.000.000
2	Hệ thống thiết bị văn phòng	01	203.000.000
	Tổng cộng	02	600.000.000

4.2. Thông tin về việc thực hiện mua tài sản của Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh

a. Thông tin chung

- Tên công ty: Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh ("GLC")
- Tên nước ngoài: GREEN LOGISTICS CENTRE ONE MEMBER COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt: GLC

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô đất CN3.2G, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0201263312 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 16/05/2012, thay đổi lần thứ 07 ngày 01/02/2024.
- Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp các dịch vụ bốc xếp hàng hóa, kho bãi, lưu giữ hàng hóa và các hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Mọi quan hệ của GIC và người có liên quan của GIC:
 - + Công ty Cổ phần Container Việt Nam – công ty mẹ sở hữu 66,34% của GIC hiện đang sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh.
 - + Ông Lê Quang Huy – Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần VSC Green Logistics – đang giữ chức vụ Giám đốc tại Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh.
 - + Bà Phan Thị Trung Hiếu – Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần VSC Green Logistics – đang giữ chức vụ Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh.
 - + Bà Trần Thị Phương Anh – Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần VSC Green Logistics – đang giữ chức vụ Chủ tịch tại Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh.

b. Thông tin về tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh

- Vốn điều lệ: 620.000.000.000 đồng
- Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 và lũy kế đến cuối Quý III/2025:

Đơn vị: Đồng

Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế	
Năm 2024	Lũy kế đến cuối Quý III/2025	Năm 2024	Lũy kế đến cuối Quý III/2025
256.221.083.695	207.113.396.581	(29.077.630.011)	2.111.390.560

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và BCTC Quý III/2025 của GLC

- Tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty năm 2024 và tại ngày 30/09/2025:

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Năm 2024	30/09/2025
1	Tổng tài sản	669.600.131.419	744.961.916.783
1.1	Tài sản ngắn hạn	113.300.133.412	215.730.319.946
1.2	Tài sản dài hạn	556.299.999.007	529.231.596.837
2	Vốn chủ sở hữu	601.990.255.368	604.101.645.928
3	Nợ phải trả	67.609.877.051	140.860.270.855

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 và BCTC Quý III/2025 của GLC

c. **Cơ sở pháp lý để mua tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh**

- Công ty sẽ sử dụng 61.600.000.000 đồng thu được từ được chào bán để mua tài sản của Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh theo các văn bản pháp lý như sau:
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics (Tên cũ: Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh) và Tờ trình ĐHĐCĐ ngày 14/02/2025 về việc Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
 - + Nghị quyết HĐQT số 06/2025/NQ-HĐQT ngày 23/08/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics về việc Thông qua giao dịch mua tài sản với người có liên quan là Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh;
 - + Nghị quyết HĐQT số 08/2025/NQ-HĐQT ngày 29/08/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics về việc Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành;
 - + Quyết định số 52/QĐ-CT ngày 25/08/2025 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh về việc phê duyệt thanh lý tài sản.

d. **Các hợp đồng mua tài sản ký kết giữa GIC và GLC**

STT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Thời điểm ký kết	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	36/HĐCN/GLC-GIC	29/08/2025	40.000.000.000
2	Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện	37/HĐCNTS/GLC-GIC	29/08/2025	18.000.000.000
3	Hợp đồng chuyển nhượng máy móc, thiết bị	38/HĐCNTS/GLC-GIC	29/08/2025	3.600.000.000
	Tổng cộng			61.600.000.000

- Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 36/HĐCN/GLC-GIC, Công ty sẽ đầu tư mua Khu đất kho hàng và Khu bến bãi container của GLC, địa chỉ tại Lô đất CN3.2I, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam:

STT	Tên tài sản	Đơn vị	Diện tích	Giá chuyển nhượng (đồng)
1	Quyền sử dụng đất	m ²	10.120	40.000.000.000
	Tổng giá trị		10.120	40.000.000.000

- Theo hợp đồng chuyển nhượng phương tiện số 37/HĐCNTS/GLC-GIC, các tài sản Công ty sẽ mua bao gồm:

STT	Tên phương tiện vận tải	Số lượng (Chiếc)	Thành tiền (đồng)
1	Sơ Mí Rơ Moóc	35	1.110.000.000
2	Xe đầu kéo	13	550.000.000
3	Xe nâng vô Iôt	02	1.550.000.000

4	Xe nâng hàng 41t	02	2.200.000.000
5	Xe nâng hàng 45t	03	6.890.000.000
6	Xe nâng hàng 46t	01	1.500.000.000
7	Xe nâng dầu 3t	05	1.197.000.000
8	Xe nâng dầu 4,5t	01	175.000.000
9	Xe nâng điện	17	2.828.000.000
Tổng cộng		79	18.000.000.000

- Theo hợp đồng chuyển nhượng máy móc, thiết bị số 38/HĐCNTS/GLC-GIC, các tài sản Công ty sẽ mua bao gồm:

STT	Tên tài sản	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1	Bàn nâng thủy lực A688FHE	37	999.000.000
2	Máy hút ẩm công nghiệp	15	405.000.000
3	Hệ thống máy chủ	03	114.000.000
4	Hệ thống hạ tầng điện	01	484.000.000
5	Hạ tầng mạng viễn thông điều hành khai thác	01	1.246.000.000
6	Container văn phòng	01	20.000.000
7	Hệ thống thiết bị máy móc khai thác	01	332.000.000
Tổng cộng		59	3.600.000.000

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

⚡ CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM) – CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 16, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Lô E6, Khu đô thị Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3946 2246

Website: www.pwc.com/vn

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

Trụ sở chính: Tầng 22, số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 4456 8888

Fax: (84-24) 3978 5380

Website: <https://vixs.vn>

Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025, Công ty Cổ phần VSC Green Logistics tiến hành đăng ký phát hành 13.332.000 cổ phiếu (bao gồm: phát hành 1.212.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 và chào bán 12.120.000 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu). Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu là 121.200.000.000 đồng với mục đích huy động vốn để bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm các nhà xưởng, kho bãi, mua các máy móc trang thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty dự kiến chào bán cho cổ đông hiện hữu 12.120.000 cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1 với mức giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn 49,99% so với giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 (19.997 đồng/cổ phiếu) và thấp hơn 38,27% so với giá giao dịch trên thị trường tại thời điểm xây dựng phương án chào bán cổ phiếu (16.200 đồng/cổ phiếu tại ngày 12/02/2025).

Với mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu, đây là mức giá hấp dẫn so với giá đang giao dịch trên sàn nên mức độ rủi ro không thành công khó xảy ra. Cùng với việc duy trì được lợi nhuận của Công ty trong những năm qua, Tổ chức tư vấn cho rằng Công ty có thể hoàn thành đợt chào bán theo đúng kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, những ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, nhà đầu tư phải xem xét và cân nhắc khi đưa ra quyết định đầu tư.

XI. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất;
2. Điều lệ công ty;
3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025 về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
4. Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 09 ngày 14/02/2025 về việc Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
5. Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán;
6. Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
7. Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua trình tự, thời gian thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 và các nội dung liên quan đến phương án phát hành;
8. Báo cáo tài chính Công ty năm 2023, 2024 đã kiểm toán, Báo cáo tài chính Công ty quý gần nhất;

9. Tài liệu liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng bao gồm:
- Các hợp đồng chuyển nhượng và phụ lục đính kèm;
 - Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐQT ngày 23/08/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics về việc Thông qua giao dịch mua tài sản với người có liên quan là Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh;
 - Nghị quyết HĐQT số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 23/08/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics về việc Thông qua giao dịch mua tài sản với người có liên quan là Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh.

Hải Phòng, ngày 24. tháng 01. năm 2026

ĐẠI DIỆN TÓ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN ĐỨC DŨNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

A blue ink handwritten signature of Nguyễn Thị Thu Hằng.

NGUYỄN THỊ THU HẰNG

GIÁM ĐỐC

A blue ink handwritten signature of Đông Trung Hải.

ĐÔNG TRUNG HẢI

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIX

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG NGỌC LÂN

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0201768923

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 01 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 13 tháng 03 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VSC GREEN LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0225.2838666

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ: 121.200.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm hai mươi một tỷ hai trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 12.120.000

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực...6419.....quyển số.....7.....- SCT/BS

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty Ngày 21-01-2026

* Họ và tên: ĐÔNG TRUNG HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC

Sinh ngày: 28/12/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031077008290

Ngày cấp: 20/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 12 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 12 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam



CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thị Thu Trang

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Đình Phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Hải Phòng, Ngày 10 tháng 03 năm 2025



BẢN BẢN CHÍNH
Ngày 11 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC
Dòng Trung Hải

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 9. Thu hồi cổ phần	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 11. Quyền của cổ đông	11
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	12
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Thay đổi các quyền	16
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 18. Các điều kiện tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Thủ tục tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	24
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Người phụ trách quản trị Công ty	29
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	29
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý	29

Điều 30. Người điều hành doanh nghiệp	29
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của của Giám đốc	30
Điều 32. Thư ký Công ty.....	30
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	31
Điều 33. Thành viên Ban Kiểm soát	31
Điều 34. Ban Kiểm soát	32
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC KHÁC.....	33
Điều 35. Trách nhiệm căn trọng.....	33
Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	33
Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	34
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	35
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	35
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	35
Điều 39. Công nhân viên và công đoàn	35
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	36
Điều 40. Cổ tức	36
Điều 41. Các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	37
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRÙ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	37
Điều 42. Tài khoản ngân hàng	37
Điều 43. Năm tài chính	37
Điều 44. Chế độ kế toán	37
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	37
Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	37
Điều 46. Báo cáo thường niên.....	38
Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	38
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	38
Điều 48. Kiểm toán	38
XVII. CON DẤU.....	38
Điều 49. Con dấu	39
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	39
Điều 50. Chấm dứt hoạt động	39
Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	39
Điều 52. Thanh lý.....	39
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	40
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ	40
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	40
Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	40
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	40
Điều 55. Ngày hiệu lực	40
Điều 56. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty	41

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần VSC Green Logistics (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), một Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0201768923 do Sở KH-ĐT thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27/01/2017 thông qua.

I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

Trong Điều lệ này, các từ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần VSC Green Logistics;
- b. "Điều lệ" có nghĩa là Điều lệ Công ty Cổ phần VSC Green Logistics;
- c. "Vốn Điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua do các cổ đông góp bằng phương thức mua cổ phần và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
- d. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
- e. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
- g. "Cổ đông" là thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;
- h. "Cổ phiếu" có nghĩa là Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần của cổ đông;
- i. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty
- j. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán
- k. "Người đại diện theo uỷ quyền" là cá nhân được cổ đông của Công ty uỷ quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- l. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- l. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

2. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **VSC GREEN LOGISTICS JOINT STOCK**

COMPANY

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô CC2 – Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Điện thoại: 0225 2838666

- Fax: 0225 2838898

- E-mail: fgd@greenied.com.vn

- Website: www.greenied.com.vn

4. Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty;

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện của địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hoá (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Giao nhận hàng hóa; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Đại lý vận tải hàng hóa; Dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng hóa; Môi giới thuê tàu biển (không gồm thủy thủ đoàn); Đóng gói hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa; Dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế và nội địa; Đại lý ủy thác, quản lý container, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Tổ chức khai thác liên hiệp vận chuyển	(5229 – Chính)

	<p>container hàng xuất nhập khẩu, hàng quá cảnh bằng các phương tiện; Đại lý tàu biển và môi giới vận tải hàng hải.</p> <p><i>(trừ dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát triển hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải. Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải. Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường hàng không; Kinh doanh vận chuyển hàng không, cảng hàng không và kinh doanh hàng không chung)</i></p>	
3	<p>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan</p> <p><i>(trừ thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật.)</i></p>	4661
4	<p>Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p><i>(trừ thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật.)</i></p>	4730
5	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p><i>(trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)</i></p>	6810
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
7	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p><i>(trừ thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i></p>	8299
8	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
9	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
10	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
11	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
12	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
13	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (trừ quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư)	5221
16	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp (trừ thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4659
17	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
18	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn tàu thuyền	4669
19	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: - Bao gói hàng hóa	8292
20	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
21	Cho thuê xe có động cơ	7710
22	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
23	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: - Dịch vụ vận tải, đại lý vận tải hàng hóa đường thủy; Hoạt động cứu hộ phương tiện vận tải đường thủy; Hoạt động điều hành, lai dắt, đưa tàu cập bến; Dịch vụ chờ hàng bằng sà lan (trừ Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì bảo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát triển hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; Dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)	5222
24	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
25	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê container	7730
26	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (trừ thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư	4653

	<i>mức ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	
27	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
28	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ tàu, thuyền	4799

Mục tiêu hoạt động của Công ty là: không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực nêu tại điểm 1 Điều này, và các ngành nghề khác phù hợp với Luật doanh nghiệp nhằm tối đa hóa lợi nhuận có thể được cho Công ty, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông; cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động trong Công ty; làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **121.200.000.000 đồng** (Một trăm hai mươi một tỷ hai trăm triệu đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **12.120.000** cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là các cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác nhau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu 20 ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua lại cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những

cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài trong vốn điều lệ là mức cao nhất mà pháp luật cho phép theo các ngành nghề kinh doanh Công ty đang hoạt động.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty Cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
- d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
- e. Họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- f. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;
- g. Số đăng ký tại số đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;
- h. Các nội dung khác theo quy định tại Điều 116, 117 và 118 Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 (hai) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu.

3. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;

b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích trái pháp luật.

7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp Điều lệ Công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần chưa thanh toán hết đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này, và trong các trường hợp khác được quy định của Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty, Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 15% một năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày

thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc theo hình thức khác được pháp luật quy định.

b. Nhận cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132.1 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phái thông

qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp: Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty;
2. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
4. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội

đồng quản trị và người đại diện Pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi và hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có thể họp thường niên và bất thường.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Khi số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản yêu cầu có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

5. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 4b Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 4c và 4d Điều 13;

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Khoản 5 Điều 13 thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 13 thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 4c Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban Kiểm soát;
- d. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc hình thức lấy ý kiến bằng văn bản về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. ;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần

- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 167.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

o. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

p. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

q. Các vấn đề khác được quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp, có đóng dấu của cổ đông tổ chức (nếu có);

Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không được áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên 48 (bốn mươi tám) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó biểu quyết thông qua.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có hiệu lực khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang nhau tại cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự các quy định tại Điều 18 và Điều 20.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng

b. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

d. Lập chương trình họp và chuẩn bị các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

g. Gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên website của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội sẽ được đăng trên website của Công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi tới các cổ đông như quy định tại khoản này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tài liệu họp và Công ty sẽ gửi tài liệu họp cho các cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

4. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị tại khoản 3 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày trước cuộc họp Đại hội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 3 Điều 17 Điều lệ này trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 45 (bốn mươi lăm) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập cuộc họp hủy cuộc họp. Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số phiếu có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp;

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi mã cổ đông tham dự, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó, các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội và có đóng dấu treo của Công ty.

Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết công khai các vấn đề cần biểu quyết theo chương trình họp của Đại hội, cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết các vấn đề trên bằng cách giơ phiếu biểu quyết của mình lên theo sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội đồng thời đánh dấu vào phiếu biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, Ban kiểm phiếu đếm số biểu quyết tán thành, không thành, không có ý kiến của từng nội dung, tổng hợp và báo cáo kết quả cho Chủ tọa Đại hội.

Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu công bố sau hoàn thành việc kiểm phiếu.

4. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia thảo luận và biểu quyết;

c. Có người họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự họp, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Người triệu tập Đại hội có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Người triệu tập Đại hội cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Người triệu tập Đại hội sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Người triệu tập Đại hội sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập Đại hội có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Người triệu tập Đại hội thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập Đại hội khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

c. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp, hoặc bằng văn bản có chữ ký của tất cả cổ đông, hoặc bằng lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Trừ trường hợp quyết định tại khoản 3 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp tán thành (trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên 50% tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản).

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

3. Các nghị quyết không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành (trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên 50% tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản);

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và các tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến.

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý cá nhân đối với đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo Pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở, bị tiết lộ đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ thay cho việc gửi tới các cổ đông.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.



Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản. Biên bản họp và biên bản kiểm phiếu phải được lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.

3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông, công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày biên bản họp Đại hội cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung của nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền ứng cử/đề cử người để bầu vào Hội đồng quản trị theo quy định:

- Nếu chiếm từ 05% đến dưới 10% thì được quyền đề cử 01 (một) thành viên,
- Nếu chiếm từ 10% đến dưới 30% thì được quyền đề cử 02 (hai) thành viên,
- Nếu chiếm từ 30% đến dưới 40% thì được quyền đề cử 03 (ba) thành viên.

- Nếu chiếm từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử 04 (bốn) thành viên.
- Nếu chiếm từ 50% đến dưới 60% được quyền đề cử 05 (năm) thành viên.
- Nếu chiếm từ 60% đến dưới 70% được quyền đề cử 06 (sáu) thành viên.
- Nếu chiếm từ 70% đến dưới 80% được quyền đề cử 07 (bảy) thành viên.
- Nếu chiếm từ 80% đến dưới 90% được quyền đề cử 08 (tám) thành viên.

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn, trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- e. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Các thông tin khác (nếu có).

Công ty đại chúng phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Đại diện cho cổ đông là pháp nhân khi pháp nhân bị mất tư cách pháp nhân, pháp nhân bị giải thể;
 - h. Bị cổ đông là pháp nhân rút quyền đại diện.
3. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
- 3. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Thông qua việc cấp khoản vay hoặc bảo lãnh có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty cho các công ty con của Công ty.
 - j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện của Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - k. Giám sát chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, xây dựng quy chế nội bộ về quản trị nội bộ của Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, quyết định thành lập

Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

q. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại điều 153.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 167.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hoạt động mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% vốn điều lệ hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn hoặc trách nhiệm của mình;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

6. Tổng số tiền trả cho các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần, và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể cử một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc quá bán.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp họp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất cứ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người điều hành khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày sau khi có đề xuất họp, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở trụ sở của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên ít nhất 03 (ba) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp được triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đồng nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

e. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

f. Theo quy định tại Khoản 10.e Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách đầy đủ;

g. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 36.5a và Điều 36.5b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

h. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

11. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

12. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký tên thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 28. Người phụ trách quản trị Công ty

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 30. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng số lượng và loại người điều hành khác cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành khác phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tài chính của Công ty đạt được mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động với Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

4. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vi thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

5. Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

f. Tuyển dụng lao động;

g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật;

6. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

7. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của Giám đốc) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

Điều 32. Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ghi chép biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 33. Thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát phải có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Trong Ban Kiểm soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên Ban Kiểm soát không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người có liên quan tới các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác khác của Công ty. Ban Kiểm soát phải chỉ định một thành viên làm trưởng ban.

- 2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - e. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f. Không phải thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người điều hành khác khác của Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 10% tổng cổ phần có quyền biểu quyết có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát như sau:

- Nếu chiếm từ 10% đến dưới 20% thì được đề cử 01 (một) người.
- Nếu chiếm từ 20% đến dưới 35% thì được đề cử 02 (hai) người.
- Nếu chiếm từ 35% đến dưới 50% thì được đề cử 03 (ba) người.
- Nếu chiếm từ 50% đến dưới 65% thì được đề cử 04 (bốn) người.
- Nếu chiếm từ 65% thì được đề cử toàn bộ số ứng viên.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

6. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

7. Thành viên Ban Kiểm soát không có tư cách thành viên trong trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại điều 169 Luật Doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của Ban Kiểm soát;

c. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;

d. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty và được chấp thuận;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban Kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Ban Kiểm soát

1. Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý và điều hành Công ty;

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

d. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;

e. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

f. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này;

g. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

h. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ra các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

i. Có quyền tham dự và thảo luận tại các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;

k. Báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

l. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

4. Mức thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC KHÁC

Điều 35. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc các cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành khác hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành khác hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không

hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cân và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) ủy quyền, hoặc người đó đã đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty.

3. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cân vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 12.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty: danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó làm đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện những thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 39. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người điều hành khác và người lao động cũng như mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt

nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

2. Người lao động trong Công ty có quyền thành lập công đoàn và tham gia các tổ chức chính trị - xã hội khác theo quy định của pháp luật. Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội được thành lập trong Công ty phải hoạt động theo đúng quy định pháp luật.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 40. Cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận giữ lại của Công ty. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty khi có đủ các điều kiện sau:

a. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp, Công ty không phải chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi xuất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Trường hợp cổ đông nhận chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

8. Trường hợp trả cổ tức trái quy định pháp luật thì cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 41. Các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm.

2. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo sau:

- a. Báo cáo tài chính và các báo cáo thuyết minh liên quan.
- b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.
- d. Báo cáo trích lập, sử dụng các quỹ và mức cổ tức hàng năm.

Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Báo cáo và tài liệu quy định tại khoản này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 44. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 45. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Ngoài báo cáo tài chính năm, Công ty còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán và nộp cho các cơ quan hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 46. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Công ty phải thực hiện công bố thông tin và thông báo ra công chúng theo các quy định của pháp luật.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán độc lập này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty phải là Công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Doanh nghiệp có con dấu riêng. Con dấu là tài sản của doanh nghiệp. Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức và nội dung con dấu của doanh nghiệp.

2. Công ty có 01 (một) con dấu.

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm quản lý sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

b. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp hoặc bổ nhiệm thanh lý viên thay thế Hội đồng quản trị cùng kiểm toán viên làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và thể lệ tài chính hiện hành.

3. Trường hợp bị tòa án tuyên bố phá sản, thủ tục giải quyết phá sản đối với Công ty sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể theo một hay một số căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 52. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thanh lý và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự như sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh, trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu trọng tài kinh tế chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài trong quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

- 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

- 1. Bản Điều lệ này gồm XXI chương, 56 Điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần VSC Green Logistics nhất trí thông qua ngày 10 tháng 03 năm 2025.
- 2. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:
 - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, thành phố
 - c. 04 bản lưu trữ tại văn phòng Công ty.
- 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.
Điều 56. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Giám đốc

[Handwritten Signature]
Đông Trang Hải





LOGISTICS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mã số doanh nghiệp: 0201768923 | Địa chỉ: Lô CC2 – KCN MP Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Tel: (84) 0225.2838666 | Fax: (84) 0225.2838689 | Email: fgd@greenicd.com.vn | Website: www.greenicd.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 10 tháng 03 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh;
- Căn cứ Biên bản, nội dung họp và tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh ngày 10/03/2025;

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh thông qua các nội dung sau:

- Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2027 đối với ông Nguyễn Thế Trọng theo nguyện vọng cá nhân.
- Đồng ý danh sách ứng cử viên do Hội đồng quản trị lập và trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 để bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2027. Trên cơ sở đó, Đại hội đồng cổ đông thống nhất bầu ông Lê Quang Huy làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2027. Kể từ ngày nghị quyết này có hiệu lực, Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024 – 2027 bao gồm những thành viên sau:

Stt	Tên thành viên Hội đồng quản trị	Ghi chú
1.	Nguyễn Đức Dũng	Bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
2.	Nguyễn Kim Dương Khôi	Bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
3.	Đông Trung Hải	Bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
4.	Trần Thị Phương Anh	Bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024
5.	Lê Quang Huy	Bầu bổ sung tại ĐHĐCĐ thường niên 2025

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025.
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024.
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Một số chỉ tiêu cơ bản trong báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán như sau:



LOGISTICS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mã số doanh nghiệp: 0201768923 | Địa chỉ: Lô CC2 – KCN MP Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Tel: (84) 0225.2838666 | Fax: (84) 0225.2838689 | Email: fgd@greenicd.com.vn | Website: www.greenicd.com.vn

Đơn vị: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
1	Tổng tài sản	262.562.040.922
2	Vốn chủ sở hữu	121.200.000.000
	<i>Trong đó: vốn cổ phần:</i>	<i>121.200.000.000</i>
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	159.342.953.965
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1.291.778.386
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	18.091.674.245
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.238.924.768
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.340

6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:
- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2024: 16.238.924.768 đồng
 - Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.660.000.000 đồng
 - Thường HĐQT và BKS: 306.000.000 đồng
 - Trả cổ tức bằng cổ phiếu (*Theo Tờ trình phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ kèm theo Nghị quyết này*)
 - Số còn lại để bổ sung vốn kinh doanh và quỹ đầu tư phát triển.
7. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2025 và dự kiến mức cổ tức năm 2025:
- a. Kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau:
- Doanh thu: 145 tỷ đồng
 - Lợi nhuận trước thuế: 16,5 tỷ đồng
- b. Dự kiến mức cổ tức năm 2025:
- Dự kiến mức cổ tức năm 2025: 11% vốn điều lệ.
8. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào chất lượng dịch vụ và mức phí kiểm toán, tiến hành lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập (có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2025) để thực hiện các hoạt động kiểm toán. Thời gian thực hiện kiểm toán: Kể từ ngày diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đến ngày diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026.
9. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty để phù hợp với Nghị định 155/2020/NĐ-CP cụ thể như sau:
- Bổ sung thêm:
- “Điều 14: Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức họp trực tuyến
Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức họp ĐHCĐ thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 274 Nghị định số 155/NĐ-CP”.*



LOGISTICS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mã số doanh nghiệp: 0201768923 | Địa chỉ: Lô CC2 – KCN MP Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
 Tel: (84) 0225.2838666 | Fax: (84) 0225.2838689 | Email: fgd@greenicd.com.vn | Website: www.greenicd.com.vn

10. Thông qua việc đổi tên công ty; Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh của công ty, đồng thời sửa đổi Điều lệ công ty, cụ thể như sau:

a. *Thay đổi tên công ty*

Tên Công ty cũ: Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh

Tên Công ty sau khi thay đổi: Công ty cổ phần VSC Green Logistics

b. *Điều chỉnh, bổ sung một số ngành nghề kinh doanh. Ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty sau khi thay đổi như sau:*

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được điều chỉnh, bổ sung chi tiết	Mã ngành
Ngành nghề kinh doanh được điều chỉnh		
1.	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</p> <p>Chi tiết:</p> <p>- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Giao nhận hàng hóa; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Đại lý vận tải hàng hóa; Dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng hóa; Môi giới thuê tàu biển (không gồm thủy thủ đoàn); Đóng gói hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa; Dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế và nội địa; Đại lý ủy thác, quản lý container, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Tổ chức khai thác liên hiệp vận chuyển container hàng xuất nhập khẩu, hàng quá cảnh bằng các phương tiện; Đại lý tàu biển và môi giới vận tải hàng hải.</p> <p><i>(trừ dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát triển hàng hải ở vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải. Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường hàng không; Kinh doanh vận chuyển hàng không, cảng hàng không và kinh doanh hàng không chung)</i></p>	5229 (Chính)
2.	<p>Bốc xếp hàng hóa</p> <p><i>(trừ bốc xếp hàng hoá cảng hàng không)</i></p>	5224
3.	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</p> <p><i>(trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển</i></p>	6810



LOGISTICS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mã số doanh nghiệp: 0201768923 | Địa chỉ: Lô CC2 – KCN MP Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Tel: (84) 0225.2838666 | Fax: (84) 0225.2838689 | Email: fgd@greenicd.com.vn | Website: www.greenicd.com.vn

	<i>nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)</i>	
4.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật.)	4661
5.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật.)	4730
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (trừ quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị do Nhà nước đầu tư)	5221
Ngành nghề kinh doanh được bổ sung		
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp (trừ thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4659
2.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
3.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn tàu thuyền	4669
4.	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: - Bao gói hàng hóa	8292
5.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
6.	Cho thuê xe có động cơ	7710
7.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết:	5222



LOGISTICS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mã số doanh nghiệp: 0201768923 | Địa chỉ: Lô CC2 – KCN MP Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Tel: (84) 0225.2838666 | Fax: (84) 0225.2838689 | Email: fgd@greenicd.com.vn | Website: www.greenicd.com.vn

	- Dịch vụ vận tải, đại lý vận tải hàng hóa đường thủy; Hoạt động cứu hộ phương tiện vận tải đường thủy; Hoạt động điều hành, lai dắt, đưa tàu cập bến; Dịch vụ chờ hàng bằng sà lan <i>(trừ dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát triển hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; Dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)</i>	
9.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
10.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê container	7730
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp <i>(trừ thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	4653
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
13.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ tàu, thuyền	4799
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>(trừ thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)</i>	8299

c. Sửa đổi các nội dung tại điều lệ Công ty phù hợp với việc thay đổi tên công ty và điều chỉnh,



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mã số doanh nghiệp: 0201768923 | Địa chỉ: Lô CC2 – KCN MP Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Tel: (84) 0225.2838666 | Fax: (84) 0225.2838689 | Email: fgd@greenicd.com.vn | Website: www.greenicd.com.vn

bổ sung ngành, nghề kinh doanh tại Khoản 10 Điều 1 Nghị quyết này.

d. **Thực hiện**

Giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị và/hoặc Giám đốc thực hiện các thủ tục liên quan đến việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty và sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp với các nội dung điều chỉnh trên cơ sở tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Đầu tư 2020 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

11. **Thông qua các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như sau:**

a) Thông qua chủ trương ký kết/Thực hiện hợp đồng/giao dịch của Công ty thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2025 như sau:

- Bên ký hợp đồng, giao dịch: các tổ chức, cá nhân (bao gồm nhưng không giới hạn giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, Giám đốc, người có liên quan khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp).
- Loại hợp đồng, giao dịch: giao dịch vay/cho vay, bảo đảm (cầm cố, thế chấp, bảo lãnh...), mua bán, đầu tư... và các giao dịch khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Giá trị hợp đồng/giao dịch:
 - Hợp đồng/giao dịch đầu tư, bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
 - Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
 - Hợp đồng, giao dịch theo quy định Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
- Thời điểm ký kết hợp đồng/giao dịch: Các giao dịch diễn ra từ sau ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đến trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

b) Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định nội dung chi tiết của từng hợp đồng/giao dịch; ký kết và triển khai thực hiện hợp đồng/giao dịch nêu trên đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và quyền lợi Công ty. Hội đồng quản trị được quyền ủy quyền lại cho Giám đốc thực hiện nội dung nêu tại Điều này (nếu cần), báo cáo kết quả thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

12. Thông qua tờ trình số 09 ngày 14/02/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (tờ trình đính kèm Nghị quyết này).



LOGISTICS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mã số doanh nghiệp: 0201768923 | Địa chỉ: Lô CC2 – KCN MP Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Tel: (84) 0225.2838666 | Fax: (84) 0225.2838689 | Email: fgd@greenicd.com.vn | Website: www.greenicd.com.vn

Điều 2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh có hiệu lực kể từ ngày ký. Giao cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ vào các nội dung trên triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của Công ty./.

Nơi nhận :

- Như điều 2 (để thực hiện);
- SGDCCKHN;
- Lưu: HĐQT, VT, CBTT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TOẠ

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN ĐỨC DŨNG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mã số doanh nghiệp: 0201768923 | Địa chỉ: Lô CC2 – KCN MP Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Tel: (84) 0225.2838666 | Fax: (84) 0225.2838689 | Email: fgd@greenicd.com.vn | Website: www.greenicd.com.vn

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (9)

(V/v: Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ)

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh;
- Căn cứ nhu cầu vốn thực tế của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh.

Kính gửi Quý vị Cổ đông!

ĐHQT kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) xem xét và thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (Mã chứng khoán GIC) năm 2025 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Trải qua hơn 8 năm hoạt động và phát triển trong lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng hoá đường biển, đường thủy, vận tải đường bộ, dịch vụ kho bãi và bốc xếp hàng hoá, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh (GIC) đã và đang có nhiều hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng đặc biệt là dịch vụ liên quan đến vận tải và xuất nhập khẩu hàng hoá khu vực Miền Bắc nói chung và Hải Phòng nói riêng. Để đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh, đặc biệt là kinh doanh vận tải biển và vận tải đường bộ, dịch vụ logistic, Công ty cần phải đầu tư mua thêm các nhà xưởng, kho bãi, mua các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và đồng bộ hoá trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động bốc dỡ, vận tải hàng hoá. Với số vốn điều lệ 121,2 tỷ đồng (từ khi thành lập đến nay Công ty mới tăng vốn một lần thêm 20,2 tỷ đồng năm 2018) hiện nay không đáp ứng được cho nhu cầu hoạt động kinh doanh hiện tại và kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Việc GIC thực hiện tăng vốn điều lệ là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng mở rộng kinh doanh của Công ty. Vì vậy, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua Phương án phát hành cổ phiếu năm 2025 như sau:

II. Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
Mã chứng khoán	GIC
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông



LOGISTICS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mã số doanh nghiệp: 0201768923 | Địa chỉ: Lô CC2 – KCN MP Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Tel: (84) 0225.2838666 | Fax: (84) 0225.2838689 | Email: fgd@greenicd.com.vn | Website: www.greenicd.com.vn

Mệnh giá cổ phiếu	10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
Vốn điều lệ trước khi phát hành	121.200.000.000 đồng
Tổng số lượng cổ phiếu trước khi phát hành	12.120.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong đó:	Dự kiến 13.332.000 cổ phiếu (Bằng chữ: Mười ba triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn cổ phiếu)
– Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2024 (tỷ lệ 10%)	Dự kiến 1.212.000 cổ phiếu
– Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 1:1)	Dự kiến 12.120.000 cổ phiếu
Giá chào bán	10.000 đồng/cổ phiếu (áp dụng cho việc phát hành theo tỷ lệ thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu)
Tổng số tiền thu về dự kiến	121.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi một tỷ, hai trăm triệu đồng)
Mục đích sử dụng vốn	Bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm các nhà xưởng, kho bãi, mua các máy móc trang thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành	Dự kiến 25.452.000 cổ phiếu
Vốn điều lệ sau khi phát hành	Dự kiến 254.520.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi tư tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng)
Thời gian thực hiện dự kiến	Quý II – Quý IV/2025

(Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ chi tiết được đính kèm Tờ trình này)
Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua!

Hải Phòng, ngày 14 tháng 02 năm 2025



NGUYỄN ĐỨC DŨNG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mã số doanh nghiệp: 0201768923 | Địa chỉ: Lô CC2 – KCN MP Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Tel: (84) 0225.2838666 | Fax: (84) 0225.2838689 | Email: fgd@greenicd.com.vn | Website: www.greenicd.com.vn

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TẶNG VỐN ĐIỀU LỆ

(Đính kèm Tờ trình số 09 ngày 14/02/2025)

I. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024

1.	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
2.	Mã chứng khoán	GIC
3.	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
4.	Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
5.	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	1.212.000 cổ phiếu
6.	Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến	12.120.000.000 đồng
7.	Tỷ lệ phát hành (Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)	10%
8.	Tỷ lệ thực hiện quyền	10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới)
9.	Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định
10.	Nguồn vốn phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng năm 2024 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
11.	Phương án làm tròn và phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ. <i>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 589 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận số cổ phiếu mới phát hành thêm để trả cổ tức tương ứng là $(589:10) \times 1 = 58,9$ cổ phiếu, làm tròn xuống là 58 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,9 cổ phiếu sẽ bị huỷ bỏ.</i>
12.	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng



LOGISTICS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mã số doanh nghiệp: 0201768923 | Địa chỉ: Lô CC2 – KCN MP Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Tel: (84) 0225.2838666 | Fax: (84) 0225.2838689 | Email: fgd@greenicd.com.vn | Website: www.greenicd.com.vn

II. Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua

1.	Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh
2.	Mã chứng khoán	GIC
3.	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
4.	Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
5.	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	12.120.000 cổ phiếu
6.	Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá dự kiến	121.200.000.000 đồng
7.	Loại cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu phổ thông
8.	Giá chào bán	10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu
9.	Căn cứ xác định giá	<p>+ Giá trị sổ sách cổ phiếu GIC tại ngày 31/12/2024 theo BCTC năm 2024 là 19.997 đồng/cổ phiếu;</p> <p>+ Giá thị trường của cổ phiếu GIC tại thời điểm ngày 12/02/2025 là 16.200 đồng/cổ phiếu (giá đóng cửa) (nguồn: hnx.vn).</p> <p>Như vậy, giá chào bán được xác định thấp hơn giá trị sổ sách của Công ty theo báo cáo tài chính năm 2024 và thấp hơn so với giá trị cổ phiếu GIC tại ngày 05/02/2025. Theo quy định tại Điều 126 Luật Doanh nghiệp, Công ty sẽ được phép phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá không cao hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất. Ngoài ra do đã có tính đến ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá cổ phiếu tại ngày thực hiện quyền, nên HĐQT trình ĐHĐCĐ Công ty thông qua phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được thành công.</p>
10.	Tỷ lệ chào bán (Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)	100%
11.	Phương thức chào bán	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
12.	Tỷ lệ thực hiện quyền	1:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới)
13.	Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt



LOGISTICS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mã số doanh nghiệp: 0201768923 | Địa chỉ: Lô CC2 – KCN MP Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Tel: (84) 0225.2838666 | Fax: (84) 0225.2838689 | Email: fgd@greenicd.com.vn | Website: www.greenicd.com.vn

		Nam (VSDC) cấp theo quy định
14.	Chuyển nhượng quyền mua	Quyền mua được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng
15.	Phương án làm tròn	Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng chào bán. <i>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông Nguyễn Văn A đang sở hữu 589 cổ phiếu. Khi đó, tỷ lệ thực hiện quyền dự kiến là 1:1, số cổ phiếu chào bán cổ đông A được mua là $(589 : 1) \times 1 = 589$ cổ phiếu.</i>
16.	Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa phân phối hết	<ul style="list-style-type: none">- Số cổ phiếu lẻ phát sinh do việc làm tròn (nếu có) và số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua sẽ được Hội đồng quản trị chào bán cho các nhà đầu tư khác (kể cả các cổ đông của Công ty có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tiêu chí và danh sách nhà đầu tư được mua số cổ phiếu còn lại này được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.- Trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị quyết định kết thúc đợt chào bán. Công ty thực hiện tăng vốn theo số lượng vốn góp thực tế của các cổ đông và các nhà đầu tư.
17.	Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
18.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	<ul style="list-style-type: none">- Số lượng cổ phiếu bán cho các cổ đông hiện hữu và người nhận chuyển nhượng quyền mua từ các cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.- Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (bao gồm cả số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn) khi được chào bán cho các cổ đông/nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định.- Số cổ phiếu được tổ chức bảo lãnh phát hành mua theo cam kết tại hợp đồng bảo lãnh phát hành (nếu có) sẽ không bị



LOGISTICS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANHMã số doanh nghiệp: 0201768923 | Địa chỉ: Lô CC2 – KCN MP Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Tel: (84) 0225.2838666 | Fax: (84) 0225.2838689 | Email: fgd@greenicd.com.vn | Website: www.greenicd.com.vn

		hạn chế chuyển nhượng.
19.	Chào mua công khai	Đồng ý cho cổ đông/nhà đầu tư (được Hội đồng quản trị lựa chọn) khi thực hiện mua số cổ phiếu không phân phối hết sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định của Luật Chứng khoán nếu việc mua số lượng đó dẫn đến tỷ lệ sở hữu đạt hoặc vượt các tỷ lệ sở hữu quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán.
20.	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	Không áp dụng

III. Đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi chào bán

Giá cổ phiếu GIC sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật trên thị trường tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm. Giá thị trường của cổ phiếu GIC sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + (Pr_i \times I_i)}{1 + I_i}$$

Trong đó:

- P_{pl} : Giá cổ phiếu pha loãng tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- P_t : Giá cổ phiếu GIC tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- Pr_i : Giá phát hành thêm
- I_i : là tỷ lệ phát hành cổ phiếu

Giá định tại ngày giao dịch trước ngày giao dịch không hưởng quyền, giá thị trường của cổ phiếu GIC là 15.000 đồng/cổ phiếu và đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu được thực hiện cùng với đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024. Khi đó, cổ đông được quyền mua cổ phần theo phương án chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:1 (tương đương 100%) với giá 10.000 đồng/cổ phiếu và quyền được nhận cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%), thì giá cổ phiếu GIC bị pha loãng là:

$$P_{pl} = \frac{16.000 + (10.000 \times 1)}{1 + 1 + 0,1} = 12.380 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

IV. Phương án sử dụng vốn

Số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

STT	Phương án sử dụng vốn	Số tiền
1	Bổ sung vốn lưu động	10.000.000.000 đồng
2	Đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi	40.000.000.000 đồng
3	Đầu tư mua thêm phương tiện vận tải	67.000.000.000 đồng
4	Đầu tư mua thêm máy móc, thiết bị	4.200.000.000 đồng
	Tổng cộng	121.200.000.000 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mã số doanh nghiệp: 0201768923 | Địa chỉ: Lô CC2 – KCN MP Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Tel: (84) 0225.2838666 | Fax: (84) 0225.2838689 | Email: fgd@greenicd.com.vn | Website: www.greenicd.com.vn

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết, quyết định cụ thể việc phân bổ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh, đảm bảo kế hoạch phát triển chung của Công ty cũng như lợi ích cổ đông, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

V. Thay đổi/điều chỉnh Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, thực hiện các thủ tục thay đổi/điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mức vốn mới sau khi kết thúc đợt phát hành.

VI. Thông qua việc đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký (đăng ký bổ sung) tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu đã phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết sau khi kết thúc đợt phát hành, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động triển khai và hoàn tất các thủ tục có liên quan ngay sau khi kết thúc đợt phát hành.

VII. Thông qua ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau liên quan đến đợt phát hành:

1. Lựa chọn thời điểm phát hành, xây dựng và hoàn thiện hồ sơ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan nhà nước có liên quan. Trong trường hợp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các cơ quan nhà nước có liên quan yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung thì Hội đồng quản trị được phép quyết định sửa đổi, bổ sung theo khuyến nghị/đề nghị của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các cơ quan nhà nước có liên quan.
2. Lựa chọn tổ chức bảo lãnh phát hành, đàm phán, ký kết các hợp đồng bảo lãnh và hoàn thiện các thủ tục để thực hiện bảo lãnh phát hành (trong trường hợp cần thiết).
3. Lựa chọn thời gian để chốt ngày thực hiện quyền và các mốc thời gian khác liên quan đến việc triển khai phát hành cổ phiếu theo quy định.
4. Thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và cổ phiếu còn dư do cổ đông từ chối mua.
5. Quyết định phương án sử dụng vốn chi tiết và chủ động điều chỉnh việc sử dụng, phân bổ nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
6. Xây dựng phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.
7. Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ Công ty liên quan đến số vốn điều lệ và số lượng cổ phần sau khi kết thúc đợt phát hành và các điều khoản có liên quan trong Điều lệ Công ty theo kết quả phát hành thực tế.
8. Thực hiện các thủ tục thay đổi/điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả phát hành thực tế.
9. Thực hiện các thủ tục cần thiết để điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký theo số lượng cổ phiếu đã phát hành tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu đã phát hành thêm tại Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty niêm yết.



LOGISTICS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mã số doanh nghiệp: 0201768923 | Địa chỉ: Lô CC2 – KCN MP Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng
Tel: (84) 0225.2838666 | Fax: (84) 0225.2838689 | Email: fgd@greenicd.com.vn | Website: www.greenicd.com.vn

10. Ngoài các nội dung nêu trên, Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định toàn bộ các vấn đề khác có liên quan phát sinh trong quá trình triển khai việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐỨC DŨNG

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025 về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị (HĐQT) ngày 29/08/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo phương án tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025 với những nội dung sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần VSC Green Logistics
- Mã chứng khoán: GIC
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 121.200.000.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu trước khi phát hành: 12.120.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: dự kiến 13.332.000 cổ phiếu, trong đó:
 - + Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024: 1.212.000 cổ phiếu
 - + Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 12.120.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành thêm tính theo mệnh giá: 121.200.000.000 đồng
- Phương thức phát hành:
 - + Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024: 10%
 - + Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền, tỷ lệ thực hiện: 1:1
- Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành dự kiến: 25.452.000 cổ phiếu

- Vốn điều lệ sau khi phát hành dự kiến: 254.520.000.000 đồng.

Phương án phát hành cụ thể như sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024

1. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.212.000 cổ phiếu.
2. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 12.120.000.000 đồng.
3. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành): 10%.
4. Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1 (Người sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 01 cổ phiếu mới).
5. Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của GIC.
6. Thời gian phát hành: Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Dự kiến Quý IV/2025 – Quý II/2026.
7. Phương án làm tròn, xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị huỷ bỏ.
8. Các nội dung khác: Theo Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-DHĐCĐ ngày 10/03/2025.

II. Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

1. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 12.120.000 cổ phiếu
2. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 100%
4. Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới)
5. Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: 121.200.000.000 đồng
6. Tỷ lệ chào bán thành công: Không áp dụng
7. Thời gian chào bán: Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Dự kiến Quý IV/2025 – Quý II/2026.
8. Phương thức phân phối: Chào bán thêm cho các cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
9. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần VSC Green Logistics (GIC) thực hiện theo công văn số 658/UBCK-PTTT ngày 01/04/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được quy định ở mức 49%. Do đó, để việc phát hành và phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% vốn điều lệ để đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại GIC theo đúng quy định của pháp luật thì HĐQT sẽ thực hiện các biện pháp như sau:
 - Phối hợp với VSDC để đảm bảo cổ đông không thực hiện chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư nước ngoài nhằm đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty theo quy định.
 - Trong đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, đối với số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và các cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu, Công ty cam kết sẽ không chào bán tiếp cho các nhà đầu tư nước ngoài nhằm đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty theo quy định.

10. Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
11. Các nội dung khác: Theo Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025.

Điều 2: Thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán với nội dung sau:

- Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: 121.200.000.000 đồng
- Phương án sử dụng vốn: Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (121.200.000.000 đồng) sẽ được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi, mua máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, dự kiến như sau:

STT	Khoản mục	Giá trị (đồng)	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Bổ sung vốn lưu động	10.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
2	Đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi	40.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
3	Đầu tư mua thêm phương tiện vận tải	67.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
4	Đầu tư mua thêm máy móc, thiết bị	4.200.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
	Tổng cộng	121.200.000.000	

- Kế hoạch giải ngân chi tiết như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân dự kiến	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Bổ sung vốn lưu động	10.000.000.000	
2	Đầu tư mua thêm nhà xưởng, kho bãi	40.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
2.1	Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 36/HĐCN/GLC-GIC ngày 29/08/2025 về việc thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất	40.000.000.000	
3	Đầu tư mua thêm phương tiện vận tải	67.000.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
3.1	Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện số 37/HĐCNTS/GLC-GIC ngày 29/08/2025 về việc thực hiện mua phương tiện vận tải	18.000.000.000	
3.2	Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện số 170/HĐCNTS/GSL-GIC ngày 29/08/2025 về việc thực hiện mua phương tiện vận tải	49.000.000.000	
4	Đầu tư mua thêm máy móc, thiết bị	4.200.000.000	Quý I/2026 đến Quý I/2027
4.1	Hợp đồng chuyển nhượng máy móc thiết bị số 38/HĐCNTS/GLC-GIC ngày 29/08/2025 về việc thực hiện mua máy móc, thiết bị	3.600.000.000	
4.2	Hợp đồng chuyển nhượng máy móc thiết bị số 169/HĐCNTS/GSL-GIC ngày 29/08/2025 về việc thực hiện mua máy móc, thiết bị	600.000.000	
	Tổng cộng	121.200.000.000	

Điều 3: Giao và ủy quyền cho Giám đốc Công ty có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện.

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/hiện);
- HĐQT, BKS, CBTT
- Lưu VT Cty, Thư ký HĐQT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CỘNG TY
CỔ PHẦN
VSC GREEN
LOGISTICS
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
NGUYỄN ĐỨC DŨNG



768923
TY
N
EN
CS
I PHONG



NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua trình tự, thời gian thực hiện các phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 và các nội dung liên quan đến phương án phát hành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-DHĐCĐ ngày 10/03/2025 về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08/2025/NQ-HĐQT ngày 29/08/2025 về việc thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị (HĐQT) ngày 04/12/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua trình tự, thời gian thực hiện các phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 của CTCP VSC Green Logistics theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua như sau:

- Thông qua việc đồng thời triển khai thực hiện 2 phương án: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong cùng một đợt.
 - + Sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiến hành chốt danh sách cổ đông để thực hiện đồng thời các quyền: (1) quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức và (2) quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu vào cùng một ngày.
 - + Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ không được hưởng quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức.
- Thời gian thực hiện việc phát hành cổ phiếu: Trong Quý IV/2025 – Quý II/2026, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 2: Thông qua chi tiết phương án sử dụng vốn đối với khoản bổ sung vốn lưu động đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐQT ngày 29/08/2025 về việc



thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, cụ thể như sau:

1. Số tiền thu được từ đợt chào bán sử dụng để Bổ sung vốn lưu động: 10.000.000.000 đồng
2. Kế hoạch sử dụng vốn chi tiết như sau:

STT	Nội dung sử dụng vốn	Giá trị giải ngân dự kiến (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Bổ sung vốn lưu động, trong đó:	10.000.000.000	Trong năm 2026
1.1	Chi phí nhân công và quản lý	4.000.000.000	
1.2	Chi phí nhiên liệu, vật tư (tiêu hao, dự trữ) và chi phí sửa chữa	3.000.000.000	
1.3	Chi phí làm hàng và chi phí lưu động khác	3.000.000.000	

Điều 3: Giao và ủy quyền cho Giám đốc Công ty có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện.

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng và các bộ phận liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/hiện);
- HĐQT, BKS, CBTT;
- Lưu VT Cty, Thư ký HĐQT.



NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025 về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết HĐQT số 09/2025/NQ-HĐQT ngày 29/08/2025 về việc Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị (HĐQT) ngày 04/12/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ gồm những tài liệu sau:

- Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 01/2025/GIC-GĐKCB ngày 29/08/2025;
- Bản cáo bạch;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 13/03/2025;
- Điều lệ công ty;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025 và Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/BB-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025 về việc thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Tờ trình Đại hội đồng cổ đông (9) ngày 14/02/2025 về việc Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Báo cáo tài chính năm 2023, năm 2024 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics; Báo cáo tài chính Quý III/2025 của Công ty Cổ phần VSC Green Logistics;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 08/2025/NQ-HĐQT ngày 29/08/2025 về việc Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2025/NQ-HĐQT ngày 04/12/2025 về việc Thông qua trình tự, thời gian thực hiện các phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2025 và các nội dung liên quan đến phương án phát hành;



- Hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ số 1102/2025/HĐTVPH/GIC-VIX ngày 11/02/2025 ký giữa Công ty Cổ phần VSC Green Logistics và Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị số 02/2025/BC-HĐQT ngày 29/08/2025 về việc tách phiếu biểu quyết của cổ đông có quyền lợi liên quan là các cá nhân, tổ chức liên quan đến mục đích sử dụng vốn;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị số 01/2025/BC-HĐQT ngày 29/08/2025 về việc tách phiếu biểu quyết của các thành viên HĐQT Công ty liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán;
- Văn bản số 20/2025/GIC-CV ngày 29/08/2025 về việc cam kết triển khai niêm yết cổ phiếu;
- Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán ngày 11/04/2025;
- Văn bản số 19/2025/GIC-CV ngày 29/08/2025 về việc cam kết Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Văn bản số 24/2025/GIC-CV ngày 04/12/2025 về việc không vi phạm sở hữu chéo theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Tài liệu liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Điều 2: Nghị quyết này thay thế Nghị quyết HĐQT số 09/2025/NQ-HĐQT ban hành ngày 29/08/2025 về việc thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Nghị quyết HĐQT số 09/2025/NQ-HĐQT ngày 29/08/2025 sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ ngày ban hành Nghị quyết này.

Điều 3: Giao và ủy quyền cho Giám đốc Công ty có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện.

Điều 4: Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký, Hội đồng quản trị, Giám đốc, các bộ phận và nhân viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/hiện);
- HĐQT, BKS, CBTT;
- Lưu VT Cty, Thư ký HĐQT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VSC GREEN
LOGISTICS
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
NGUYỄN ĐỨC DŨNG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100
101
102
103
104
105
106
107
108
109
110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200
201
202
203
204
205
206
207
208
209
210
211
212
213
214
215
216
217
218
219
220
221
222
223
224
225
226
227
228
229
230
231
232
233
234
235
236
237
238
239
240
241
242
243
244
245
246
247
248
249
250
251
252
253
254
255
256
257
258
259
260
261
262
263
264
265
266
267
268
269
270
271
272
273
274
275
276
277
278
279
280
281
282
283
284
285
286
287
288
289
290
291
292
293
294
295
296
297
298
299
300
301
302
303
304
305
306
307
308
309
310
311
312
313
314
315
316
317
318
319
320
321
322
323
324
325
326
327
328
329
330
331
332
333
334
335
336
337
338
339
340
341
342
343
344
345
346
347
348
349
350
351
352
353
354
355
356
357
358
359
360
361
362
363
364
365
366
367
368
369
370
371
372
373
374
375
376
377
378
379
380
381
382
383
384
385
386
387
388
389
390
391
392
393
394
395
396
397
398
399
400
401
402
403
404
405
406
407
408
409
410
411
412
413
414
415
416
417
418
419
420
421
422
423
424
425
426
427
428
429
430
431
432
433
434
435
436
437
438
439
440
441
442
443
444
445
446
447
448
449
450
451
452
453
454
455
456
457
458
459
460
461
462
463
464
465
466
467
468
469
470
471
472
473
474
475
476
477
478
479
480
481
482
483
484
485
486
487
488
489
490
491
492
493
494
495
496
497
498
499
500
501
502
503
504
505
506
507
508
509
510
511
512
513
514
515
516
517
518
519
520
521
522
523
524
525
526
527
528
529
530
531
532
533
534
535
536
537
538
539
540
541
542
543
544
545
546
547
548
549
550
551
552
553
554
555
556
557
558
559
560
561
562
563
564
565
566
567
568
569
570
571
572
573
574
575
576
577
578
579
580
581
582
583
584
585
586
587
588
589
590
591
592
593
594
595
596
597
598
599
600
601
602
603
604
605
606
607
608
609
610
611
612
613
614
615
616
617
618
619
620
621
622
623
624
625
626
627
628
629
630
631
632
633
634
635
636
637
638
639
640
641
642
643
644
645
646
647
648
649
650
651
652
653
654
655
656
657
658
659
660
661
662
663
664
665
666
667
668
669
670
671
672
673
674
675
676
677
678
679
680
681
682
683
684
685
686
687
688
689
690
691
692
693
694
695
696
697
698
699
700
701
702
703
704
705
706
707
708
709
710
711
712
713
714
715
716
717
718
719
720
721
722
723
724
725
726
727
728
729
730
731
732
733
734
735
736
737
738
739
740
741
742
743
744
745
746
747
748
749
750
751
752
753
754
755
756
757
758
759
760
761
762
763
764
765
766
767
768
769
770
771
772
773
774
775
776
777
778
779
780
781
782
783
784
785
786
787
788
789
790
791
792
793
794
795
796
797
798
799
800
801
802
803
804
805
806
807
808
809
810
811
812
813
814
815
816
817
818
819
820
821
822
823
824
825
826
827
828
829
830
831
832
833
834
835
836
837
838
839
840
841
842
843
844
845
846
847
848
849
850
851
852
853
854
855
856
857
858
859
860
861
862
863
864
865
866
867
868
869
870
871
872
873
874
875
876
877
878
879
880
881
882
883
884
885
886
887
888
889
890
891
892
893
894
895
896
897
898
899
900
901
902
903
904
905
906
907
908
909
910
911
912
913
914
915
916
917
918
919
920
921
922
923
924
925
926
927
928
929
930
931
932
933
934
935
936
937
938
939
940
941
942
943
944
945
946
947
948
949
950
951
952
953
954
955
956
957
958
959
960
961
962
963
964
965
966
967
968
969
970
971
972
973
974
975
976
977
978
979
980
981
982
983
984
985
986
987
988
989
990
991
992
993
994
995
996
997
998
999
1000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0201768923 đề ngày 24 tháng 1 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Thay đổi gần nhất (lần thứ 3) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 1 tháng 12 năm 2020.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Đầu tư

Số 8585663882 đề ngày 18 tháng 2 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp có thời hạn hoạt động là 35 năm kể từ ngày của Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư.

Hội đồng Quản trị

Ông Cáp Trọng Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Kim Dương Khôi	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên
Ông Đồng Trung Hải	Thành viên
Bà Trần Thị Phương Anh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc
--------------------	----------

Ban Kiểm soát

Bà Nghiêm Thị Thùy Dương	Trưởng ban
Bà Phan Thị Trung Hiếu	Thành viên
Bà Phạm Thị Thuý Ngọc	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc
--------------------	----------

Trụ sở chính

Lô CC2, Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 2 năm 2024. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Trần Hồng Kiên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0298-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 3541
Hà Nội, ngày 20 tháng 2 năm 2024



Trương Minh Hòa
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5067-2024-006-1

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....6441.....quyển số. 07.....- SCT/BS

Ngày 21-01-2026

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC



CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thị Thu Trang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		59.473.566.277 ✓	77.129.462.994 ✓
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	43.520.227.724	29.639.378.630 ✓
111	Tiền		8.020.227.724 ✓	6.639.378.630 ✓
112	Các khoản tương đương tiền		35.500.000.000 ✓	23.000.000.000 ✓
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		12.596.726.345 ✓	42.611.001.232 ✓
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	1.140.464.476 ✓	1.220.042.832 ✓
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.067.500.000 ✓	1.250.117.720 ✓
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	10.000.000.000 ✓	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	388.761.869 ✓	40.140.840.680 ✓
140	Hàng tồn kho	7	3.095.444.230 ✓	3.206.657.200 ✓
141	Hàng tồn kho		3.095.444.230	3.206.657.200
150	Tài sản ngắn hạn khác		261.167.978 ✓	1.672.425.932 ✓
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	261.167.978	1.672.425.932
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		207.953.363.730 ✓	178.347.098.608 ✓
220	Tài sản cố định		43.799.300.690 ✓	61.054.089.659 ✓
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	43.799.300.690	61.054.089.659
222	Nguyên giá		153.394.732.137	153.724.487.576
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(109.595.431.447)	(92.670.397.917)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	-	-
228	Nguyên giá		1.121.382.459	1.121.382.459 ✓
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.121.382.459)	(1.121.382.459)
250	Đầu tư tài chính dài hạn		49.536.637.974 ✓	-
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10	50.000.000.000	-
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	10	(463.362.026)	-
260	Tài sản dài hạn khác		114.617.425.066 ✓	117.293.008.949 ✓
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	114.617.425.066	117.293.008.949
270	TỔNG TÀI SẢN		<u>267.426.930.007 ✓</u>	<u>255.476.561.602 ✓</u>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2023 VND	2022 VND	
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	172.273.666.111	168.327.880.456	
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	172.273.666.111	168.327.880.456	
11	Giá vốn cung cấp dịch vụ	(102.670.925.633)	(107.259.796.519)	
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	69.602.740.478	61.068.083.937	
21	Doanh thu hoạt động tài chính	2.243.669.119	1.288.230.046	
22	Chi phí tài chính	(511.665.116)	-	
25	Chi phí bán hàng	(45.933.206.704)	(38.940.253.416)	
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(6.747.737.743)	(5.233.607.179)	
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18.653.800.034	18.182.453.388	
31	Thu nhập khác	158.701.711	2.257.185.619	
32	Chi phí khác	(219.818.947)	(1.958.805.759)	
40	(Lỗ)/lợi nhuận khác	(61.117.236)	298.379.860	
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.592.682.798	18.480.833.248	
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(1.961.504.142)	(1.832.442.410)	
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.631.178.656	16.648.390.838	
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19(a)	1.372	1.242
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19(b)	1.372	1.242



Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập



Vũ Trà My
Kế toán trưởng

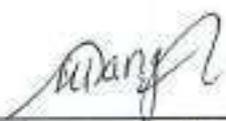


Đông Trung Hải
Giám đốc/
Người đại diện theo pháp luật
Ngày 20 tháng 2 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.592.682.798	18.480.833.248
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	17.254.788.969	21.537.474.158
03	Các khoản dự phòng	1.118.123.968	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(2.243.689.119)	(1.063.765.482)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	34.721.926.616	38.954.541.924
09	Giảm các khoản phải thu	133.637.901	1.666.680.574
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	111.212.970	(3.057.640.200)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	8.718.378.844	(1.067.386.365)
12	Giảm chi phí trả trước	4.086.841.837	2.088.345.089
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.912.805.179)	(1.586.727.118)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.982.200.000)	(2.587.800.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	43.876.992.989	34.410.013.904
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	(56.000.000)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	-	6.759.090.000
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(10.000.000.000)	-
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(50.000.000.000)	(40.000.000.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	40.000.000.000	-
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.124.306.105	1.288.230.046
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(17.875.693.895)	(32.008.679.954)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(12.120.450.000)	(5.960.630.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(12.120.450.000)	(5.960.630.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	13.880.849.094	(3.559.296.050)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3 29.639.378.630	33.198.674.680
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3 43.520.287.724	29.639.378.630


 Nguyễn Thị Thu Hằng
 Người lập


 Vũ Trà My
 Kế toán trưởng




 Đồng Trung Hải
 Giám đốc/
 Người đại diện theo pháp luật
 Ngày 20 tháng 2 năm 2024

Các thuyết minh trang 9 đến trang 33 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 24 tháng 1 năm 2017. Thay đổi gần nhất (lần thứ 3) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 1 tháng 12 năm 2020.

Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư Số 8585663882 đề ngày 18 tháng 2 năm 2022 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp có thời hạn hoạt động là 35 năm kể từ ngày của Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu là GIC.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa và vệ sinh container.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 127 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 139 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thống lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thống lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi theo quy định của doanh nghiệp và các quy định hiện hành sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(b) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.9 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 – 5 năm
Phần mềm	3 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.12 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào tài sản vô hình theo chính sách kế toán số 2.10 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh của Công ty.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán và được sử dụng cho các hoạt động phúc lợi cho nhân viên Công ty.

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính và chủ yếu bao gồm chi phí dự phòng tổn thất đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng các phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty, và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.26 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10); và
- Chi phí thuế TNDN (Thuyết minh 2.23).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2023 VND	2022 VND
Tiền mặt	683.824.217	37.065.120
Tiền gửi ngân hàng	7.336.403.507	6.602.313.510
Các khoản tương đương tiền (*)	35.500.000.000	23.000.000.000
	<u>43.520.227.724</u>	<u>29.639.378.630</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất 3,25% - 4,3%/năm (2022: 6%/năm).

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2023 VND	2022 VND
Bên thứ ba	732.946.258	909.054.663
Trong đó:		
- Công ty cổ phần Logistics SK toàn cầu	157.356.000	18.837.360
- Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải (Việt Nam)	130.626.000	73.413.000
- Khác	444.964.258	816.804.303
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	407.518.218	310.988.169
	<u>1.140.464.476</u>	<u>1.220.042.832</u>

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	2023 VND	2022 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	10.000.000.000	-

Đây là khoản cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay tiền số 01/2023/HĐVT/GIC-VGI để ngày 24 tháng 10 năm 2023 với Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ (bên liên quan). Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt + biên độ 2%/năm. Lãi vay được thanh toán hàng tháng và gốc vay được trả một lần vào ngày đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2023 VND	2022 VND
Tạm ứng cho nhân viên	82.125.200	140.840.680
Ứng trước tiền mua cổ phần (*)	-	40.000.000.000
Khác	306.636.669	-
	<u>388.761.869</u>	<u>40.140.840.680</u>

(*) Đây là khoản tiền ứng trước cho các cá nhân để Công ty mua cổ phần của một công ty mục tiêu theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐQT đề ngày 31 tháng 10 năm 2022. Trong năm 2023, Công ty đã quyết định không mua cổ phần của công ty mục tiêu và thu hồi lại toàn bộ số tiền ứng trước này.

7 HÀNG TỒN KHO

	2023 VND	2022 VND
Công cụ, dụng cụ	188.827.000	188.827.000
Phụ tùng	2.906.617.230	3.017.830.200
	<u>3.095.444.230</u>	<u>3.206.657.200</u>

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2023 VND	2022 VND
Chi phí sửa chữa bãi container	-	1.061.280.000
Chi phí bảo hiểm	261.167.978	247.619.994
Khác	-	363.525.938
	<u>261.167.978</u>	<u>1.672.425.932</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)

(b) Dài hạn

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuê đất (*)	113.730.667.550	117.125.612.850
Công cụ, dụng cụ	313.990.822	167.396.099
Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng (Thuyết minh 16)	572.766.694	-
	<u>114.617.425.066</u>	<u>117.293.008.949</u>

(*) Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là tiền thuê lô đất CC2 tại Khu Công nghiệp Minh Phương, Đình Vũ đã trả cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2057 theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTD-MP đề ngày 25 tháng 1 năm 2017 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Minh Phương. Khoản trả trước này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm tài chính như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	117.293.008.949	120.739.479.346
Tăng	946.127.875	166.863.636
Phân bổ trong năm	(3.621.711.758)	(3.613.334.033)
Số dư cuối năm	<u>114.617.425.066</u>	<u>117.293.008.949</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

Mẫu số B 09 - DN

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH ("TSCĐ")

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	83.050.294.941	3.309.854.669	66.112.980.996	1.251.356.970	153.724.487.576
Thanh lý, nhượng bán	-	(208.968.000)	-	(120.787.439)	(329.755.439)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	83.050.294.941	3.100.886.669	66.112.980.996	1.130.569.531	153.394.732.137
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	(49.589.127.536)	(3.117.424.530)	(38.764.775.618)	(1.199.070.233)	(92.670.397.917)
Khấu hao trong năm	(7.689.809.995)	(150.189.989)	(9.396.122.313)	(18.666.672)	(17.254.788.969)
Thanh lý, nhượng bán	-	208.968.000	-	120.787.439	329.755.439
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	(57.278.937.531)	(3.058.646.519)	(48.160.897.931)	(1.096.949.466)	(109.595.431.447)
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	33.461.167.405	192.430.139	27.348.205.378	52.286.737	61.054.089.659
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	25.771.357.410	42.240.150	17.952.083.065	33.620.065	43.799.300.690

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 24.693.794.476 Đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3.982.778.434 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (“TSCĐ”) (TIẾP THEO)**(b) TSCĐ vô hình**

	Phần mềm VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	1.121.382.459
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.121.382.459
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	(1.121.382.459)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	(1.121.382.459)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.121.382.459 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.121.382.459 Đồng).

10 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	2023			2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	50.000.000.000	(*)	(463.362.026)	-	-	-

Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2023/HĐCN-GLC-GIC đề ngày 20 tháng 9 năm 2023 ký với Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh (bên liên quan) và Giấy Chứng nhận cổ phần số 09/QBĐV/2023 đề ngày 20 tháng 9 năm 2023, Công ty đã nhận chuyển nhượng 9,51% tỷ lệ cổ phần tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (Thuyết minh 29(a)). Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/2023/NQ-HĐQT đề ngày 20 tháng 9 năm 2023, toàn bộ số cổ phần này đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (công ty mẹ) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**
11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2023		2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba	3.687.557.054	3.687.557.054	2.870.971.600	2.870.971.600
Trong đó				
- Công ty TNHH Thương mại Huyền Yến	548.331.700	548.331.700	969.449.800	969.449.800
- Chi nhánh Công ty TNHH Nam Sung Shipping Việt Nam tại Hải Phòng	718.264.800	718.264.800	-	718.264.800
- Khác	2.420.960.554	2.420.960.554	1.901.521.800	1.901.521.800
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	1.865.790.399	1.865.790.399	1.512.994.386	1.512.994.386
	<u>5.553.347.453</u>	<u>5.553.347.453</u>	<u>4.383.965.986</u>	<u>4.383.965.986</u>

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Nhà Nước trong năm tài chính như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Cán trừ VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
a) Phải thu					
Thuế GTGT đầu vào	-	6.803.113.074	-	(6.803.113.074)	-
b) Phải nộp					
Thuế GTGT đầu ra	675.677.854	15.488.354.070	(8.660.569.863)	(6.803.113.074)	700.348.987
Thuế TNDN	501.482.309	1.661.504.142	(1.912.805.179)	-	550.181.272
Thuế thu nhập cá nhân	262.844.101	536.914.631	(606.057.116)	-	193.701.616
	<u>1.440.004.264</u>	<u>17.986.772.843</u>	<u>(11.179.432.158)</u>	<u>(6.803.113.074)</u>	<u>1.444.231.875</u>

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lương	1.227.667.791	1.240.887.488
Chi phí thưởng	7.863.586.142	3.852.350.041
	<u>9.091.253.933</u>	<u>5.093.237.529</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2023 VND	2022 VND
Chi phí hoa hồng	5.510.300.110	3.472.284.036
Khác	1.387.793.469	152.054.891
	<u>6.898.093.579</u>	<u>3.624.338.927</u>

15 QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	607.874.000	1.195.674.000
Trích lập từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 18)	1.600.000.000	2.000.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(1.982.200.000)	(2.587.800.000)
Số dư cuối năm	<u>225.674.000</u>	<u>607.874.000</u>

16 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	2023 VND	2022 VND
Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng	<u>654.761.942</u>	<u>-</u>

Đây là khoản dự phòng chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng cho khu đất thuê của Công ty khi kết thúc thời hạn thuê theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTD-MP đề ngày 25 tháng 1 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản Minh Phương, theo đó Công ty có nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn hợp đồng thuê. Việc khôi phục bao gồm tháo dỡ các tài sản của Công ty trên khu đất nêu trên và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2023	2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký	12.120.000	12.120.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.120.000	12.120.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.120.000	12.120.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2023		2022	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	8.040.000	66,40	8.040.000	66,40
Cổ đông khác	4.080.000	33,60	4.080.000	33,60
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.120.000	100	12.120.000	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	12.120.000	121.200.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	12.120.000	121.200.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	12.120.000	121.200.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

Mẫu số B 09 - DN

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	121.200.000.000	91.926.164.365	18.414.605.015	231.540.769.380
Chia cổ tức	-	-	(6.060.000.000)	(6.060.000.000)
Trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	(245.000.000)	(245.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	10.109.605.015	(10.109.605.015)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	16.648.390.838	16.648.390.838
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	121.200.000.000	102.035.769.380	16.648.390.838	239.884.160.218
Chia cổ tức (*)	-	-	(12.120.000.000)	(12.120.000.000)
Trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (*)	-	-	(160.000.000)	(160.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15) (*)	-	-	(1.600.000.000)	(1.600.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	2.768.390.838	(2.768.390.838)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	16.631.178.656	16.631.178.656
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	121.200.000.000	104.804.160.218	16.631.178.656	242.635.338.874

(*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-DHĐCĐ đề ngày 7 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối 12.120.000.000 Đồng từ LNST chưa phân phối để trả cổ tức cho các cổ đông, đồng thời trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 1.600.000.000 Đồng (Thuyết minh 15); trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 160.000.000 Đồng và trích 2.768.390.838 Đồng vào quỹ đầu tư phát triển.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**
19 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm tài chính trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2023	2022 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	16.631.178.656	16.648.390.838
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(1.600.000.000)
	<u>16.631.178.656</u>	<u>15.048.390.838</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.120.000	12.120.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.372</u>	<u>1.242</u>

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số thực tế phân phối cho quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ được phê chuẩn trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức trong năm 2024 và có thể có sự khác biệt với số liệu nêu trên.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được tính lại dựa theo số thực tế trích quỹ khen thưởng phúc lợi như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2022		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	16.648.390.838	-	16.648.390.838
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(1.600.000.000)	(1.600.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	16.648.390.838	(1.600.000.000)	15.048.390.838
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.120.000	-	12.120.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>1.374</u>	<u>(132)</u>	<u>1.242</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**
19 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không có cổ phiếu tiềm tàng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và tính đến ngày lập báo cáo tài chính. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

20 DOANH THU THUẬN VÉ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu xếp dỡ, nâng hạ container	155.054.270.190	146.509.862.822
Doanh thu sửa chữa container	11.110.258.127	12.025.763.072
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	6.109.137.794	9.792.254.562
	<u>172.273.666.111</u>	<u>168.327.880.456</u>

21 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn dịch vụ cung cấp	<u>102.670.925.633</u>	<u>107.259.796.519</u>

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	<u>2.243.669.119</u>	<u>1.288.230.046</u>

23 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2023 VND	2022 VND
Chi phí liên quan đến hãng tàu	20.362.969.000	18.185.600.300
Chi phí hoa hồng - bên thứ ba	5.384.398.070	-
Chi phí hoa hồng - bên liên quan (Thuyết minh 29(a)) (*)	18.796.529.000	19.173.833.500
Khác	1.389.310.634	1.580.819.616
	<u>45.933.206.704</u>	<u>38.940.253.416</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

23 CHI PHÍ BÁN HÀNG (TIẾP THEO)

(*) Theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 01/2023/VGR-GIC đề ngày 1 tháng 1 năm 2023 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (bên liên quan), Công ty chỉ trả chi phí hoa hồng cho Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP khi Công ty thực hiện và thu được doanh thu từ dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ container của các hãng tàu là đối tác của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP. Chi phí hoa hồng được tính theo số lượng container được xếp dỡ, nâng hạ và đơn giá được quy định cụ thể trong Hợp đồng.

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	4.648.418.331	3.943.288.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.753.323.803	864.296.731
Chi phí khác	345.995.609	426.022.144
	<u>6.747.737.743</u>	<u>5.233.607.179</u>

25 CHI PHÍ KHÁC

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập khác		
Lãi do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	2.054.080.323
Khác	158.701.711	203.105.296
	<u>158.701.711</u>	<u>2.257.185.619</u>
Chi phí khác		
Lỗ do xoá sổ TSCĐ	-	1.958.805.759
Khác	219.818.947	-
	<u>219.818.947</u>	<u>1.958.805.759</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

26 THUẾ TNDN

Theo các chính sách ưu đãi đầu tư vào Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2017 - 2020) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (2021 - 2029). Thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% áp dụng trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên có doanh thu (2017 - 2031).

Số thuế trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 10% như sau:

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.592.682.798 -	18.480.833.248 -
Thuế tính ở thuế suất 10%	1.859.268.280 -	1.848.083.325 -
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	2.053.781.943 -	1.818.560.030 -
Thuế được giảm	(1.956.525.112)	(1.834.200.945)
Dự phòng thiếu của các năm trước	4.979.031 -	
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>1.961.504.142</u>	<u>1.832.442.410</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	1.961.504.142 -	1.832.442.410 -
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	<u>1.961.504.142</u>	<u>1.832.442.410</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

27 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.252.215.503	31.131.288.683
Chi phí nhân viên	37.062.447.961	34.751.233.297
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.254.788.969	21.537.474.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.990.531.334	24.081.498.738
Chi phí hoa hồng	44.543.896.070	37.359.433.800
Chi phí khác	2.247.990.243	2.572.728.438
	<u>155.351.870.080</u>	<u>151.433.657.114</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

28 BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty kinh doanh dịch vụ chính là xếp dỡ, nâng hạ và sửa chữa container và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Doanh thu và giá vốn các hoạt động kinh doanh khác phát sinh lần lượt là 6,1 tỷ Đồng và 2,4 tỷ Đồng, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu cung cấp dịch vụ cũng như giá vốn dịch vụ cung cấp. Do đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên chủ yếu liên quan đến hoạt động dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ và sửa chữa container và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác nêu trên.

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Viconship Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ	Bên nhận đầu tư và công ty cùng tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	2023 VND	2022 VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	1.835.874.471
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	18.569.705.140	23.067.409.623
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	1.932.578.490	2.987.841.928
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	1.118.813.962	2.043.340.500
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	355.930.000	111.747
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	703.440.000	171.831.750
	<u>22.680.467.592</u>	<u>30.106.410.019</u>
ii) Mua hàng hóa		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	<u>6.310.632.003</u>	<u>19.912.575.456</u>
iii) Mua dịch vụ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	1.932.000.000	1.116.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	6.549.218	126.677.584
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	7.741.349.000	4.140.231.300
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	164.376.633
Công ty cổ phần Container Miền Trung	551.160.775	382.013.536
	<u>10.231.058.993</u>	<u>5.929.299.053</u>
iv) Chi phí hoa hồng (Thuyết minh 23)		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	<u>18.796.529.000</u>	<u>19.173.833.500</u>
v) Các khoản thu hộ, trả hộ bên liên quan		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	<u>84.000.000</u>	<u>81.500.000</u>
vi) Thanh lý TSCĐ		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	6.600.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	29.900.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		2023 VND	2022 VND
vii) Hoạt động đầu tư			
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ			
- Gốc cho vay (Thuyết minh 5)		10.000.000.000	-
- Lãi cho vay		140.835.617	-
		<u>10.140.835.617</u>	<u>-</u>
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh			
- Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (Thuyết minh 10)		50.000.000.000	-
		<u>50.000.000.000</u>	<u>-</u>
viii) Chi trả cổ tức			
Công ty Cổ phần Container Việt Nam		8.040.000.000	4.020.000.000
		<u>8.040.000.000</u>	<u>4.020.000.000</u>
ix) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt			
		2023 VND	2022 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Cáp Trọng Cường	Chủ tịch	20.000.000	-
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên	20.000.000	45.000.000
Ông Đồng Trung Hải	Thành viên	938.871.926	949.246.319
Ông Nguyễn Kim Dương Khôi	Thành viên	20.000.000	25.000.000
Bà Trần Thị Phương Anh	Thành viên	20.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 14/3/2022)	-	25.000.000
Ông Dương Tiến Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 20/9/2022)	15.000.000	45.000.000
		<u>1.005.071.926</u>	<u>1.040.246.319</u>
Ban Kiểm soát			
Bà Nghiêm Thị Thủy Dương	Trưởng ban	15.000.000	15.000.000
Bà Phan Thị Trung Hiếu	Thành viên	10.000.000	15.000.000
Bà Phạm Thị Thủy Ngọc	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 14/3/2022)	10.000.000	-
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 14/3/2022)	-	15.000.000
		<u>45.000.000</u>	<u>45.000.000</u>
Ban Giám đốc			
Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc	Như trên	Như trên
		<u>Như trên</u>	<u>Như trên</u>
Kế toán trưởng			
Bà Vũ Trà My	Kế toán trưởng (Bỏ nhiệm ngày 15/2/2023)	473.118.649	-
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 15/2/2023)	205.764.638	614.728.844
		<u>678.883.287</u>	<u>614.728.844</u>

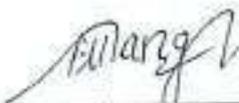
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2023 VND	2022 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	209.219.418 ✓	125.409.879 ✓
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	3.726.000 ✓	
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	194.572.800 ✓	185.578.290 ✓
	<u>407.518.218 ✓</u>	<u>310.988.169 ✓</u>
ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đinh Vũ	10.000.000.000 ✓	-
	<u>10.000.000.000 ✓</u>	<u>-</u>
iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	863.690.679 ✓	859.549.116 ✓
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	174.580.000 ✓	373.129.390 ✓
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	807.309.720 ✓	265.205.880 ✓
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	20.210.000 ✓	15.110.000 ✓
	<u>1.865.790.399 ✓</u>	<u>1.512.994.386 ✓</u>

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 20 tháng 2 năm 2024



Nguyễn Thị Thu Hằng
Người lập



Vũ Trà My
Kế toán trưởng



Đông Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật



Ngày 26 tháng 09 năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

Tôi là Mai Việt Hùng Trần, Người đứng đầu Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội ("**Chi nhánh**"), mã số Chi nhánh 0100157406-001, đăng ký lần đầu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội ngày 06 tháng 08 năm 2012,

sau đây bổ nhiệm Ông Trần Hồng Kiên, căn cước công dân số 033075010696, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 3 tháng 8 năm 2022 (**Người đại diện theo ủy quyền**),

là Người đại diện theo ủy quyền hợp pháp và hợp lệ của tôi, thay mặt tôi và trên danh nghĩa của tôi:

thực hiện các công việc cụ thể như sau

- (i) ký, ban hành và chuyển giao các tài liệu sau của Chi nhánh (có hoặc không có đóng dấu của Chi nhánh):
 - thư xác nhận dịch vụ, hợp đồng và bảng báo phí dịch vụ cho khách hàng;
 - báo cáo, ý kiến, tư vấn, văn bản, thư từ hoặc tài liệu khác được ban hành theo hoặc liên quan đến thư xác nhận dịch vụ, hợp đồng, bảng báo phí dịch vụ, bao gồm giấy báo nợ, hóa đơn cho dịch vụ cung cấp;
- (ii) thực hiện các công việc khác liên quan đến các tài liệu nêu trên.

Tôi xác nhận rằng Người đại diện theo ủy quyền có quyền hợp pháp đại diện tôi thực hiện các công việc ủy quyền trên.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024, trừ khi Người đại diện ủy quyền thôi làm việc cho Chi nhánh hoặc Công ty TNHH PwC (Việt Nam), hoặc khi tôi ra quyết định chấm dứt việc ủy quyền trước thời hạn.

Chữ ký người ủy quyền



Mai Việt Hùng Trần
Người đứng đầu Chi nhánh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0201768923 đề ngày 24 tháng 1 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Thay đổi gần nhất (lần thứ 3) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 1 tháng 12 năm 2020.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Đầu tư

Số 8585663882 đề ngày 18 tháng 2 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư do Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng cấp có thời hạn hoạt động là 35 năm kể từ ngày của Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Dũng

Chủ tịch
(bổ nhiệm ngày 15/3/2024)

Ông Cáp Trọng Cường

Chủ tịch
(miễn nhiệm ngày 15/3/2024)

Ông Nguyễn Kim Dương Khôi

Thành viên

Ông Nguyễn Thế Trọng

Thành viên

Ông Đồng Trung Hải

Thành viên

Bà Trần Thị Phương Anh

Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nghiêm Thị Thùy Dương

Trưởng ban

Bà Phan Thị Trung Hiếu

Thành viên

Bà Phạm Thị Thuý Ngọc

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đồng Trung Hải

Giám đốc

Ông Đặng Quốc Vệ

Phó Giám đốc
(bổ nhiệm ngày 1/8/2024)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Đồng Trung Hải

Giám đốc

Trụ sở chính

Lô CC2, Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024, và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 18 tháng 2 năm 2025. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội



Đỗ Đức Hậu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2591-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Đặng Thái Sơn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4668-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 3877
Hà Nội, ngày 18 tháng 2 năm 2025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....644..... quyển số.....7..... - SCT/BS

Ngày **21-01-2026**

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Thu Trang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		54.068.820.897	59.473.566.277
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	33.445.666.939	43.520.227.724
111	Tiền		13.445.666.939	8.020.227.724
112	Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	35.500.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		17.883.341.171	12.596.726.345
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	7.713.741.171	1.140.464.476
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		20.800.000	1.067.500.000
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	10.000.000.000	10.000.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác		149.000.000	388.761.869
140	Hàng tồn kho	6	2.449.951.323	3.095.444.230
141	Hàng tồn kho		2.449.951.323	3.095.444.230
150	Tài sản ngắn hạn khác		289.861.464	261.167.978
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	7(a)	289.861.464	261.167.978
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		208.493.220.025	207.953.363.730
220	Tài sản cố định		29.749.493.225	43.799.300.690
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	29.649.363.225	43.799.300.690
222	Nguyên giá		153.456.732.137	153.394.732.137
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(123.807.368.912)	(109.595.431.447)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	100.130.000	-
228	Nguyên giá		1.224.742.459	1.121.382.459
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.124.612.459)	(1.121.382.459)
250	Đầu tư tài chính dài hạn		67.593.742.351	49.536.637.974
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9	70.000.000.000	50.000.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	9	(2.406.257.649)	(463.362.026)
260	Tài sản dài hạn khác		111.149.984.449	114.617.425.066
261	Chi phí trả trước dài hạn	7(b)	111.149.984.449	114.617.425.066
270	TỔNG TÀI SẢN		262.562.040.922	267.426.930.007

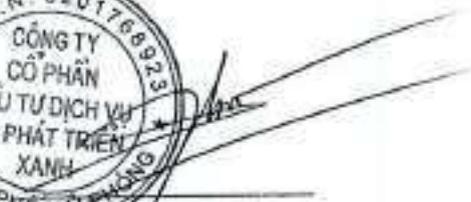
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		20.197.777.280	24.791.591.133
310	Nợ ngắn hạn		19.543.015.338	24.136.829.191
311	Phải trả người bán ngắn hạn	10	3.364.617.465	5.553.347.453
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		50.460.600	72.243.905
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	11	1.062.528.076	1.444.231.875
314	Phải trả người lao động	12	8.569.331.783	9.091.253.933
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	13	5.392.985.508	6.898.093.579
319	Phải trả ngắn hạn khác		892.017.906	851.984.446
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	211.074.000	225.674.000
330	Nợ dài hạn		654.761.942	654.761.942
342	Dự phòng phải trả dài hạn	15	654.761.942	654.761.942
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		242.364.263.642	242.635.338.874
410	Vốn chủ sở hữu		242.364.263.642	242.635.338.874
411	Vốn góp của chủ sở hữu	16,17	121.200.000.000	121.200.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		121.200.000.000	121.200.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	17	104.925.338.874	104.804.160.218
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	17	16.238.924.768	16.631.178.656
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		16.238.924.768	16.631.178.656
440	TỔNG NGUỒN VỐN		262.562.040.922	267.426.930.007


Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng/Người lập




Đặng Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
Ngày 18 tháng 2 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	159.342.953.965	172.273.666.111
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	159.342.953.965	172.273.666.111
11	Giá vốn cung cấp dịch vụ	(94.283.782.258)	(102.670.925.633)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	65.059.171.707	69.602.740.478
21	Doanh thu hoạt động tài chính	1.291.778.386	2.243.669.119
22	Chi phí tài chính	(1.942.895.623)	(511.685.116)
25	Chi phí bán hàng	(40.237.731.001)	(45.933.206.704)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(6.342.725.805)	(6.747.737.743)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	17.827.597.664	18.653.800.034
31	Thu nhập khác	265.783.589	158.701.711
32	Chi phí khác	(1.707.008)	(219.818.947)
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác	264.076.581	(61.117.236)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.091.674.245	18.592.682.798
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(1.852.749.477)	(1.961.504.142)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.238.924.768	16.631.178.656
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18(a) 1.340	1.235
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	18(b) 1.340	1.235


 Nguyễn Thị Thu Hằng
 Kế toán trưởng/Người lập




 Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
 Ngày 18 tháng 2 năm 2025

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.091.674.245	18.592.682.798
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	14.382.709.207	17.254.788.969
03	Các khoản dự phòng	1.942.895.623	1.118.123.968
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(1.329.690.499)	(2.243.689.119)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	33.087.588.576	34.721.926.616
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(5.256.977.840)	133.637.901
10	Giảm hàng tồn kho	645.492.907	111.212.970
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(4.852.037.047)	8.718.378.844
12	Giảm chi phí trả trước	3.438.747.131	4.086.841.837
15	Thuế TNDN đã nộp	(1.912.746.283)	(1.912.805.179)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.674.600.000)	(1.982.200.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	23.475.467.444	43.876.992.989
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.646.841.481)	-
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	1.351.851.852	-
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(10.000.000.000)
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(20.000.000.000)	(50.000.000.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	40.000.000.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.262.141.400	2.124.306.105
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(19.032.848.229)	(17.875.693.895)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(14.517.180.000)	(12.120.450.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(14.517.180.000)	(12.120.450.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(10.074.560.765)	13.880.849.094
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3	43.520.227.724
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	33.445.666.939
			43.520.227.724


 Nguyễn Thị Thu Hằng
 Kế toán trưởng/Người lập


 Trương Hải
 Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật
 Ngày 18 tháng 2 năm 2025

Các thuyết minh trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0201768923 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 24 tháng 1 năm 2017. Thay đổi gần nhất (lần thứ 3) của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được cấp ngày 1 tháng 12 năm 2020.

Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 8585663882 đề ngày 18 tháng 2 năm 2022 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng cấp có thời hạn hoạt động là 35 năm kể từ ngày của Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu là GIC.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ khai thác kho bãi như xếp dỡ, lưu giữ, bảo quản, sửa chữa và vệ sinh container.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 124 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 127 nhân viên).

Số liệu so sánh trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm tài chính kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(b) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.9 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán đến ngày tới hạn thu hồi.

2.10 TSCĐ

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.10 TSCĐ (tiếp theo)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Thiết bị quản lý	4 – 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.12 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi hoặc lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ như sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh của Công ty.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng cho các hoạt động phúc lợi cho nhân viên Công ty.

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến dự phòng tổn thất đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm tài chính hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm tài chính phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm tài chính hay một năm tài chính khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng các phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.23 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc của Công ty, và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

2.26 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh 2.8(b));
- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10); và
- Chi phí thuế TNDN (Thuyết minh 2.23).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2024 VND	2023 VND
Tiền mặt	357.380.716	683.824.217
Tiền gửi ngân hàng	13.088.286.223	7.336.403.507
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	35.500.000.000
	<u>33.445.666.939</u>	<u>43.520.227.724</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng và lãi suất từ 2,45%/năm đến 3,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 3,25%/năm đến 4,3%/năm).

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2024 VND	2023 VND
Bên thứ ba	1.073.156.121	732.946.258
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	6.640.585.050	407.518.218
	<u>7.713.741.171</u>	<u>1.140.464.476</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khách hàng bên thứ ba nào có số dư chiếm hơn 10% trên tổng số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

5 PHẢI THU VÉ CHO VAY NGẮN HẠN

	2024 VND	2023 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

Đây là khoản cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay tiền số 01/2024/HĐVT/GIC-VGI để ngày 24 tháng 10 năm 2024 với Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (bên liên quan). Lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam + biên độ 2%/năm. Lãi cho vay và gốc cho vay sẽ được trả một lần vào ngày đáo hạn là ngày 24 tháng 10 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

6 HÀNG TỒN KHO

	2024 VND	2023 VND
Nguyên vật liệu	62.666.633	-
Công cụ, dụng cụ	134.567.000	188.827.000
Phụ tùng, linh kiện thay thế	2.252.717.690	2.906.617.230
	<u>2.449.951.323</u>	<u>3.095.444.230</u>

7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2024 VND	2023 VND
Chi phí bảo hiểm	174.100.353	261.167.978
Chi phí sửa chữa	115.761.111	-
	<u>289.861.464</u>	<u>261.167.978</u>

(b) Dài hạn

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuê đất (*)	110.335.722.252	113.730.667.550
Công cụ, dụng cụ	241.495.503	313.990.822
Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng (Thuyết minh 15)	572.766.694	572.766.694
	<u>111.149.984.449</u>	<u>114.617.425.066</u>

(*) Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là tiền thuê lô đất CC2 tại Khu Công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng đã trả cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 1 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2057 theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTD-MP đề ngày 25 tháng 1 năm 2017 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương. Khoản trả trước này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	114.617.425.066	117.293.008.949
Tăng trong năm	245.699.546	946.127.875
Phân bổ trong năm	(3.713.140.163)	(3.621.711.758)
	<u>111.149.984.449</u>	<u>114.617.425.066</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Mẫu số B 09 - DN

8	TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
(a)	TSCĐ hữu hình					
	Nguyên giá					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	83.050.294.941	3.100.886.669	66.112.980.996	1.130.569.531	153.394.732.137
	Tăng trong năm	-	-	1.481.481.481	62.000.000	1.543.481.481
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.481.481.481)	-	(1.481.481.481)
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	83.050.294.941	3.100.886.669	66.112.980.996	1.192.569.531	153.456.732.137
	Khấu hao lũy kế					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(57.278.937.531)	(3.058.646.519)	(48.160.897.931)	(1.096.949.466)	(109.595.431.447)
	Khấu hao trong năm	(6.228.196.696)	(42.240.150)	(8.081.385.697)	(27.656.864)	(14.379.479.207)
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	167.541.742	-	167.541.742
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	(63.507.134.227)	(3.100.886.669)	(56.074.741.886)	(1.124.606.130)	(123.807.368.912)
	Giá trị còn lại					
	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	25.771.357.410	42.240.150	17.952.083.065	33.620.065	43.799.300.690
	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	19.543.160.714	-	10.038.239.110	67.963.401	29.649.363.225

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 43.852.810.545 Đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2023: 24.693.794.476 Đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

8 TSCĐ (TIẾP THEO)

(b) TSCĐ vô hình

Phần mềm máy tính
VND

Nguyên giá

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024

1.121.382.459

Tăng trong năm

103.360.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

1.224.742.459

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024

(1.121.382.459)

Khấu hao trong năm

(3.230.000)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(1.124.612.459)

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024

-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

100.130.000

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 1.121.382.459 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.121.382.459 Đồng).

9 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31.12.2024			31.12.2023		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	70.000.000.000	(*) (2.406.257.649)		50.000.000.000	(*) (463.362.026)	

Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2024/HĐCN-GLC-GIC đề ngày 26 tháng 2 năm 2024 ký với Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh (bên liên quan) và Giấy Chứng nhận cổ phần số 10/QBĐV/2024 đề ngày 26 tháng 2 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng thêm 3,8% tỷ lệ cổ phần tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (Thuyết minh 28(a)). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số lượng cổ phần Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ tương ứng với 13,31% vốn điều lệ của công ty này.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2024		2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba	2.608.946.145	2.608.946.145	3.687.557.054	3.687.557.054
Trong đó				
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Thịnh Tiến	1.267.592.400	1.267.592.400	-	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Dịch vụ Mitos	337.262.890	337.262.890	-	-
- Khác	1.004.090.855	1.004.090.855	3.687.557.054	3.687.557.054
Bên liên quan (Thuyết minh 28(b))	755.671.320	755.671.320	1.865.790.399	1.865.790.399
	<u>3.364.617.465</u>	<u>3.364.617.465</u>	<u>5.553.347.453</u>	<u>5.553.347.453</u>

11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản khác phải thu/phải nộp Nhà Nước trong năm tài chính như sau:

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã thực thu/ thực nộp trong năm VND	Cán trừ VND	Tại ngày 31.12.2024 VND
a) Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	-	6.240.527.755	-	(6.240.527.755)	-
b) Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	700.348.987	12.954.278.149	(7.033.758.151)	(6.240.527.755)	380.341.230
Thuế TNDN	550.181.272	1.852.749.477	(1.912.748.283)	-	490.184.466
Thuế thu nhập cá nhân	193.701.616	764.642.261	(766.341.497)	-	192.002.380
	<u>1.444.231.875</u>	<u>15.571.669.887</u>	<u>(9.712.845.931)</u>	<u>(6.240.527.755)</u>	<u>1.062.528.076</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lương	1.426.310.988	1.227.667.791
Chi phí thưởng	7.143.020.795	7.863.586.142
	<u>8.569.331.783</u>	<u>9.091.253.933</u>

13 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2024 VND	2023 VND
Chi phí liên quan đến hàng tàu	5.182.974.040	5.510.300.110
Khác	210.011.468	1.387.793.469
	<u>5.392.985.508</u>	<u>6.898.093.579</u>

14 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm tài chính như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dự đầu năm	225.674.000	607.874.000
Trích từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 17)	1.660.000.000	1.600.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(1.674.600.000)	(1.982.200.000)
Số dự cuối năm	<u>211.074.000</u>	<u>225.674.000</u>

15 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	2024 VND	2023 VND
Dự phòng cho các khoản chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng	<u>654.761.942</u>	<u>654.761.942</u>

Đây là khoản dự phòng chi phí khôi phục và hoàn trả mặt bằng cho khu đất thuê của Công ty khi kết thúc thời hạn thuê theo Hợp đồng thuê lại đất số 61/2017/HĐTD-MP đề ngày 25 tháng 1 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Minh Phương, theo đó Công ty có nghĩa vụ khôi phục và hoàn trả mặt bằng vào cuối thời hạn hợp đồng thuê. Việc khôi phục bao gồm tháo dỡ các tài sản của Công ty trên khu đất nêu trên và phục hồi khu đất về trạng thái ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09 – DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

16 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2024	2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký	12.120.000	12.120.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>12.120.000</u>	<u>12.120.000</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>12.120.000</u>	<u>12.120.000</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2024		2023	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	8.040.000	66,40	8.040.000	66,40
America LLC	673.700	5,56	-	-
Cổ đông khác	3.406.300	28,04	4.080.000	33,60
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>12.120.000</u>	<u>100</u>	<u>12.120.000</u>	<u>100</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	12.120.000	121.200.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>12.120.000</u>	<u>121.200.000.000</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>12.120.000</u>	<u>121.200.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

17 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	121.200.000.000	102.035.769.380	16.648.390.838	239.884.160.218
Chia cổ tức	-	-	(12.120.000.000)	(12.120.000.000)
Trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(160.000.000)	(160.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.600.000.000)	(1.600.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.768.390.838	(2.768.390.838)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	16.631.178.656	16.631.178.656
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	121.200.000.000	104.804.160.218	16.631.178.656	242.635.338.874
Chia cổ tức (*)	-	-	(14.544.000.000)	(14.544.000.000)
Trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	(306.000.000)	(306.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 14) (*)	-	-	(1.660.000.000)	(1.660.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	121.178.656	(121.178.656)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	16.238.924.768	16.238.924.768
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	121.200.000.000	104.925.338.874	16.238.924.768	242.364.263.642

(*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã phân phối 14.544.000.000 Đồng từ LNST chưa phân phối, tương ứng 12% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 để trả cổ tức cho các cổ đông, đồng thời trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 1.660.000.000 Đồng, trích thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 306.000.000 Đồng và trích quỹ đầu tư phát triển là 121.178.656 Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

18 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm tài chính trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	2024	2023 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	16.238.924.768	16.631.178.656
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(1.660.000.000)
	<u>16.238.924.768</u>	<u>14.971.178.656</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.120.000	12.120.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>1.340</u>	<u>1.235</u>

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số thực tế phân phối cho quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ được phê chuẩn trong Đại hội đồng Cổ đông tổ chức trong năm 2025 và có thể có sự khác biệt với số liệu nêu trên.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được tính lại dựa theo số thực tế trích quỹ khen thưởng phúc lợi như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2023		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	16.631.178.656	-	16.631.178.656
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(1.660.000.000)	(1.660.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>16.631.178.656</u>	<u>(1.660.000.000)</u>	<u>14.971.178.656</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	12.120.000	-	12.120.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>1.372</u>	<u>(137)</u>	<u>1.235</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

18 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm tàng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và tính đến ngày lập báo cáo tài chính. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

19 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu xếp dỡ, nâng hạ container	139.738.234.408	155.054.270.190
Doanh thu sửa chữa container	13.402.305.479	11.110.258.127
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	6.202.414.078	6.109.137.794
	<u>159.342.953.965</u>	<u>172.273.666.111</u>

20 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	30.195.233.543	32.414.029.630
Chi phí nguyên vật liệu	27.203.678.570	27.252.215.503
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.268.930.938	25.237.141.531
Chi phí khấu hao	14.379.479.207	17.254.788.969
Chi phí khác	236.460.000	512.750.000
	<u>94.283.782.258</u>	<u>102.670.925.633</u>

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi	559.572.907	2.102.833.502
Lãi cho vay (Thuyết minh 28(a))	732.205.479	140.835.617
	<u>1.291.778.386</u>	<u>2.243.669.119</u>

22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2024 VND	2023 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào đơn vị khác	1.942.895.623	511.665.116

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

23 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2024 VND	2023 VND
Chi phí liên quan đến hãng tàu	18.977.145.000	20.362.969.000
Chi phí hoa hồng - bên thứ ba	3.110.876.588	5.384.398.070
Chi phí hoa hồng - bên liên quan (Thuyết minh 28(a)) (*)	16.686.760.228	18.796.529.000
Khác	1.462.949.185	1.389.310.634
	<u>40.237.731.001</u>	<u>45.933.206.704</u>

(*) Theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 01/2023/VGR-GIC đề ngày 1 tháng 1 năm 2023 và số 01/2024/VGR-GIC đề ngày 1 tháng 1 năm 2024 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (bên liên quan), Công ty chi trả chi phí hoa hồng cho Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP khi Công ty thực hiện và thu được doanh thu từ dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ container của các hãng tàu là đối tác của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP. Chi phí hoa hồng được tính theo số lượng container được xếp dỡ, nâng hạ và đơn giá được quy định cụ thể trong hợp đồng.

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	4.404.190.502	4.648.418.331
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.455.782.280	1.753.323.803
Chi phí khác	482.753.023	345.995.609
	<u>6.342.725.805</u>	<u>6.747.737.743</u>

25 THUẾ TNDN

Theo các chính sách ưu đãi đầu tư vào Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2017 - 2020) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (2021 - 2029). Thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% áp dụng trong 15 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên có doanh thu (2017 - 2031).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**
25 THUẾ TNDN (TIẾP THEO)

Số thuế trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 10% như sau:

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.091.674.245	18.592.682.798
Thuế tính ở thuế suất 10%	1.809.167.425	1.859.268.280
Điều chỉnh:		
- Chi phí không được khấu trừ	1.896.331.529	2.053.781.943
- Thuế được giảm	(1.852.749.477)	(1.956.525.112)
- Dự phòng thiếu của các năm trước	-	4.979.031
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>1.852.749.477</u>	<u>1.961.504.142</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	1.852.749.477	1.961.504.142
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	<u>1.852.749.477</u>	<u>1.961.504.142</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

26 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm tài chính từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết được trình bày như sau:

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	34.599.424.045	37.062.447.961
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.724.713.218	26.990.531.334
Chi phí nguyên vật liệu	27.203.678.570	27.252.215.503
Chi phí hoa hồng	19.797.636.816	24.180.927.070
Chi phí liên quan đến hàng tau	18.977.145.000	20.362.969.000
Chi phí khấu hao	14.382.709.207	17.254.788.969
Chi phí khác	2.178.932.208	2.247.990.243
	<u>140.864.239.064</u>	<u>155.351.870.080</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

27 BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty kinh doanh dịch vụ chính là xếp dỡ, nâng hạ và sửa chữa container và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Doanh thu và giá vốn các hoạt động kinh doanh khác phát sinh lần lượt là 6,2 tỷ Đồng và 2,5 tỷ Đồng, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu cung cấp dịch vụ cũng như giá vốn dịch vụ cung cấp. Do đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên chủ yếu liên quan đến hoạt động dịch vụ xếp dỡ, nâng hạ và sửa chữa container và các hoạt động kinh doanh phụ trợ khác nêu trên.

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Tên	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ (từ ngày 18 tháng 7 năm 2024)	Công ty cùng tập đoàn (*)
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	Bên nhận đầu tư và công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship (từ ngày 10 tháng 10 năm 2024)	Bên liên quan khác (**)
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (đến ngày 12 tháng 9 năm 2024)	Bên liên quan khác

(*) Từ ngày 18 tháng 7 năm 2024, Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ trở thành công ty cùng tập đoàn. Trước đó, đây là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Container Việt Nam, công ty mẹ.

(**) Từ ngày 10 tháng 10 năm 2024, Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship đã trở thành công ty liên kết của Công ty Cổ phần Container Việt Nam, công ty mẹ. Do Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship là công ty con trực tiếp của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship nên Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship là bên liên quan khác của Công ty từ ngày 10 tháng 10 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính gồm:

	2024 VND	2023 VND
i) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	22.005.457.191	18.569.705.140
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	1.981.129.236	1.932.578.490
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	834.444.000	1.118.813.962
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	209.383.331	355.930.000
Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	1.093.293.887	703.440.000
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ	489.185.233	-
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	65.149.997	-
	<u>26.678.042.875</u>	<u>22.680.467.592</u>
ii) Mua nguyên vật liệu		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	6.310.632.003
iii) Mua dịch vụ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	1.932.000.000	1.932.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	95.063.000	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	-	6.549.218
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	7.858.256.500	7.741.349.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	1.110.000	-
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	549.074.075	551.160.775
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship (từ ngày 10 tháng 10 năm 2024)	20.000.000	-
	<u>10.455.503.575</u>	<u>10.231.058.993</u>
iv) Thanh lý TSCĐ, công cụ, dụng cụ		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	868.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	1.351.851.852	-
	<u>2.219.851.852</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
<i>v) Chi phí hoa hồng</i> Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (Thuyết minh 23)	16.686.760.228	18.796.529.000
<i>vi) Hoạt động đầu tư</i> Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ - Gốc cho vay (Thuyết minh 5) - Lãi cho vay	- 732.205.479	10.000.000.000 140.835.617
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh - Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ (Thuyết minh 9)	20.000.000.000	50.000.000.000
<i>vii) Thu nhập từ cho vay (Thuyết minh 21)</i> Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	732.205.479	140.835.617
<i>viii) Chi trả cổ tức</i> Công ty Cổ phần Container Việt Nam	9.648.000.000	8.040.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

ix) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

		2024 VND	2023 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Đức Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15/3/2024)	-	-
Ông Cáp Trọng Cường	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15/3/2024)	42.000.000	20.000.000
Ông Dương Tiến Dũng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 20/9/2022)	-	15.000.000
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên	40.000.000	20.000.000
Ông Đồng Trung Hải	Thành viên	941.234.497	938.871.926
Ông Nguyễn Kim Dương Khôi	Thành viên	40.000.000	20.000.000
Bà Trần Thị Phương Anh	Thành viên	40.000.000	20.000.000
Ban Kiểm soát			
Bà Nghiêm Thị Thúy Dương	Trưởng ban	30.000.000	15.000.000
Bà Phan Thị Trung Hiếu	Thành viên	24.000.000	10.000.000
Bà Phạm Thị Thúy Ngọc	Thành viên	24.000.000	10.000.000
		<u>78.000.000</u>	<u>35.000.000</u>
Ban Giám đốc			
Ông Đồng Trung Hải	Giám đốc	Như trên	Như trên
Ông Đặng Quốc Vệ	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/6/2024)	310.436.805	-
Kế toán trưởng			
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 1/6/2024)	274.303.717	-
Bà Vũ Trà My	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 15/2/2023, miễn nhiệm ngày 1/6/2024)	314.748.636	473.118.649
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 15/2/2023)	-	205.764.638
		<u>589.052.353</u>	<u>678.883.287</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2024 VND	2023 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)		
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	5.715.274.001	-
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	135.399.049	209.219.418
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	33.480.000	3.726.000
Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh	756.432.000	194.572.800
	<u>6.640.585.050</u>	<u>407.518.218</u>
ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>
iii) Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	84.000.000
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ	<u>126.000.000</u>	-
	<u>126.000.000</u>	<u>84.000.000</u>
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 10)		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	-	174.580.000
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	863.690.679
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	740.911.320	807.309.720
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	14.760.000	20.210.000
	<u>755.671.320</u>	<u>1.865.790.399</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ VÀ PHÁT TRIỂN XANH

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

28 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

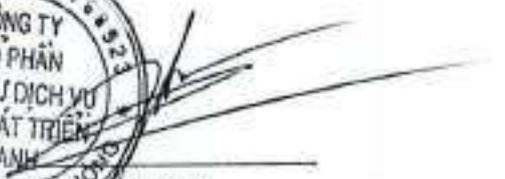
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
v) <i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i> Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	95.063.000

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 18 tháng 2 năm 2025.


Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng/Người lập




Đặng Trung Hải
Giám đốc/Người đại diện theo pháp luật

pwc



Ngày 01 tháng 07 năm 2024

GIẤY ỦY QUYỀN

Tôi là Mai Việt Hùng Trần, Người đứng đầu Chi nhánh Công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội ("**Chi nhánh**"), mã số Chi nhánh 0100157406-001, đăng ký lần đầu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội ngày 06 tháng 08 năm 2012,

sau đây bổ nhiệm Ông Đỗ Đức Hậu, căn cước công dân số 001085008023, do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 25 tháng 04 năm 2021 (**Người đại diện theo ủy quyền**),

là Người đại diện theo ủy quyền hợp pháp và hợp lệ của tôi, thay mặt tôi và trên danh nghĩa của tôi:

thực hiện các công việc cụ thể như sau

- (i) ký, ban hành và chuyển giao các tài liệu sau của Chi nhánh (có hoặc không có đóng dấu của Chi nhánh):
 - thư xác nhận dịch vụ, hợp đồng và bảng báo phí dịch vụ cho khách hàng;
 - báo cáo, ý kiến, tư vấn, văn bản, thư từ hoặc tài liệu khác được ban hành theo hoặc liên quan đến thư xác nhận dịch vụ, hợp đồng, bảng báo phí dịch vụ, bao gồm giấy báo nợ, hóa đơn cho dịch vụ cung cấp;
- (ii) thực hiện các công việc khác liên quan đến các tài liệu nêu trên.

Tôi xác nhận rằng Người đại diện theo ủy quyền có quyền hợp pháp đại diện tôi thực hiện các công việc ủy quyền trên.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2025, trừ khi Người đại diện ủy quyền thôi làm việc cho Chi nhánh hoặc Công ty TNHH PwC (Việt Nam), hoặc khi tôi ra quyết định chấm dứt việc ủy quyền trước thời hạn.

Chữ ký người ủy quyền



Mai Việt Hùng Trần
Người đứng đầu Chi nhánh

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Lô CC2 – Khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng



SẢN BẢN CHÍNH

ngày 01 tháng 01 năm 2026



GIÁM ĐỐC
Đông Trung Hải

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV NĂM 2025

Hải Phòng, tháng 01 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý 4 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85,165,704,112	54,068,820,897
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V	74,601,867,643	33,445,666,939
1. Tiền	111	V.1	57,601,867,643	13,445,666,939
- Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	111A		755,161,507	357,380,716
- Tiền gửi Ngân hàng	111B		56,846,706,136	13,088,286,223
- Tiền đang chuyển	111C			
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.2	17,000,000,000	20,000,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn	112A		17,000,000,000	20,000,000,000
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	112B			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	7,894,206,876	17,883,341,171
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	5,628,006,876	7,713,741,171
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	100,000,000	20,600,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
- Phải thu nội bộ về chênh lệch tỷ giá	133A			
- Phải thu nội bộ về CP đi vay đủ điều kiện được vốn hóa	133B			
- Phải thu nội bộ khác	133C			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			10,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2,166,200,000	149,000,000
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn - 244	136L		2,000,000,000	
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	2,312,996,410	2,449,951,323
1. Hàng tồn kho	141	V.7	2,312,996,410	2,449,951,323
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		356,633,183	289,861,464
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		356,633,183	289,861,464
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		191,805,888,616	208,493,220,025
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		18,403,149,412	29,749,493,225
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	18,341,779,412	29,649,363,225
- Nguyên giá	222	V.9	153,456,732,137	153,456,732,137
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	V.9	(135,114,952,725)	(123,807,368,912)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	61,370,000	100,130,000
- Nguyên giá	228	V.10	1,224,742,459	1,224,742,459
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	V.10	(1,163,372,459)	(1,124,612,459)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		148,148,148	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
- Chi phí SXKD dở dang	241A			
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	241B			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		148,148,148	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		65,456,549,582	67,593,742,351
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		70,000,000,000	70,000,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(4,543,450,418)	(2,406,257,649)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.13	107,798,041,474	111,149,984,449
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	107,798,041,474	111,149,984,449
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		276,971,592,728	262,562,040,922

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Đầu năm
1	2	3	4	5
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21,980,558,911	20,197,777,280

I. Nợ ngắn hạn	310		21,105,011,797	19,543,015,338
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	2,748,011,553	3,364,617,465
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		86,230,600	50,460,600
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.15	1,336,864,259	1,062,528,076
4. Phải trả người lao động	314		8,172,872,324	8,569,331,783
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	7,323,299,418	5,392,985,508
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1,015,013,643	892,017,906
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		422,720,000	211,074,000
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		875,547,114	654,761,942
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		875,547,114	654,761,942
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		254,991,033,817	242,364,263,642
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	254,991,033,817	242,364,263,642
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	121,200,000,000	121,200,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.18	121,200,000,000	121,200,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417a			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	107,078,263,642	104,925,338,874
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	26,712,770,175	16,238,924,768
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12,120,000,000	16,238,924,768
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	V.18	14,592,770,175	
- LNST chưa phân phối	421c			
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
1. Nguồn kinh phí	431		
- Nguồn kinh phí sự nghiệp	431A		
- Chi sự nghiệp	431B		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	276,971,592,728	262,562,040,922

Lập ngày 19 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Thị Thu Hằng


Nguyễn Thị Thu Hằng



Trần Trung Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)
Quý 4 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2025		Lấy kể từ đầu năm tới cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	41,048,410,684	43,256,200,462	155,974,747,414	159,342,953,965
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	41,048,410,684	43,256,200,462	155,974,747,414	159,342,953,965
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	21,555,527,603	26,243,073,808	87,432,352,326	94,283,782,258
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		19,492,883,081	17,013,126,654	68,542,395,088	65,059,171,707
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	549,757,222	343,563,989	1,693,032,677	1,294,852,316
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	511,220,590	1,121,380,136	2,162,768,425	1,945,969,553
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	13,086,968,761	11,047,493,156	45,133,519,896	40,237,731,001
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	1,622,644,546	1,396,074,039	6,412,998,219	6,342,725,805
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		4,821,806,406	3,791,743,312	16,526,141,225	17,827,597,664
11. Thu nhập khác	31	VI.6				265,783,589
12. Chi phí khác	32				15,969,846	1,707,008
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40				(15,969,846)	264,076,581
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4,821,806,406	3,791,743,312	16,510,171,379	18,091,674,245
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	569,696,134	490,184,466	1,917,401,204	1,852,749,477
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4,252,110,272	3,301,558,846	14,592,770,175	16,238,924,768
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	90					
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	91					
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	92					

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Hằng


Nguyễn Thị Thu Hằng

19 tháng 04 năm 2026
Đang đốc

Đang Trung Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16,510,171,379	18,091,674,245
2. Điều chỉnh cho các khoản	02	V.9	11,346,343,813	14,215,167,465
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	03		220,785,172	
- Các khoản dự phòng	04			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền	05		(549,757,222)	(1,429,974,947)
tê có gốc ngoại tệ	06			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07			
- Chi phí lãi vay	08		27,527,543,142	30,876,866,763
- Các khoản điều chỉnh khác	09		14,272,909,321	(13,477,437,960)
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	10		136,954,913	645,492,907
- Tăng, giảm các khoản phải thu	11		(3,681,127,870)	(12,997,604,010)
- Tăng, giảm hàng tồn kho				
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu				
nhập phải nộp)				
+ Vay ngắn hạn trả nhà cung cấp	1102		3,285,171,256	3,438,747,131
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12			
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		485,346,720	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			47,259,437
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1,420,354,000)	127,500,000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		40,606,443,482	8,660,824,268
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			100,130,000
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			(13,000,000,000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			(20,000,000,000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	549,757,222	1,429,974,947
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		549,757,222	(31,469,895,053)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32			
doanh nghiệp đã phát hành				
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			(265,490,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(265,490,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		41,156,200,704	(23,074,560,785)

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	33,445,666,939	43,520,227,724
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	74,601,867,643	20,445,666,939

Lập ngày 19 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu


Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Hằng

Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý IV năm 2025

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

- CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

1. Hình thức sở hữu vốn

- Công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ đại lý Container, đại lý tàu biển và môi giới hàng hải, kinh doanh kho bãi, vận tải...

3. Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ đại lý Container, đại lý tàu biển và môi giới hàng hải, kinh doanh kho bãi, vận tải..

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con;

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết;

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin in trên Báo cáo tài chính (có so sánh được hay không, nếu không so sánh được phải nêu rõ lý do như vì sao chuyển đổi hình thức sở hữu, chia tách, sáp nhập, nếu độ dài về kỳ so sánh ...)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12).

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

- Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

- Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt nam hiện hành

IV. Các chính sách kế toán áp dụng (trong trường hợp doanh nghiệp hoạt động liên tục)

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại Tài sản, chênh lệch tỷ giá, lợi nhuận chưa phân phối

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi số kế toán khác với Đồng Việt Nam); Ảnh hưởng (nếu có) do việc chuyển đổi Báo cáo tài chính từ đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

(Trường hợp đồng tiền ghi số kế toán khác với Đồng Việt Nam); Ảnh hưởng (nếu có) do việc chuyển đổi Báo cáo tài chính từ đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kì hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh;

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

c) Các khoản cho vay;

d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kì hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Doanh nghiệp

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho;

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho;

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật cho sản phẩm	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ							
Số dư đầu kỳ	83,050,294,941	3,100,886,669	66,112,980,996	1,192,569,531			153,456,732,137
- Mua trong kỳ							
- Đầu tư XDCB hoàn thành							
- Tăng khác							
- Chuyển sang bất động sản đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số cuối kỳ	83,050,294,941	3,100,886,669	66,112,980,996	1,192,569,531			153,456,732,137
Giá trị bao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	67,932,118,919	3,100,886,669	60,156,914,670	1,147,906,122			132,357,826,380
- Khấu hao trong kỳ	1,481,661,564		1,271,411,379	4,053,402			2,757,126,345
- Tăng khác							
- Chuyển sang bất động sản đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số cuối kỳ	69,433,780,483	3,100,886,669	61,428,326,049	1,151,959,524			135,114,952,725
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu kỳ	15,098,176,022		5,956,066,326	44,663,409			21,098,905,757
- Tại ngày cuối kỳ	13,616,514,458		4,684,654,947	40,610,007			18,341,779,412

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý;

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình;

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, nhãn sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ					1,224,742,459		1,224,742,459
Số dư đầu kỳ							
- Mua trong kỳ							
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp							
- Tăng do hợp nhất kinh doanh							
- Tăng khác							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số cuối kỳ					1,224,742,459		1,224,742,459
Giá trị hao mòn lũy kế					1,153,682,459		1,153,682,459
Số dư đầu kỳ					9,690,000		9,690,000
- Khấu hao trong kỳ							
- Tăng khác							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số cuối kỳ					1,163,372,459		1,163,372,459
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu kỳ					71,060,000		71,060,000
- Tại ngày cuối kỳ					61,370,000		61,370,000

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đang để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng;

- Thuyết minh số liệu và giải trình khác;

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuế tài chính

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Cuối kỳ	Đầu kỳ		
13. Chi phí trả trước				
a) Ngân hạn	356,633,183	366,059,684		
- Các khoản khác:				
b) Dài hạn	107,798,041,474	108,502,580,971		
- Các khoản khác (tiền thuê đất)	108,154,674,657	108,868,640,655		
Cộng				
	Cuối kỳ	Đầu kỳ		
14. Phải trả người bán				
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1,284,340,540	2,071,524,307		
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả;	691,363,080	1,070,775,607		
+ CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM				
+ CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG XANH VIP				
+ CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI BIỂN NGÔI SAO XANH				
+ Công ty cổ phần kỹ thuật và dịch vụ Mitos				
+ CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PVOIL HẢI PHÒNG				
+ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ PHỤ TÙNG HOÀNG HUY				
+ Công ty cổ phần DV cảng Sắc Việt				
+ Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ Thịnh Tiến	592,977,460	1,000,748,700		
- Phải trả cho các đối tượng khác	1,463,671,013	1,346,057,884		
Cộng	2,748,011,553	3,417,582,191		
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán:				
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số quá hạn;				
Cộng				
15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
a. Phải nộp				
- Thuế GTGT phải nộp	546,102,153	3,290,745,884	3,259,499,301	577,348,736
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	485,346,720	569,696,134	485,346,720	569,696,134
- Thuế thu nhập cá nhân	181,056,097	28,473,084	19,709,792	189,819,389
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
Cộng	1,212,504,970	3,888,915,102	3,764,555,813	1,336,864,259
b. Phải thu		1,472,191,323	1,472,191,323	
- Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ		1,472,191,323	1,472,191,323	
Cộng				
		Cuối kỳ	Đầu kỳ	
16. Chi phí phải trả		7,323,299,418		10,939,496,508
a) Ngân hạn				
b) Dài hạn		7,323,299,418		10,939,496,508
Cộng				
		Cuối kỳ	Đầu kỳ	
17. Phải trả khác				
a) Ngân hạn				
- Kinh phí công đoàn;		1,015,013,643		672,494,843
- Các khoản phải trả, phải nộp khác;		1,015,013,643		672,494,843
Cộng				
b) Dài hạn				
18. Dự phòng phải trả				
a) Ngân hạn				
b) Dài hạn		875,547,114		654,761,942
- Dự phòng phải trả khác (Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ, chi phí hoàn nguyên môi trường...)		875,547,114		654,761,942
Cộng				

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu										Cộng		
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ
Số dư Đầu kỳ trước	121.200.000,000						16.238.924,768	104.925.338,574					242.364.263,642
- Tăng vốn trong năm trước													
- Lãi trong kỳ trước													
- Tăng khác													
- Giảm vốn trong kỳ trước													
- Lỗ trong năm trước													
- Giảm khác													
Số dư Đầu kỳ này	121.200.000,000						22.460.659,903	107.078.263,642					250.738.923,545
- Tăng vốn trong kỳ này													
- Lãi trong kỳ													
- Tăng khác													
- Giảm vốn trong kỳ													
- Lỗ trong kỳ													
- Giảm khác													
Số dư Cuối kỳ này	121.200.000,000						26.712.770,175	107.078.263,642					254.991.033,817
							118.251,992						118.251,992
							4.370.362,264						4.370.362,264

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		
- Vốn góp của công ty mẹ (nếu là công ty con)	80,400,000,000	80,400,000,000
- Vốn góp của các đối tượng khác	40,800,000,000	40,800,000,000
Cộng	121,200,000,000	121,200,000,000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	121,200,000,000	121,200,000,000
+ Vốn góp Đầu kỳ	121,200,000,000	121,200,000,000
+ Vốn góp Cuối kỳ		
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
d) Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,120,000	12,120,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12,120,000	12,120,000
+ Cổ phiếu phổ thông		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10,000 VND		
e) Cổ tức		
f) Các quỹ của doanh nghiệp:	107,078,263,642	107,078,263,642
- Quỹ đầu tư phát triển;		
g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.		

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu	41,048,410,684	43,256,200,462
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;	41,048,410,684	43,256,200,462
Cộng		
b) Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng)		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
3. Giá vốn hàng bán	21,555,527,603	26,243,073,808
- Giá vốn của hàng hóa đã bán;	21,555,527,603	26,243,073,808
Cộng		
4. Doanh thu hoạt động tài chính	549,757,222	343,563,989
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	549,757,222	343,563,989
Cộng		
5. Chi phí tài chính	511,220,590	1,121,380,136
- Lãi tiền vay;		
Cộng		
6. Thu nhập khác		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		
- Các khoản khác.		
Cộng		
7. Chi phí khác		
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		
- Các khoản bất thường		
- Các khoản khác		
Cộng		

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	1,622,644,546	1,727,640,000
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN	1,284,825,077	1,297,640,000
+ Tiền lương		
+ Chi phí khác		
+ Chi phí quản lý		
- Các khoản chi phí QLDN khác.	337,819,469	430,000,000
Cộng	1,622,644,546	1,727,640,000

b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng:	11,940,062,714	10,409,592,591
+ Chi hoa hồng	6,286,541,630	4,871,343,591
+ Chi thưởng khách hàng	5,653,521,084	5,538,249,000
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	600,325,186	637,900,565
Cộng	12,540,387,900	11,047,493,156

c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu.	2,181,328,280	3,904,155,000
- Chi phí nhân công.	7,929,768,146	8,393,423,228
- Chi phí khấu hao tài sản cố định.	2,757,126,345	3,139,809,108
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.	3,557,216,814	5,903,363,916
- Chi phí khác bằng tiền.	1,151,086,324	1,204,846,324
Cộng	17,576,525,909	22,545,597,576

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	569,696,134	490,184,466
--	-------------	-------------

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.
- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ.
- Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ.

VIII. Những thông tin khác

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên).
- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận"(1).
- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong Báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):
- Thông tin về hoạt động liên tục:
- Những thông tin khác:

Kế toán trưởng

(Chữ ký)
Nguyễn Thị Thu Hằng

Lập ngày 19 tháng 01 năm 2026



Giám đốc

(Chữ ký)
Trương Trung Hải

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua giao dịch mua tài sản với người có liên quan là Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VSC Green Logistics ("GIC");
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025;
- Biên bản họp HĐQT ngày 23/08/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua chủ trương ký hợp đồng mua tài sản của bên có liên quan như sau:

- Đối tượng giao dịch: Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh ("GLC"), GLC là người có liên quan của cổ đông lớn của GIC - Công ty Cổ phần Container Việt Nam.
- Giá trị dự kiến: 61.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi một tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn)
- Nhóm tài sản dự kiến thực hiện giao dịch:
 - ✓ Nhà xưởng và/hoặc kho bãi;
 - ✓ Phương tiện vận tải;
 - ✓ Máy móc, thiết bị.

Điều 2: Giao và ủy quyền cho Giám đốc Công ty thuê đơn vị thẩm định giá (nếu cần), đàm phán các nội dung cụ thể, ký kết các hợp đồng mua bán, các hồ sơ/giấy tờ để kê khai và nộp các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sở hữu; các văn bản, tài liệu cần thiết khác có liên quan theo quy định pháp luật, quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3: Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký, Hội đồng quản trị, Giám đốc, các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (trên);
- HĐQT, BKS, CBTT;
- Lưu VT Cty, Thư ký HĐQT.



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0201263312

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 05 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 29 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRUNG
TÂM LOGISTICS XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN LOGISTICS CENTRE ONE
MEMBER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GLC

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô đất CN3.2G, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải
Phòng, Việt Nam*

Điện thoại: 02253979550

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 620.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0200453688

Ngày cấp: 01/04/2002 Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành Phố Hải
Phòng

Địa chỉ trụ sở chính: Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng,
Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: LÊ QUANG HUY

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 25/03/1979

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 031079006117

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: P304 A12TT Phương Mai, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CHUNG THỰC BAN SAU ĐUNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 82981..... Quyền số: 1.....-SCT/BS

Ngày 21-01-2026

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Đình Phúc



CÔNG CHỨNG VIÊN
ĐÀO THỊ YẾN

SẢN BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 01 năm 2026



GIÁM ĐỐC

Lòng Trung Hải

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số: 36./HĐCN/GLC-GIC

Giữa

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRUNG TÂM LOGISTICS XANH

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Hải Phòng, 29/01/2025



HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số: 36/HĐCN/GLC-GIC

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào nhu cầu và thỏa thuận của hai bên.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này được ký kết ngày 29/08/2025 bởi và giữa các bên có thông tin dưới đây:

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY TNHH MTV TRUNG TÂM LOGISTICS XANH

Mã số thuế : 0201263312
Địa chỉ : Lô đất CN3.2G, KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.3979550
Đại diện : Ông Lê Quang Huy
Chức vụ : Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000146868 Tại Ngân hàng VCB - Chi nhánh Hải Phòng

(Sau đây gọi là Bên A)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Mã số thuế : 0201768923
Địa chỉ : Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.2838666 Fax:
Đại diện : Ông Đồng Trung Hải
Chức vụ : Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000285868 Tại Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng

(Sau đây gọi là Bên B)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là "**Bên**" và gọi chung là "**Hai Bên**" hoặc "**Các Bên**" tùy theo ngữ cảnh.

Xét rằng:

1. Bên A là chủ sử dụng hợp pháp của lô đất **10.120 m²** số số: CT: 00899 địa chỉ tại: Lô đất CN3.2I, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng (địa chỉ hiện tại: Lô đất CN3.2I, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng) và Bên A có nhu cầu chuyển nhượng toàn bộ tài sản cho Bên B.
2. Bên B là công ty được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, có nhu cầu nhận chuyển nhượng từ Bên A lô đất **10.120 m²** tại địa chỉ: Lô đất CN3.2I, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng (địa chỉ hiện tại: Lô đất CN3.2I, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng), để phục vụ cho nhu cầu của Bên B, phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam.

Sau khi bàn bạc thống nhất, các bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với các nội dung và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Trong Hợp đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. "**Hợp Đồng**" được hiểu là Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết bởi các bên và tất cả các văn bản khác được các bên thỏa thuận tạo thành một phần của Hợp đồng.
- 1.2. "**Tài sản**" được hiểu là tài sản mà bên A chuyển nhượng cho bên B theo thông tin chi tiết tại Điều 2.1 của Hợp đồng này.
- 1.3. "**Biên Bản Bàn Giao Tài sản**" được hiểu là biên bản xác nhận về việc bên A đã chuyển giao Tài sản cho bên B, được lập bởi bên A và bên B.
- 1.4. "**Giá Trị Hợp Đồng**" được hiểu là giá trị được xác định theo quy định tại Điều 2.2 Hợp đồng này.

ĐIỀU 2: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

2.1. Đối tượng Hợp đồng

Bên A đồng ý chuyển nhượng và bên B đồng ý nhận chuyển nhượng lô đất **10.120 m²** tại địa chỉ: Lô đất CN3.2I, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng (địa chỉ hiện tại: Lô đất CN3.2I, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng)

2.2. Giá trị Hợp Đồng

- Tổng giá trị Hợp đồng là: **40.000.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng chẵn./.).
- Đơn giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng nhưng chưa bao gồm bất kỳ chi phí nào khác.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM BÀN GIAO TÀI SẢN

- 3.1. Thời điểm dự kiến bàn giao: Trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời điểm bàn giao cụ thể do hai bên thỏa thuận.
- 3.2. Địa điểm nhận bàn giao: Tại Công ty Cổ phần VSC Green Logistics và/hoặc địa điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản của hai bên.
- 3.3. Tại thời điểm bàn giao, các bên lập biên bản bàn giao có chữ ký xác nhận của đại diện hợp pháp của hai bên.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin tài khoản ngân hàng của bên A nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.
- 4.2. Thời hạn thanh toán dự kiến: Bên B có thể thanh toán cho Bên A thành nhiều đợt, nhưng thời hạn thanh toán không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày bàn giao Tài sản.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 5.1. Cam kết Tài sản chuyển nhượng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A, không bị tranh chấp hay khiếu nại bởi bất kỳ bên thứ ba nào khác.
- 5.2. Yêu cầu bên B thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hợp đồng.
- 5.3. Bàn giao đúng tình trạng, thời gian và địa điểm cho bên B theo quy định của Hợp đồng này.
- 5.4. Cử đại diện phối hợp với bên B trong quá trình bàn giao, phối hợp cùng bên B lập biên bản bàn giao tài sản.
- 5.5. Thực hiện các thủ tục để hỗ trợ bên B đăng ký chuyển quyền sở hữu đối với tài sản theo quy định pháp luật.
- 5.6. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 6.1. Yêu cầu Bên A giao đúng tình trạng, tiến độ theo quy định của Hợp đồng này.
- 6.2. Kiểm tra hiện trạng của Tài sản được bàn giao tại thời điểm hai bên bàn giao.
- 6.3. Từ chối nhận Tài sản nếu Tài sản được giao không phù hợp theo quy định của Hợp đồng này.
- 6.4. Tạm ngừng thanh toán bất kỳ khoản thanh toán nào cho bên A khi chưa nhận bàn giao được Tài sản hợp lệ theo quy định tại Hợp đồng này.
- 6.5. Cử đại diện phối hợp với bên A trong quá trình bàn giao Tài sản, phối hợp cùng bên A lập biên bản bàn giao Tài sản.
- 6.6. Thanh toán đúng hạn, đầy đủ cho bên A theo quy định của Hợp đồng này.
- 6.7. Bằng chi phí của mình, thực hiện các thủ tục để hoàn thiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với Tài sản theo quy định pháp luật.
- 6.8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. BẤT KHẢ KHÁNG

- 7.1. Sự kiện Bất khả kháng được hiểu là những sự kiện không thể lường trước, không thể tránh được, nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và ngăn cản các bên thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp đồng này. Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn ở dịch bệnh, cháy nổ, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc các thảm họa thiên tai khác; tình trạng khẩn cấp, bạo loạn, bạo động, chiến tranh và khủng hoảng kinh tế của quốc gia, sự thay đổi của pháp luật và chính sách của nhà nước; lỗi hệ thống, đứt cáp quang, mất tín hiệu kết nối, mạng của các bên bị xâm nhập; hoặc các sự kiện khác xảy ra mà một bên không thể kiểm soát, ngăn chặn và đó là nguyên nhân dẫn đến thất bại trong việc thực hiện nghĩa vụ của bên bị ảnh hưởng.
- 7.2. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, bên bị ảnh hưởng phải ngay lập tức thông báo cho bên còn lại về sự kiện, thời gian diễn ra, hậu quả dự kiến và các bên có nghĩa vụ bán bạc và

phối hợp với nhau với đầy đủ trách nhiệm của mình để thực hiện các biện pháp khắc phục hợp lý để giảm thiểu hậu quả.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 8.1. Một trong hai bên sẽ bị coi là vi phạm Hợp đồng nếu có vi phạm pháp luật tới mức không được kinh doanh theo quy định của pháp luật; không tuân thủ đúng bất kỳ thỏa thuận trong Hợp đồng này.
- 8.2. Trường hợp một bên vi phạm Hợp đồng, bên bị vi phạm có quyền áp dụng một hoặc đồng thời tất cả biện pháp sau đây:
 - (a) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo Điều 9 Hợp đồng này;
 - (b) Tiến hành phạt vi phạm với mức phạt là 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm. Trong trường hợp này, các bên đồng ý rằng, 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.
 - (c) Yêu cầu bên vi phạm bồi thường thiệt hại thực tế đối với những vi phạm do bên vi phạm gây ra cho bên bị vi phạm.

Để làm rõ, các bên đồng ý rằng, bên vi phạm có nghĩa vụ thanh toán tiền phạt/bồi thường cho bên bị vi phạm theo thời hạn do bên bị vi phạm yêu cầu.

ĐIỀU 9. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau:

- 9.1. Các bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong Hợp đồng này.
- 9.2. Các bên có thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng này (trong trường hợp này, Hợp đồng này sẽ chấm dứt theo thỏa thuận chấm dứt đó);
- 9.3. Một bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng do vi phạm của bên còn lại.

Nếu một trong hai bên vi phạm Hợp đồng, bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho bên còn lại trước trước ít nhất 05 (năm) ngày tính đến thời điểm chấm dứt. Trong trường hợp này, bên bị vi phạm có quyền thực hiện Điều 8.2 Hợp đồng này.

ĐIỀU 10. BẢO MẬT

- 10.1. Các bên sẽ bảo mật và không tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp đồng này và thông tin mà các bên nhận được trong quá trình thực hiện Hợp đồng và sau khi Hợp đồng chấm dứt ngoại trừ:
 - (a) Theo yêu cầu của luật pháp Việt Nam hoặc do yêu cầu của một cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền;
 - (b) Theo thỏa thuận giữa hai bên.
- 10.2. Hai bên cam kết không sử dụng thông tin được cung cấp bởi bên còn lại cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích đã thỏa thuận tại Hợp đồng này, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 11.1. Hợp đồng này được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
- 11.2. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một bên vi phạm Hợp đồng thì hai bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Trường hợp không thương lượng được, hai bên thống nhất sẽ đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Thành phố Hải Phòng. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do bên vi phạm chịu.
- 11.3. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được hai bên thống nhất và lập thành văn bản.
- 11.4. Tất cả các thông báo, yêu cầu hoặc trao đổi liên lạc liên quan đến Hợp đồng này và các Phụ lục Hợp đồng (nếu có) giữa hai bên ("**Thông Báo**") phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và được gửi đến địa chỉ của các bên như đã nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.
- 11.5. Không bên nào được quyền chuyển nhượng, chuyển giao Hợp đồng này hay quyền, nghĩa vụ liên quan đến Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào khi chưa được sự đồng ý trước bằng văn bản của bên còn lại.
- 11.6. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, và được lập thành 04 (bốn) bản gốc bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Lê Quang Huy

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Đông Trung Hải

SÁO Y BẢN CHÍNH

yay...tháng...năm 2025



GIÁM ĐỐC

Hồng Trung Hải

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG PHƯƠNG TIỆN

Số: 37/HDCNTS/GLC-GIC

Giữa

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRUNG TÂM LOGISTICS XANH

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Hải Phòng 29/08/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG PHƯƠNG TIỆN

Số: 37/HDCNTS/GLC-GIC

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào nhu cầu và thỏa thuận của hai bên.

Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện này được ký kết ngày 29/08/2025 giữa các bên có thông tin dưới đây:

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRUNG TÂM LOGISTICS XANH

Mã số thuế : 0201263312
Địa chỉ : Lô đất CN3.2G, KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.3979550
Đại diện : Ông Lê Quang Huy
Chức vụ : Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000146868 Tại Ngân hàng VCB - Chi nhánh Hải Phòng

(Sau đây gọi là Bên A)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Mã số thuế : 0201768923
Địa chỉ : Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.2838666
Đại diện : Ông Đồng Trung Hải
Chức vụ : Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000285868 Tại Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng

(Sau đây gọi là Bên B)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "Hai Bên" hoặc "Các Bên" tùy theo ngữ cảnh.

Xét rằng:

1. Bên A là chủ sở hữu hợp pháp toàn bộ phương tiện ("**Tài sản**") được nêu và liệt kê tại **Phụ lục 01 danh mục Tài sản** đính kèm Hợp đồng này và Bên A có nhu cầu chuyển nhượng toàn bộ tài sản cho Bên B.
2. Bên B là công ty được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, có nhu cầu nhận chuyển nhượng từ Bên A toàn bộ Tài sản để phục vụ cho nhu cầu của Bên B, phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam.

Sau khi bàn bạc thống nhất, các Bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với các nội dung và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. "**Hợp Đồng**" được hiểu là Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện này bao gồm phụ lục 01 kèm theo được ký kết bởi các Bên và tất cả các văn bản khác được các Bên thỏa thuận tạo thành một phần của Hợp Đồng.
- 1.2. "**Phụ lục Hợp Đồng**" là nội dung không thể tách rời với Hợp Đồng. Phụ lục Hợp Đồng có thể được lập bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.
- 1.3. "**Tài sản**" được hiểu là tài sản mà Bên A chuyển nhượng cho Bên B theo thông tin chi tiết tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này.
- 1.4. "**Biên Bản Bàn Giao Tài sản**" được hiểu là biên bản xác nhận về việc Bên A đã chuyển giao Tài sản cho Bên B, được lập bởi Bên A và Bên B.
- 1.5. "**Giá Trị Hợp Đồng**" được hiểu là giá trị được xác định theo quy định tại Điều 2.2 Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

2.1. *Đối tượng Hợp Đồng*

Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ Tài sản, bao gồm: 13 xe đầu kéo, 35 sơ mi remote 40", 02 xe nâng vó 10T, 02 xe nâng hàng 41T, 03 xe nâng hàng 45T, 01 xe nâng hàng 46T, 05 xe nâng dầu 3T, 01 xe nâng dầu 4,5T, 17 xe nâng điện như được liệt kê chi tiết tại **Phụ lục 01 Hợp Đồng** này.

Để làm rõ, Hợp đồng này quy định những nguyên tắc trong việc chuyển nhượng Tài sản. Tùy từng trường hợp, hai Bên có thể ký kết từng hợp đồng riêng đối với từng Tài sản theo quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần). Thời gian ký kết hợp đồng mua bán từng tài sản do hai Bên thỏa thuận và thống nhất. Các hợp đồng được lập phát sinh từ Hợp đồng này sẽ phải tuân thủ và phù hợp với các điều kiện thỏa thuận tại Hợp đồng này.

2.2. *Tổng Giá trị Hợp Đồng*

- Tổng giá trị Hợp đồng là: **18.000.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng chẵn...).

Chi tiết Giá trị của Tài sản quy định tại Điều 2.1 của Hợp đồng này được nêu tại **Phụ lục 01** đính kèm **Hợp Đồng**.

- Đơn giá tài sản đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng nhưng chưa bao gồm bất kỳ chi phí nào khác.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM BÀN GIAO TÀI SẢN

- 3.1. Thời điểm dự kiến bàn giao Tài sản: Trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời điểm bàn giao tài sản cụ thể do Hai Bên thỏa thuận.
- 3.2. Địa điểm nhận bàn giao Tài sản: Tại Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh.
- 3.3. Tại thời điểm bàn giao Tài Sản, Các Bên lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản có chữ ký xác nhận của đại diện hợp pháp của Hai Bên.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin tài khoản ngân hàng của Bên A nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.
- 4.2. Thời hạn thanh toán dự kiến; Bên B có thể thanh toán cho Bên A thành nhiều đợt, nhưng thời hạn thanh toán không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày bàn giao Tài Sản. Bên B có quyền kiểm tra đủ số lượng, chủng loại, tình trạng của Tài sản trước khi thanh toán.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 5.1. Cam kết toàn bộ Tài sản chuyển nhượng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A, không bị tranh chấp hay khiếu nại bởi bất kỳ bên thứ ba nào khác.
- 5.2. Yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hợp Đồng.
- 5.3. Bàn giao, chuyển nhượng Tài sản đúng số lượng, chủng loại, tình trạng, thời gian và địa điểm cho Bên B theo quy định của Hợp Đồng này.
- 5.4. Cử đại diện phối hợp với Bên B trong quá trình bàn giao Tài sản, phối hợp cùng Bên B lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản.
- 5.5. Bằng chi phí của mình, tự chịu trách nhiệm bảo quản, giữ gìn an toàn, an ninh Tài sản cho đến thời điểm Bên A bàn giao xong Tài sản cho Bên B.
- 5.6. Bên A cam kết chịu toàn bộ trách nhiệm đối với Bên B và/hoặc Bên Thứ Ba trong trường hợp có thiệt hại xảy ra do nguyên nhân từ Tài sản của Bên A bị khiếm khuyết, lỗi, không đảm bảo về số lượng, chủng loại, tình trạng.
- 5.7. Theo yêu cầu của Bên B, Bên A phải bằng chi phí của mình, có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục hoặc có biện pháp xử lý phù hợp đối toàn bộ số Tài sản không đáp ứng yêu cầu về số lượng, chủng loại, tình trạng theo quy định của Hợp Đồng này.
- 5.8. Bàn giao, chuyển nhượng cho Bên B đầy đủ và chi tiết toàn bộ thông tin, hướng dẫn liên quan đến việc vận chuyển/bảo quản/vận hành/sử dụng/bảo hành/bảo trì Tài sản; Cử nhân sự có chuyên môn trực tiếp đến hiện trường nơi có Tài sản để hỗ trợ và hướng dẫn Bên B trong quá trình chuyển giao Tài sản.
- 5.9. Thực hiện các thủ tục để hỗ trợ Bên B đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản theo quy định pháp luật.
- 5.10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 6.1. Yêu cầu Bên A giao Tài sản đúng số lượng, chủng loại tình trạng, tiền độ và địa điểm theo quy định của Hợp Đồng này.

- 6.2. Kiểm tra số lượng, quy cách, phẩm chất, tình trạng của Tài sản được bán giao tại thời điểm Hai Bên bán giao.
- 6.3. Từ chối nhận Tài sản nếu Tài sản được giao không phù hợp theo quy định của Hợp Đồng này.
- 6.4. Thông báo và yêu cầu Bên A sửa chữa/khắc phục hoặc có biện pháp xử lý phù hợp đối với những lỗi/hư hỏng của Tài sản (nếu có).
- 6.5. Tạm ngưng thanh toán bất kỳ khoản khoản thanh toán nào cho Bên A khi chưa nhận chuyển nhượng được Tài sản hợp lệ theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 6.6. Cử đại diện phối hợp với Bên A trong quá trình bán giao Tài sản, phối hợp cùng Bên A lập Biên Bản Bán Giao Tài sản.
- 6.7. Thanh toán đúng hạn, đầy đủ cho Bên A theo quy định của Hợp Đồng này.
- 6.8. Bằng chi phí của mình, thực hiện các thủ tục để hoàn thiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với Tài sản theo quy định pháp luật.
- 6.9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. BẤT KHẢ KHÁNG

- 7.1. Sự kiện Bất khả kháng được hiểu là những sự kiện không thể lường trước, không thể tránh được, nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên và ngăn cản các Bên thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp Đồng này. Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn ở dịch bệnh, cháy nổ, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc các thảm họa thiên tai khác; tình trạng khẩn cấp, bạo loạn, bạo động, chiến tranh và khủng hoảng kinh tế của quốc gia, sự thay đổi của pháp luật và chính sách của nhà nước; lỗi hệ thống, đứt cáp quang, mất tín hiệu kết nối, mạng của các Bên bị xâm nhập; hoặc các sự kiện khác xảy ra mà một Bên không thể kiểm soát, ngăn chặn và đó là nguyên nhân dẫn đến thất bại trong việc thực hiện nghĩa vụ của Bên bị ảnh hưởng.
- 7.2. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng phải ngay lập tức thông báo cho Bên còn lại về sự kiện, thời gian diễn ra, hậu quả dự kiến và Các Bên có nghĩa vụ bán bạc và phối hợp với nhau với đầy đủ trách nhiệm của mình để thực hiện các biện pháp khắc phục hợp lý để giảm thiểu hậu quả.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 8.1. Một trong Hai Bên sẽ bị coi là vi phạm Hợp Đồng nếu có vi phạm pháp luật tới mức không được kinh doanh theo quy định của pháp luật; không tuân thủ đúng bất kỳ thỏa thuận trong Hợp Đồng này.
- 8.2. Trường hợp một Bên vi phạm Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền áp dụng một hoặc đồng thời tất cả biện pháp sau đây:
 - (a) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo Điều 9 Hợp Đồng này;
 - (b) Tiến hành phạt vi phạm với mức phạt là 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm. Trong trường hợp này, Các Bên đồng ý rằng, 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm.
 - (c) Yêu cầu Bên vi phạm bồi thường thiệt hại thực tế đối với những vi phạm do Bên vi

phạm gây ra cho Bên bị vi phạm;

Để làm rõ, Các Bên đồng ý rằng, Bên vi phạm có nghĩa vụ thanh toán tiền phạt/bồi thường cho Bên bị vi phạm theo thời hạn do Bên bị vi phạm yêu cầu.

ĐIỀU 9. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng chấm dứt trong trường hợp sau:

- 9.1. Các Bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong Hợp Đồng này hoặc Các Bên đã ký kết các hợp đồng riêng rẽ để chuyển nhượng toàn bộ Tài sản theo Phụ lục 01 Hợp đồng này
- 9.2. Các Bên có thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng này (trong trường hợp này, Hợp Đồng này sẽ chấm dứt theo thỏa thuận chấm dứt đó);
- 9.3. Một Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng do vi phạm của Bên còn lại.

Nếu một trong Hai Bên vi phạm Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trước trước ít nhất 05 (năm) ngày tính đến thời điểm chấm dứt. Trong trường hợp này, Bên bị vi phạm có quyền thực hiện Điều 8.2 Hợp đồng này.

ĐIỀU 10. BẢO MẬT

- 10.1. Các Bên sẽ bảo mật và không tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp Đồng này và thông tin mà Các Bên nhận được trong quá trình thực hiện Hợp Đồng và sau khi Hợp Đồng chấm dứt ngoại trừ:
 - (a) Theo yêu cầu của luật pháp Việt Nam hoặc do yêu cầu của một cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền;
 - (b) Theo thỏa thuận giữa Hai Bên.
- 10.2. Hai Bên cam kết không sử dụng thông tin được cung cấp bởi Bên còn lại cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này, trừ trường hợp Hai Bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 11.1. Hợp Đồng này được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
- 11.2. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một Bên vi phạm Hợp Đồng thì Hai Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Trường hợp không thương lượng được, Hai Bên thống nhất sẽ đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Thành phố Hải Phòng. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà Hai Bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do Bên vi phạm chịu.
- 11.3. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này chỉ có hiệu lực khi được Hai Bên thống nhất và lập thành văn bản.
- 11.4. Tất cả các thông báo, yêu cầu hoặc trao đổi liên lạc liên quan đến Hợp Đồng này và các Phụ lục Hợp Đồng (nếu có) giữa Hai Bên ("Thông Báo") phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và được gửi đến địa chỉ của Các Bên như đã nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này.

11.5. Không Bên nào được quyền chuyển nhượng, chuyển giao Hợp Đồng này hay quyền, nghĩa vụ liên quan đến Hợp Đồng này cho bất kỳ Bên Thứ Ba nào khi chưa được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại.

11.6. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, và được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

Với sự hiểu biết và tin cậy, tại đây, đại diện hợp pháp của Các Bên đã tiến hành ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm được ghi ở phần đầu tiên của Hợp Đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Lê Quang Huy

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Đông Trung Hải

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC TÀI SẢN VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN

STT	Loại phương tiện	Số lượng (phương tiện)	Thành tiền (VNĐ)	Tài liệu kèm theo
1.	SƠ MI RƠ MOOC	35	1.110.000.000	
1	Sơ mi rơ moóc (chở Container) đã qua sử dụng Nhãn hiệu: JINDAO Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 1999	04	120.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
2	Sơ mi rơ moóc (chở Container) đã qua sử dụng Nhãn hiệu: KRNG Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2000	03	90.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
3	Sơ mi rơ moóc (chở Container) đã qua sử dụng Nhãn hiệu: CHIENYOUVN Nước sản xuất: Việt Nam Năm sản xuất: 2004	02	60.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
4	Sơ mi rơ moóc (chở Container) đã qua sử dụng Nhãn hiệu: JUPITER Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2006	02	60.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
5	Sơ mi rơ moóc (chở Container) đã qua sử dụng Nhãn hiệu: YINDAO Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2007	03	90.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
6	Sơ mi rơ moóc (chở Container) đã qua sử dụng Nhãn hiệu: YINDAO Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2008	04	120.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

7	Sơ mi tơ mooc (chờ Container) đã qua sử dụng Nhân hiệu: HUANYA Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2007	04	120.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký sơ mi tơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
8	Sơ mi tơ mooc (chờ Container) đã qua sử dụng Nhân hiệu: CIMC Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2009	01	30.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký sơ mi tơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
9	Sơ mi tơ mooc (chờ Container) đã qua sử dụng Nhân hiệu: KCT Nước sản xuất: Việt Nam Năm sản xuất: 2012	01	30.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký sơ mi tơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
10	Sơ mi tơ mooc (chờ Container) đã qua sử dụng Nhân hiệu: KCT Nước sản xuất: Việt Nam Năm sản xuất: 2013	06	180.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký sơ mi tơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
11	Sơ mi tơ mooc (chờ Container) đã qua sử dụng Nhân hiệu: HOANGSA Nước sản xuất: Việt Nam Năm sản xuất: 2015	02	60.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký sơ mi tơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
12	Sơ mi tơ mooc (chờ Container) đã qua sử dụng Nhân hiệu: KCT Nước sản xuất: Việt Nam Năm sản xuất: 2018	03	150.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký sơ mi tơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
11.	XE ĐÀU KÉO	13	550.000.000	
I.	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng Nhân hiệu: Freightliner Nước sản xuất: Mỹ Năm sản xuất: 2005	02	100.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

2	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Freightliner Nước sản xuất: Mỹ Năm sản xuất: 2007	03	210.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
3	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng Nhãn hiệu: MAZ Nước sản xuất: Belarus Năm sản xuất: 2006	03	90.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
4	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng Nhãn hiệu: FAW Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2008	05	150.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
III.	XE NẶNG VỎ 10T	02	1.550.000.000	
1	Xe nâng container vỏ đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Kalmar Sức nâng: 10T Nước sản xuất: Thụy Điển Năm sản xuất: 2008	02	1.550.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
IV.	XE NẶNG HẰNG 41T	02	2.200.000.000	
1	Xe nâng container hàng 41T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Kalmar Nước sản xuất: Thụy điển Năm sản xuất: 2008	01	1.100.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
2	Xe nâng container hàng 41T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Kalmar Nước sản xuất: Thụy điển Năm sản xuất: 2013	01	1.100.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
V.	XE NẶNG HẰNG 45T	03	6.890.000.000	
1	Xe nâng container hàng 45T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Hyster Nước sản xuất: Hà Lan Năm sản xuất: 2016	01	1.500.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.

2	Xe nâng container hàng 45T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Hyster Nước sản xuất: Hà Lan Năm sản xuất: 2015	01	1.500.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
3	Xe nâng container hàng 45T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Hyster Nước sản xuất: Hà Lan Năm sản xuất: 2019	01	3.890.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
VI.	XE NÂNG HÀNG 46T	01	1.500.000.000	
1	Xe nâng container hàng 46T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Hyster Nước sản xuất: Hà Lan Năm sản xuất: 2018	01	1.500.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
VII.	XE NÂNG DẦU 3T	05	1.197.000.000	
1	Xe nâng dầu 3T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM FD30T3Z Nước sản xuất: Nhật Bản Năm sản xuất: 2018	02	200.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
2	Xe nâng dầu 3T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM FD30T3Z Nước sản xuất: Nhật Bản Năm sản xuất: 2022	02	872.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
3	Xe nâng dầu 3T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM FD30T3Z Nước sản xuất: Nhật Bản Năm sản xuất: 2015	01	125.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
VIII.	XE NÂNG DẦU 4,5T	01	175.000.000	
1	Xe nâng dầu 4,5T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM FD45T9 Nước sản xuất: Nhật bản Năm sản xuất: 2015	01	175.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
IX.	XE NÂNG ĐIỆN	17	2.828.000.000	
1	Xe nâng điện đã qua sử dụng Nhãn hiệu: BTRRE160	01	60.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.

	Nước sản xuất: Thụy điển Năm sản xuất: 2011			
2	Xe nâng điện đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM-FB 18-8 Nước sản xuất: Nhật bản Năm sản xuất: 2013	01	98.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
3	Xe nâng điện đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM-FB 18-8 Nước sản xuất: Nhật Bản Năm sản xuất: 2014	02	350.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
4	Xe nâng điện đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM FRHB 18-8 Nước sản xuất: Nhật bản Năm sản xuất: 2013	04	392.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
5	Xe nâng điện đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM FRSB 14-8 Nước sản xuất: Nhật Bản Năm sản xuất: 2016	04	684.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
6	Xe nâng điện đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM FRSB 14-8 Nước sản xuất: Nhật bản Năm sản xuất: 2013	03	462.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
7	Xe nâng điện 3T đã qua sử dụng Nhãn hiệu: TCM (FRSB 14-9) Nước sản xuất: Trung Quốc Năm sản xuất: 2020	02	782.000.000	- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật.
	Tổng cộng	79	18.000.000.000	

SẢN PHẨM CHÍNH

ngày...tháng...năm 20...đl.



GIÁM ĐỐC

Dũng Trung Hải

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Số: 38/HĐCNTS/GLC-GIC

Giữa

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRUNG TÂM LOGISTICS XANH

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Hải Phòng 29/08/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ,
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI**

Số: 38/HĐCNTS/GLC-GJC

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào nhu cầu và thỏa thuận của hai bên.

Hợp đồng chuyển nhượng máy móc, thiết bị này được ký kết ngày 29/08/2025 giữa các bên có thông tin dưới đây:

BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TRUNG TÂM LOGISTICS XANH

Mã số thuế : 0201263312
Địa chỉ : Lô đất CN3.2G, KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.3979550
Đại diện : Ông Lê Quang Huy
Chức vụ : Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000146868 Tại Ngân hàng VCB - Chi nhánh Hải Phòng

(Sau đây gọi là Bên A)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Mã số thuế : 0201768923
Địa chỉ : Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.2838666
Đại diện : Ông Đồng Trung Hải
Chức vụ : Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000285868 Tại Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng

(Sau đây gọi là Bên B)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "Hai Bên" hoặc "Các Bên" tùy theo ngữ cảnh.

Xét rằng:

1. Bên A là chủ sở hữu hợp pháp toàn bộ máy móc, thiết bị ("**Tài sản**") được nêu và liệt kê tại **Phụ lục 01 danh mục Tài sản** đính kèm Hợp đồng này và Bên A có nhu cầu chuyển nhượng toàn bộ tài sản cho Bên B.
2. Bên B là công ty được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, có nhu cầu nhận chuyển nhượng từ Bên A toàn bộ Tài sản để phục vụ cho nhu cầu của Bên B, phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam.

Sau khi bàn bạc thống nhất, các Bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với các nội dung và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. "**Hợp Đồng**" được hiểu là Hợp đồng chuyển nhượng máy móc, thiết bị này bao gồm phụ lục 01 kèm theo được ký kết bởi các Bên và tất cả các văn bản khác được các Bên thỏa thuận tạo thành một phần của Hợp Đồng.
- 1.2. "**Phụ lục Hợp Đồng**" là nội dung không thể tách rời với Hợp Đồng. Phụ lục Hợp Đồng có thể được lập bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.
- 1.3. "**Tài sản**" được hiểu là tài sản mà Bên A chuyển nhượng cho Bên B theo thông tin chi tiết tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này.
- 1.4. "**Biên Bản Bàn Giao Tài sản**" được hiểu là biên bản xác nhận về việc Bên A đã chuyển giao Tài sản cho Bên B, được lập bởi Bên A và Bên B.
- 1.5. "**Giá Trị Hợp Đồng**" được hiểu là giá trị được xác định theo quy định tại Điều 2.2 Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

2.1. Đối tượng Hợp Đồng

Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ Tài sản như được liệt kê chi tiết tại **Phụ lục 01 Hợp Đồng** này.

Để làm rõ, Hợp Đồng này quy định những nguyên tắc trong việc chuyển nhượng Tài sản. Tùy từng trường hợp, Hai Bên có thể ký kết từng hợp đồng riêng đối với từng Tài sản theo quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần). Thời gian ký kết hợp đồng mua bán từng tài sản do hai Bên thỏa thuận và thống nhất. Các hợp đồng được lập phát sinh từ Hợp đồng này sẽ phải tuân thủ và phù hợp với các điều kiện thỏa thuận tại Hợp đồng này.

2.2. Tổng Giá trị Hợp Đồng

- Tổng giá trị Hợp đồng là: **3.600.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Ba tỷ sáu trăm triệu đồng)**.

Chi tiết Giá trị của Tài sản quy định tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này được nêu tại **Phụ lục 01 đính kèm Hợp Đồng**.

- Đơn giá tài sản đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng nhưng chưa bao gồm bất kỳ chi phí nào khác.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM BÁN GIAO TÀI SẢN

- 3.1. Thời điểm dự kiến bán giao Tài sản: Trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời điểm bán giao tài sản cụ thể do Hai Bên thỏa thuận.
- 3.2. Địa điểm nhận bán giao Tài sản: Tại Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh.
- 3.3. Tại thời điểm bán giao Tài Sản, Các Bên lập Biên Bản Bán Giao Tài sản có chữ ký xác nhận của đại diện hợp pháp của Hai Bên.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin tài khoản ngân hàng của Bên A nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.
- 4.2. Thời hạn thanh toán dự kiến: Bên B có thể thanh toán cho Bên A thành nhiều đợt, nhưng thời hạn thanh toán không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày bán giao Tài Sản. Bên B có quyền kiểm tra dù số lượng, chủng loại, tình trạng của Tài sản trước khi thanh toán.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 5.1. Cam kết toàn bộ Tài sản chuyển nhượng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A, không bị tranh chấp hay khiếu nại bởi bất kỳ bên thứ ba nào khác.
- 5.2. Yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hợp Đồng.
- 5.3. Bán giao, chuyển nhượng Tài sản đúng số lượng, chủng loại, tình trạng, thời gian và địa điểm cho Bên B theo quy định của Hợp Đồng này.
- 5.4. Cử đại diện phối hợp với Bên B trong quá trình bán giao Tài sản, phối hợp cùng Bên B lập Biên Bản Bán Giao Tài sản.
- 5.5. Bằng chi phí của mình, tự chịu trách nhiệm bảo quản, giữ gìn an toàn, an ninh Tài sản cho đến thời điểm Bên A bán giao xong Tài sản cho Bên B.
- 5.6. Bên A cam kết chịu toàn bộ trách nhiệm đối với Bên B và/hoặc Bên Thứ Ba trong trường hợp có thiệt hại xảy ra do nguyên nhân từ Tài sản của Bên A bị khiếm khuyết, lỗi, không đảm bảo về số lượng, chủng loại, tình trạng.
- 5.7. Theo yêu cầu của Bên B, Bên A phải bằng chi phí của mình, có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục hoặc có biện pháp xử lý phù hợp đối toàn bộ số Tài sản không đáp ứng yêu cầu về số lượng, chủng loại, tình trạng theo quy định của Hợp Đồng này.
- 5.8. Bán giao, chuyển nhượng cho Bên B đầy đủ và chi tiết toàn bộ thông tin, hướng dẫn liên quan đến việc vận chuyển/bảo quản/vận hành/sử dụng/bảo hành/bảo trì Tài sản; Cử nhân sự có chuyên môn trực tiếp đến hiện trường nơi có Tài sản để hỗ trợ và hướng dẫn Bên B trong quá trình chuyển giao Tài sản.
- 5.9. Thực hiện các thủ tục để hỗ trợ Bên B đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản theo quy định pháp luật.
- 5.10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 6.1. Yêu cầu Bên A giao Tài sản đúng số lượng, chủng loại tình trạng, tiến độ và địa điểm theo quy định của Hợp Đồng này.

- 6.2. Kiểm tra số lượng, quy cách, phẩm chất, tình trạng của Tài sản được bàn giao tại thời điểm Hai Bên bàn giao.
- 6.3. Từ chối nhận Tài sản nếu Tài sản được giao không phù hợp theo quy định của Hợp Đồng này.
- 6.4. Thông báo và yêu cầu Bên A sửa chữa/khắc phục hoặc có biện pháp xử lý phù hợp đối với những lỗi/hư hỏng của Tài sản (nếu có).
- 6.5. Tạm ngừng thanh toán bất kỳ khoản khoản thanh toán nào cho Bên A khi chưa nhận chuyển nhượng được Tài sản hợp lệ theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 6.6. Cử đại diện phối hợp với Bên A trong quá trình bán giao Tài sản, phối hợp cùng Bên A lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản.
- 6.7. Thanh toán đúng hạn, đầy đủ cho Bên A theo quy định của Hợp Đồng này.
- 6.8. Bằng chi phí của mình, thực hiện các thủ tục để hoàn thiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với Tài sản theo quy định pháp luật.
- 6.9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. BẤT KHẢ KHÁNG

- 7.1. Sự kiện Bất khả kháng được hiểu là những sự kiện không thể lường trước, không thể tránh được, nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên và ngăn cản các Bên thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp Đồng này. Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn ở dịch bệnh, cháy nổ, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc các thảm họa thiên tai khác; tình trạng khẩn cấp, bạo loạn, bạo động, chiến tranh và khủng hoảng kinh tế của quốc gia, sự thay đổi của pháp luật và chính sách của nhà nước; lỗi hệ thống, đứt cáp quang, mất tín hiệu kết nối, mạng của các Bên bị xâm nhập; hoặc các sự kiện khác xảy ra mà một Bên không thể kiểm soát, ngăn chặn và đó là nguyên nhân dẫn đến thất bại trong việc thực hiện nghĩa vụ của Bên bị ảnh hưởng.
- 7.2. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng phải ngay lập tức thông báo cho Bên còn lại về sự kiện, thời gian diễn ra, hậu quả dự kiến và Các Bên có nghĩa vụ bàn bạc và phối hợp với nhau với đầy đủ trách nhiệm của mình để thực hiện các biện pháp khắc phục hợp lý để giảm thiểu hậu quả.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 8.1. Một trong Hai Bên sẽ bị coi là vi phạm Hợp Đồng nếu có vi phạm pháp luật tới mức không được kinh doanh theo quy định của pháp luật; không tuân thủ đúng bất kỳ thỏa thuận trong Hợp Đồng này.
- 8.2. Trường hợp một Bên vi phạm Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền áp dụng một hoặc đồng thời tất cả biện pháp sau đây:
 - (a) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo Điều 9 Hợp Đồng này;
 - (b) Tiến hành phạt vi phạm với mức phạt là 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm. Trong trường hợp này, Các Bên đồng ý rằng, 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm.
 - (c) Yêu cầu Bên vi phạm bồi thường thiệt hại thực tế đối với những vi phạm do Bên vi

phạm gây ra cho Bên bị vi phạm.

Để làm rõ, Các Bên đồng ý rằng, Bên vi phạm có nghĩa vụ thanh toán tiền phạt/bồi thường cho Bên bị vi phạm theo thời hạn do Bên bị vi phạm yêu cầu.

ĐIỀU 9. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng chấm dứt trong trường hợp sau:

- 9.1. Các Bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong Hợp Đồng này hoặc Các Bên đã ký kết các hợp đồng riêng rẽ để chuyển nhượng toàn bộ Tài sản theo Phụ lục 01 Hợp đồng này
- 9.2. Các Bên có thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng này (trong trường hợp này, Hợp Đồng này sẽ chấm dứt theo thỏa thuận chấm dứt đó);
- 9.3. Một Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng do vi phạm của Bên còn lại.

Nếu một trong Hai Bên vi phạm Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trước trước ít nhất 05 (năm) ngày tính đến thời điểm chấm dứt. Trong trường hợp này, Bên bị vi phạm có quyền thực hiện Điều 8.2 Hợp đồng này.

ĐIỀU 10. BẢO MẬT

- 10.1. Các Bên sẽ bảo mật và không tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp Đồng này và thông tin mà Các Bên nhận được trong quá trình thực hiện Hợp Đồng và sau khi Hợp Đồng chấm dứt ngoại trừ:
 - (a) Theo yêu cầu của luật pháp Việt Nam hoặc do yêu cầu của một cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền;
 - (b) Theo thỏa thuận giữa Hai Bên.
- 10.2. Hai Bên cam kết không sử dụng thông tin được cung cấp bởi Bên còn lại cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này, trừ trường hợp Hai Bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 11.1. Hợp Đồng này được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
- 11.2. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một Bên vi phạm Hợp Đồng thì Hai Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Trường hợp không thương lượng được, Hai Bên thống nhất sẽ đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Thành phố Hải Phòng. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà Hai Bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do Bên vi phạm chịu.
- 11.3. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này chỉ có hiệu lực khi được Hai Bên thống nhất và lập thành văn bản.
- 11.4. Tất cả các thông báo, yêu cầu hoặc trao đổi liên lạc liên quan đến Hợp Đồng này và các Phụ lục Hợp Đồng (nếu có) giữa Hai Bên ("**Thông Báo**") phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và được gửi đến địa chỉ của Các Bên như đã nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này.

11.5. Không Bên nào được quyền chuyển nhượng, chuyển giao Hợp Đồng này hay quyền, nghĩa vụ liên quan đến Hợp Đồng này cho bất kỳ Bên Thứ Ba nào khi chưa được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại.

11.6. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, và được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

Với sự hiểu biết và tin cậy, tại đây, đại diện hợp pháp của Các Bên đã tiến hành ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm được ghi ở phần đầu tiên của Hợp Đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Lê Quang Huy

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Đông Trung Hải



PHỤ LỤC 01 DANH MỤC TÀI SẢN

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
1	Bàn nâng thủy lực A688FHE	37	999,000,000
2	Máy hút ẩm công nghiệp	15	405,000,000
3	Hệ thống máy chủ	03	114,000,000
4	Hệ thống hạ tầng điện	01	484,000,000
5	Hạ tầng mạng viễn thông điều hành khai thác	01	1,246,000,000
6	Container văn phòng	01	20,000,000
7	Hệ thống thiết bị máy móc khai thác	01	332,000,000
	Tổng cộng		3,600,000,000



NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua giao dịch mua tài sản với người có liên quan là Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VSC Green Logistics ("GIC");
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/03/2025;
- Biên bản họp HĐQT ngày 23/08/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua chủ trương ký hợp đồng mua tài sản của bên có liên quan như sau:

- Đối tượng giao dịch: Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi Sao Xanh ("GSL"). GSL là người có liên quan của cổ đông lớn của GIC - Công ty Cổ phần Container Việt Nam.
- Giá trị dự kiến: 49.600.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn)
- Nhóm tài sản dự kiến thực hiện giao dịch:
 - ✓ Phương tiện vận tải;
 - ✓ Máy móc, thiết bị.

Điều 2: Giao và ủy quyền cho Giám đốc Công ty thuê đơn vị thẩm định giá (nếu cần), đàm phán các nội dung cụ thể, ký kết các hợp đồng mua bán, các hồ sơ/giấy tờ để kê khai và nộp các khoản thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sở hữu; các văn bản, tài liệu cần thiết khác có liên quan theo quy định pháp luật, quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3: Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký, Hội đồng quản trị, Giám đốc, các bộ phận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/hiện);
- HĐQT, BKS, CBTT;
- Lưu VT Cty, Thư ký HĐQT.



NGUYỄN ĐỨC DŨNG

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ
QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0200468606

Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 06 năm 2002

Đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 05 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẠN TÀI BIỂN NGÔI SAO XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN STAR LINES ONE MEMBER LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: GS LINES

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 5 Võ Thị Sáu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0225.3836025

Số Fax: 0225.3836722

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 76.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bảy mươi sáu tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CONTAINER VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0200453688

Ngày cấp: 01/04/2002

Nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh- Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng

Địa chỉ trụ sở chính: Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: ĐÔNG TRUNG HẢI

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 28/12/1977

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 031077008290

Chức danh: Chủ tịch Công ty

Địa chỉ liên lạc: Số 12 Hoàng Văn Thụ, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍN

Số chứng thực..... Quyền sở.....-SCT/BS

Ngày 21-01-2026

Trần Văn Lăng

NGƯỜI THỰC HIỆN CHỨNG THỰC



TUQ. CHỦ TỊCH
PHÓ GIÁM ĐỐC TPPVHCC
Bùi Xuân Cường

BAO Y BẢN CHỨNG

ngày 21 tháng 01 năm 2026



GIÁM ĐỐC

Dòng Trung Hải

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Số: 169/HĐCNTS/GSL-GIC

Giữa

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI BIỂN NGÔI SAO XANH

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Hải Phòng, 29./08./2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ

Số: 169/HĐCNTS/GSL-GIC

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào nhu cầu và thỏa thuận của hai bên.

Hợp đồng chuyển nhượng máy móc, thiết bị này được ký kết ngày 29 tháng 08 năm 2025 bởi và giữa các bên có thông tin dưới đây:

**BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẠN TÀI BIỂN
NGÔI SAO XANH**

Mã số thuế : 0200468606
Địa chỉ : Số 5 Võ Thị Sáu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.3836025 Fax: 0225.3836722
Đại diện : Ông Trần Hữu Thắng (Theo ủy quyền số 03/2025-UQ ngày 25/08/2025)
Chức vụ : Phó Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000002566 Tại Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng
(Sau đây gọi là Bên A)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Mã số thuế : 0201768923
Địa chỉ : Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.2838666
Đại diện : Ông Đồng Trung Hải
Chức vụ : Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000285868 Tại Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng
(Sau đây gọi là Bên B)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "Hai Bên" hoặc "Các Bên" tùy theo ngữ cảnh.

Xét rằng:



1. Bên A là chủ sở hữu hợp pháp toàn bộ máy móc, thiết bị ("**Tài sản**") được nêu và liệt kê tại **Phụ lục 01 Danh mục Tài sản và Giá trị Tài sản** đính kèm Hợp đồng này và Bên A có nhu cầu chuyển nhượng toàn bộ tài sản cho Bên B.
2. Bên B là công ty được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, có nhu cầu nhận chuyển nhượng từ Bên A toàn bộ Tài sản để phục vụ cho nhu cầu của Bên B, phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam.

Sau khi bàn bạc thống nhất, Các Bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với các nội dung và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. "**Hợp Đồng**" được hiểu là Hợp đồng chuyển nhượng máy móc, thiết bị này, bao gồm cả các phụ lục kèm theo được ký kết bởi Các Bên và tất cả các văn bản khác được Các Bên thỏa thuận tạo thành một phần của Hợp Đồng.
- 1.2. "**Phụ lục Hợp Đồng**" là nội dung không thể tách rời với Hợp Đồng. Phụ lục Hợp Đồng có thể được lập bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.
- 1.3. "**Tài sản**" được hiểu là tài sản mà Bên A chuyển nhượng cho Bên B theo thông tin chi tiết tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này.
- 1.4. "**Biên Bản Bàn Giao Tài sản**" được hiểu là biên bản xác nhận về việc Bên A đã chuyển giao Tài sản cho Bên B, được lập bởi Bên A và Bên B.
- 1.5. "**Giá Trị Hợp Đồng**" được hiểu là giá trị được xác định theo quy định tại Điều 2.2 Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

2.1. Đối tượng Hợp Đồng

Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ Tài sản như được liệt kê chi tiết tại **Phụ lục 01 Hợp Đồng** này.

Để làm rõ, Hợp Đồng này quy định những nguyên tắc trong việc chuyển nhượng Tài sản. Tùy từng trường hợp, Hai Bên có thể ký kết từng hợp đồng riêng đối với từng Tài sản theo quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần). Thời gian ký kết hợp đồng mua bán từng tài sản do Hai Bên thỏa thuận và thống nhất. Các hợp đồng được lập phát sinh từ Hợp đồng này sẽ phải tuân thủ và phù hợp với các điều kiện thỏa thuận tại Hợp đồng này.

2.2. Tổng Giá trị Hợp Đồng

- Tổng Giá Trị Hợp Đồng là: **600.000.000 VND** (Bằng chữ: *Sáu trăm triệu đồng*). Chi tiết Giá trị của Tài sản quy định tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này được nêu tại **Phụ lục 01 đính kèm Hợp Đồng**.
- Đơn giá Tài sản đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng nhưng chưa bao gồm bất kỳ chi phí nào khác.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM BÀN GIAO TÀI SẢN

- 3.1. Thời điểm dự kiến bàn giao Tài sản: Trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời điểm bàn giao tài sản cụ thể do Hai Bên thỏa thuận.
- 3.2. Địa điểm nhận bàn giao Tài sản: Tại Công ty Cổ phần VSC Green Logistics và/hoặc địa điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản của Hai Bên.
- 3.3. Tại thời điểm bàn giao Tài Sản, Các Bên lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản có chữ ký xác nhận của đại diện hợp pháp của Hai Bên.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin tài khoản ngân hàng của Bên A nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.
- 4.2. Thời hạn thanh toán dự kiến: Bên B có thể thanh toán cho Bên A thành nhiều đợt, nhưng thời hạn thanh toán không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày bàn giao Tài Sản. Bên B có quyền kiểm tra đủ số lượng, chủng loại, tình trạng của Tài sản trước khi thanh toán.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 5.1. Cam kết toàn bộ Tài sản chuyển nhượng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A, không bị tranh chấp hay khiếu nại bởi bất kỳ bên thứ ba nào khác.
- 5.2. Yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hợp Đồng.
- 5.3. Bàn giao, chuyển nhượng Tài sản đúng số lượng, chủng loại, tình trạng, thời gian và địa điểm cho Bên B theo quy định của Hợp Đồng này.
- 5.4. Cử đại diện phối hợp với Bên B trong quá trình bàn giao Tài sản, phối hợp cùng Bên B lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản.
- 5.5. Bằng chi phí của mình, tự chịu trách nhiệm bảo quản, giữ gìn an toàn, an ninh Tài sản cho đến thời điểm Bên A bàn giao xong Tài sản cho Bên B.
- 5.6. Bên A cam kết chịu toàn bộ trách nhiệm đối với Bên B và/hoặc Bên Thứ Ba trong trường hợp có thiệt hại xảy ra do nguyên nhân từ Tài sản của Bên A bị khiếm khuyết, lỗi, không đảm bảo về số lượng, chủng loại, tình trạng.
- 5.7. Theo yêu cầu của Bên B, Bên A phải bằng chi phí của mình, có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục hoặc có biện pháp xử lý phù hợp đối toàn bộ số Tài sản không đáp ứng yêu cầu về số lượng, chủng loại, tình trạng theo quy định của Hợp Đồng này.
- 5.8. Bàn giao, chuyển nhượng cho Bên B đầy đủ và chi tiết toàn bộ thông tin, hướng dẫn liên quan đến việc vận chuyển/bảo quản/vận hành/sử dụng/bảo hành/bảo trì Tài sản; Cử nhân sự có chuyên môn trực tiếp đến hiện trường nơi có Tài sản để hỗ trợ và hướng dẫn Bên B trong quá trình chuyển giao Tài sản.
- 5.9. Thực hiện các thủ tục để hỗ trợ Bên B đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản theo quy định pháp luật.
- 5.10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 6.1. Yêu cầu Bên A giao Tài sản đúng số lượng, chủng loại tình trạng, tiến độ và địa điểm theo quy định của Hợp Đồng này.

- 6.2. Kiểm tra số lượng, quy cách, phẩm chất, tình trạng của Tài sản được bàn giao tại thời điểm Hai Bên bàn giao.
- 6.3. Từ chối nhận Tài sản nếu Tài sản được giao không phù hợp theo quy định của Hợp Đồng này.
- 6.4. Thông báo và yêu cầu Bên A sửa chữa/khắc phục hoặc có biện pháp xử lý phù hợp đối với những lỗi/hư hỏng của Tài sản (nếu có).
- 6.5. Tạm ngừng thanh toán bất kỳ khoản khoản thanh toán nào cho Bên A khi chưa nhận chuyển nhượng được Tài sản hợp lệ theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 6.6. Cử đại diện phối hợp với Bên A trong quá trình bàn giao Tài sản, phối hợp cùng Bên A lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản.
- 6.7. Thanh toán đúng hạn, đầy đủ cho Bên A theo quy định của Hợp Đồng này.
- 6.8. Bằng chi phí của mình, thực hiện các thủ tục để hoàn thiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với Tài sản theo quy định pháp luật.
- 6.9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. BẤT KHẢ KHÁNG

- 7.1. Sự kiện Bất khả kháng được hiểu là những sự kiện không thể lường trước, không thể tránh được, nằm ngoài tầm kiểm soát của Các Bên và ngăn cản Các Bên thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp Đồng này. Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn ở dịch bệnh, cháy nổ, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc các thảm họa thiên tai khác; tình trạng khẩn cấp, bạo loạn, bạo động, chiến tranh và khủng hoảng kinh tế của quốc gia, sự thay đổi của pháp luật và chính sách của nhà nước; lỗi hệ thống, đứt cáp quang, mất tín hiệu kết nối, mạng của Các Bên bị xâm nhập; hoặc các sự kiện khác xảy ra mà một Bên không thể kiểm soát, ngăn chặn và đó là nguyên nhân dẫn đến thất bại trong việc thực hiện nghĩa vụ của Bên bị ảnh hưởng.
- 7.2. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng phải ngay lập tức thông báo cho Bên còn lại về sự kiện, thời gian diễn ra, hậu quả dự kiến và Các Bên có nghĩa vụ bàn bạc và phối hợp với nhau với đầy đủ trách nhiệm của mình để thực hiện các biện pháp khắc phục hợp lý để giảm thiểu hậu quả.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 8.1. Một trong Hai Bên sẽ bị coi là vi phạm Hợp Đồng nếu có vi phạm pháp luật tới mức không được kinh doanh theo quy định của pháp luật; không tuân thủ đúng bất kỳ thỏa thuận trong Hợp Đồng này.
- 8.2. Trường hợp một Bên vi phạm Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền áp dụng một hoặc đồng thời tất cả biện pháp sau đây:
 - (a) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo Điều 9 Hợp Đồng này;
 - (b) Tiến hành phạt vi phạm với mức phạt là 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm. Trong trường hợp này, Các Bên đồng ý rằng, 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm.
 - (c) Yêu cầu Bên vi phạm bồi thường thiệt hại thực tế đối với những vi phạm do Bên vi

phạm gây ra cho Bên bị vi phạm.

Để làm rõ, Các Bên đồng ý rằng, Bên vi phạm có nghĩa vụ thanh toán tiền phạt/bồi thường cho Bên bị vi phạm theo thời hạn do Bên bị vi phạm yêu cầu.

ĐIỀU 9. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng chấm dứt trong trường hợp sau:

- 9.1. Các Bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong Hợp Đồng này hoặc Các Bên đã ký kết các hợp đồng riêng rẽ để chuyển nhượng toàn bộ Tài sản theo Phụ lục 01 Hợp đồng này
- 9.2. Các Bên có thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng này (trong trường hợp này, Hợp Đồng này sẽ chấm dứt theo thỏa thuận chấm dứt đó);
- 9.3. Một Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng do vi phạm của Bên còn lại.

Nếu một trong Hai Bên vi phạm Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trước trước ít nhất 05 (năm) ngày tính đến thời điểm chấm dứt. Trong trường hợp này, Bên bị vi phạm có quyền thực hiện Điều 8.2 Hợp đồng này.

ĐIỀU 10. BẢO MẬT

- 10.1. Các Bên sẽ bảo mật và không tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp Đồng này và thông tin mà Các Bên nhận được trong quá trình thực hiện Hợp Đồng và sau khi Hợp Đồng chấm dứt ngoại trừ:
 - (a) Theo yêu cầu của luật pháp Việt Nam hoặc do yêu cầu của một cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền;
 - (b) Theo thỏa thuận giữa Hai Bên.
- 10.2. Hai Bên cam kết không sử dụng thông tin được cung cấp bởi Bên còn lại cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này, trừ trường hợp Hai Bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 11.1. Hợp Đồng này được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
- 11.2. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một Bên vi phạm Hợp Đồng thì Hai Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Trường hợp không thương lượng được, Hai Bên thống nhất sẽ đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Thành phố Hải Phòng. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà Hai Bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do Bên vi phạm chịu.
- 11.3. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này chỉ có hiệu lực khi được Hai Bên thống nhất và lập thành văn bản.
- 11.4. Tất cả các thông báo, yêu cầu hoặc trao đổi liên lạc liên quan đến Hợp Đồng này và các Phụ lục Hợp Đồng (nếu có) giữa Hai Bên ("**Thông Báo**") phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và được gửi đến địa chỉ của Các Bên như đã nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này.

11.5. Không Bên nào được quyền chuyển nhượng, chuyển giao Hợp Đồng này hay quyền, nghĩa vụ liên quan đến Hợp Đồng này cho bất kỳ Bên Thứ Ba nào khi chưa được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại.

11.6. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, và được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

Với sự hiểu biết và tin cậy, tại đây, đại diện hợp pháp của Các Bên đã tiến hành ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm được ghi ở phần đầu tiên của Hợp Đồng.



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Hữu Cường

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Đông Trung Hải

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC TÀI SẢN VÀ GIÁ TRỊ NHƯỢNG BÁN

STT	Tên tài sản, tình trạng, quy cách	Số lượng (Hệ thống)	Giá trị (VNĐ)
1	Hệ thống thiết bị xưởng sửa chữa	01	397.000.000
2	Hệ thống thiết bị văn phòng	01	203.000.000
	Tổng giá trị	02	600.000.000



SAO VÀNG CHỨNG

Ngày 24 tháng 01 năm 2026



GIÁM ĐỐC

Dòng Trung Hải

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG PHƯƠNG TIỆN

Số: 170/HDCNTS/GSL-GIC.

Giữa

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI BIỂN NGÔI SAO XANH

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Hải Phòng, 29/09/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG PHƯƠNG TIỆN

Số: 170/HĐCNTS/GSL-GIC

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào nhu cầu và thỏa thuận của hai bên.

Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện này được ký kết ngày 29 tháng 08 năm 2025. bởi và giữa các bên có thông tin dưới đây:

**BÊN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẠN TÀI BIÊN
NGÔI SAO XANH**

Mã số thuế : 0200468606
Địa chỉ : Số 5 Võ Thị Sáu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.3836025 Fax: 0225.3836722
Đại diện : Ông Trần Hữu Thắng (Theo ủy quyền số 03/2025-UQ ngày 25/08/2025)
Chức vụ : Phó Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000002566 Tại Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng
(Sau đây gọi là Bên A)

BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG: CÔNG TY CỔ PHẦN VSC GREEN LOGISTICS

Mã số thuế : 0201768923
Địa chỉ : Lô CC2 - Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại : 0225.2838666
Đại diện : Ông Đồng Trung Hải
Chức vụ : Giám đốc
Tài khoản ngân hàng : 0031000285868 Tại Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng
(Sau đây gọi là Bên B)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "Hai Bên" hoặc "Các Bên" tùy theo ngữ cảnh.

Xét rằng:



1. Bên A là chủ sở hữu hợp pháp toàn bộ phương tiện ("**Tài sản**") được nêu và liệt kê tại **Phụ lục 01 Danh mục Tài sản và Giá trị Tài sản** đính kèm Hợp đồng này và Bên A có nhu cầu chuyển nhượng toàn bộ tài sản cho Bên B.
2. Bên B là công ty được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, có nhu cầu nhận chuyển nhượng từ Bên A toàn bộ Tài sản để phục vụ cho nhu cầu của Bên B, phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam.

Sau khi bàn bạc thống nhất, Các Bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với các nội dung và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. "**Hợp Đồng**" được hiểu là Hợp đồng chuyển nhượng phương tiện này, bao gồm cả các phụ lục kèm theo được ký kết bởi Các Bên và tất cả các văn bản khác được Các Bên thỏa thuận tạo thành một phần của Hợp Đồng.
- 1.2. "**Phụ lục Hợp Đồng**" là nội dung không thể tách rời với Hợp Đồng. Phụ lục Hợp Đồng có thể được lập bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.
- 1.3. "**Tài sản**" được hiểu là tài sản mà Bên A chuyển nhượng cho Bên B theo thông tin chi tiết tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này.
- 1.4. "**Biên Bản Bàn Giao Tài sản**" được hiểu là biên bản xác nhận về việc Bên A đã chuyển giao Tài sản cho Bên B, được lập bởi Bên A và Bên B.
- 1.5. "**Giá Trị Hợp Đồng**" được hiểu là giá trị được xác định theo quy định tại Điều 2.2 Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

2.1. Đối tượng Hợp Đồng

Bên A đồng ý chuyển nhượng và Bên B đồng ý nhận chuyển nhượng toàn bộ Tài sản, bao gồm: 123 xe ô tô đầu kéo, 123 sơ mi rơ moóc tải (chở Container) như được liệt kê chi tiết tại **Phụ lục 01 Hợp Đồng** này.

Để làm rõ, Hợp Đồng này quy định những nguyên tắc trong việc chuyển nhượng Tài sản. Tùy từng trường hợp, Hai Bên có thể ký kết từng hợp đồng riêng đối với từng Tài sản theo quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu cần). Thời gian ký kết hợp đồng mua bán từng tài sản do Hai Bên thỏa thuận và thống nhất. Các hợp đồng được lập phát sinh từ Hợp đồng này sẽ phải tuân thủ và phù hợp với các điều kiện thỏa thuận tại Hợp đồng này.

2.2. Tổng Giá trị Hợp Đồng

- Tổng Giá Trị Hợp Đồng là: 49.000.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Bốn mươi chín tỷ đồng chẵn*). Chi tiết Giá trị của Tài sản quy định tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này được nêu tại **Phụ lục 01 đính kèm Hợp Đồng**.
- Đơn giá Tài sản đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng nhưng chưa bao gồm bất kỳ chi phí nào khác.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM BÀN GIAO TÀI SẢN



- 3.1. Thời điểm dự kiến bàn giao Tài sản: Trong thời hạn 09 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời điểm bàn giao tài sản cụ thể do Hai Bên thỏa thuận.
- 3.2. Địa điểm nhận bàn giao Tài sản: Tại Công ty Cổ phần VSC Green Logistics và/hoặc địa điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản của Hai Bên.
- 3.3. Tại thời điểm bàn giao Tài Sản, Các Bên lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản có chữ ký xác nhận của đại diện hợp pháp của Hai Bên.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A bằng hình thức chuyển khoản theo thông tin tài khoản ngân hàng của Bên A nêu tại phần đầu của Hợp đồng này.
- 4.2. Thời hạn thanh toán dự kiến: Bên B có thể thanh toán cho Bên A thành nhiều đợt, nhưng thời hạn thanh toán không muộn hơn 30 ngày kể từ ngày bàn giao Tài Sản. Bên B có quyền kiểm tra đủ số lượng, chủng loại, tình trạng của Tài sản trước khi thanh toán.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 5.1. Cam kết toàn bộ Tài sản chuyển nhượng thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A, không bị tranh chấp hay khiếu nại bởi bất kỳ bên thứ ba nào khác.
- 5.2. Yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hợp Đồng.
- 5.3. Bàn giao, chuyển nhượng Tài sản đúng số lượng, chủng loại, tình trạng, thời gian và địa điểm cho Bên B theo quy định của Hợp Đồng này.
- 5.4. Cử đại diện phối hợp với Bên B trong quá trình bàn giao Tài sản, phối hợp cùng Bên B lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản.
- 5.5. Bằng chi phí của mình, tự chịu trách nhiệm bảo quản, giữ gìn an toàn, an ninh Tài sản cho đến thời điểm Bên A bàn giao xong Tài sản cho Bên B.
- 5.6. Bên A cam kết chịu toàn bộ trách nhiệm đối với Bên B và/hoặc Bên Thứ Ba trong trường hợp có thiệt hại xảy ra do nguyên nhân từ Tài sản của Bên A bị khiếm khuyết, lỗi, không đảm bảo về số lượng, chủng loại, tình trạng.
- 5.7. Theo yêu cầu của Bên B, Bên A phải bằng chi phí của mình, có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục hoặc có biện pháp xử lý phù hợp đối toàn bộ số Tài sản không đáp ứng yêu cầu về số lượng, chủng loại, tình trạng theo quy định của Hợp Đồng này.
- 5.8. Bàn giao, chuyển nhượng cho Bên B đầy đủ và chi tiết toàn bộ thông tin, hướng dẫn liên quan đến việc vận chuyển/bảo quản/vận hành/sử dụng/bảo hành/bảo trì Tài sản; Cử nhân sự có chuyên môn trực tiếp đến hiện trường nơi có Tài sản để hỗ trợ và hướng dẫn Bên B trong quá trình chuyển giao Tài sản.
- 5.9. Thực hiện các thủ tục để hỗ trợ Bên B đăng ký quyền sở hữu đối với tài sản theo quy định pháp luật.
- 5.10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

- 6.1. Yêu cầu Bên A giao Tài sản đúng số lượng, chủng loại tình trạng, tiến độ và địa điểm theo quy định của Hợp Đồng này.

- 6.2. Kiểm tra số lượng, quy cách, phẩm chất, tình trạng của Tài sản được bàn giao tại thời điểm Hai Bên bàn giao.
- 6.3. Từ chối nhận Tài sản nếu Tài sản được giao không phù hợp theo quy định của Hợp Đồng này.
- 6.4. Thông báo và yêu cầu Bên A sửa chữa/khắc phục hoặc có biện pháp xử lý phù hợp đối với những lỗi/hư hỏng của Tài sản (nếu có).
- 6.5. Tạm ngừng thanh toán bất kỳ khoản khoản thanh toán nào cho Bên A khi chưa nhận chuyển nhượng được Tài sản hợp lệ theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 6.6. Cử đại diện phối hợp với Bên A trong quá trình bàn giao Tài sản, phối hợp cùng Bên A lập Biên Bản Bàn Giao Tài sản.
- 6.7. Thanh toán đúng hạn, đầy đủ cho Bên A theo quy định của Hợp Đồng này.
- 6.8. Bằng chi phí của mình, thực hiện các thủ tục để hoàn thiện việc đăng ký quyền sở hữu đối với Tài sản theo quy định pháp luật.
- 6.9. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. BẤT KHẢ KHÁNG

- 7.1. Sự kiện Bất khả kháng được hiểu là những sự kiện không thể lường trước, không thể tránh được, nằm ngoài tầm kiểm soát của Các Bên và ngăn cản Các Bên thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp Đồng này. Sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn ở dịch bệnh, cháy nổ, lũ lụt, động đất, sóng thần hoặc các thảm họa thiên tai khác; tình trạng khẩn cấp, bạo loạn, bạo động, chiến tranh và khủng hoảng kinh tế của quốc gia, sự thay đổi của pháp luật và chính sách của nhà nước; lỗi hệ thống, đứt cáp quang, mất tín hiệu kết nối, mạng của Các Bên bị xâm nhập; hoặc các sự kiện khác xảy ra mà một Bên không thể kiểm soát, ngăn chặn và đó là nguyên nhân dẫn đến thất bại trong việc thực hiện nghĩa vụ của Bên bị ảnh hưởng.
- 7.2. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, Bên bị ảnh hưởng phải ngay lập tức thông báo cho Bên còn lại về sự kiện, thời gian diễn ra, hậu quả dự kiến và Các Bên có nghĩa vụ bàn bạc và phối hợp với nhau với đầy đủ trách nhiệm của mình để thực hiện các biện pháp khắc phục hợp lý để giảm thiểu hậu quả.

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 8.1. Một trong Hai Bên sẽ bị coi là vi phạm Hợp Đồng nếu có vi phạm pháp luật tới mức không được kinh doanh theo quy định của pháp luật; không tuân thủ đúng bất kỳ thỏa thuận trong Hợp Đồng này.
- 8.2. Trường hợp một Bên vi phạm Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền áp dụng một hoặc đồng thời tất cả biện pháp sau đây:
- (a) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo Điều 9 Hợp Đồng này;
 - (b) Tiến hành phạt vi phạm với mức phạt là 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm. Trong trường hợp này, Các Bên đồng ý rằng, 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp Đồng bị vi phạm.
 - (c) Yêu cầu Bên vi phạm bồi thường thiệt hại thực tế đối với những vi phạm do Bên vi

phạm gây ra cho Bên bị vi phạm.

Để làm rõ, Các Bên đồng ý rằng, Bên vi phạm có nghĩa vụ thanh toán tiền phạt/bồi thường cho Bên bị vi phạm theo thời hạn do Bên bị vi phạm yêu cầu.

ĐIỀU 9. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp Đồng chấm dứt trong trường hợp sau:

- 9.1. Các Bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong Hợp Đồng này hoặc Các Bên đã ký kết các hợp đồng riêng rẽ để chuyển nhượng toàn bộ Tài sản theo Phụ lục 01 Hợp đồng này
- 9.2. Các Bên có thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng này (trong trường hợp này, Hợp Đồng này sẽ chấm dứt theo thỏa thuận chấm dứt đó);
- 9.3. Một Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng do vi phạm của Bên còn lại.

Nếu một trong Hai Bên vi phạm Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trước trước ít nhất 05 (năm) ngày tính đến thời điểm chấm dứt. Trong trường hợp này, Bên bị vi phạm có quyền thực hiện Điều 8.2 Hợp đồng này.

ĐIỀU 10. BẢO MẬT

- 10.1. Các Bên sẽ bảo mật và không tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp Đồng này và thông tin mà Các Bên nhận được trong quá trình thực hiện Hợp Đồng và sau khi Hợp Đồng chấm dứt ngoại trừ:
 - (a) Theo yêu cầu của luật pháp Việt Nam hoặc do yêu cầu của một cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền;
 - (b) Theo thỏa thuận giữa Hai Bên.
- 10.2. Hai Bên cam kết không sử dụng thông tin được cung cấp bởi Bên còn lại cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này, trừ trường hợp Hai Bên có thỏa thuận khác.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 11.1. Hợp Đồng này được điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
- 11.2. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một Bên vi phạm Hợp Đồng thì Hai Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Trường hợp không thương lượng được, Hai Bên thống nhất sẽ đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Thành phố Hải Phòng. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà Hai Bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do Bên vi phạm chịu.
- 11.3. Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này chỉ có hiệu lực khi được Hai Bên thống nhất và lập thành văn bản.
- 11.4. Tất cả các thông báo, yêu cầu hoặc trao đổi liên lạc liên quan đến Hợp Đồng này và các Phụ lục Hợp Đồng (nếu có) giữa Hai Bên ("**Thông Báo**") phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và được gửi đến địa chỉ của Các Bên như đã nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này.

- 11.5. Không Bên nào được quyền chuyển nhượng, chuyển giao Hợp Đồng này hay quyền, nghĩa vụ liên quan đến Hợp Đồng này cho bất kỳ Bên Thứ Ba nào khi chưa được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại.
- 11.6. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, và được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

Với sự hiểu biết và tin cậy, tại đây, đại diện hợp pháp của Các Bên đã tiến hành ký kết Hợp Đồng này vào ngày, tháng, năm được ghi ở phần đầu tiên của Hợp Đồng.



ĐẠI DIỆN BÊN A

[Handwritten signature]
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Hữu Cường

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

[Handwritten signature]
Đông Trung Hải

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC TÀI SẢN VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN NHƯỢNG BÁN

STT	Loại phương tiện	Số lượng (phương tiện)	Giá trị (VNĐ)	Tài liệu kèm theo
I	SƠ MI RƠ MOOC TẢI (CHỖ CONTAINER)	123	11.200.000.000	
1	Sơ mi rơ mooc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: CIMC. Năm sản xuất: 2009. Xuất xứ: Trung Quốc.	3	90.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
2	Sơ mi rơ mooc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: JUPITER. Năm sản xuất: 2008. Xuất xứ: Trung Quốc.	2	60.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
3	Sơ mi rơ mooc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: JUPITER. Năm sản xuất: 2010. Xuất xứ: Trung Quốc.	2	80.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
4	Sơ mi rơ mooc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: MINGWEI. Năm sản xuất: 2010. Xuất xứ: Trung Quốc.	2	80.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
5	Sơ mi rơ mooc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: CIMC. Năm sản xuất: 2012. Xuất xứ: Trung Quốc.	7	350.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc, sơ mi rơ mooc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

6	Sơ mi rơ moóc tái (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: CHIENYOU. Năm sản xuất: 2013. Xuất xứ: Việt Nam	1	55.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, semi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
7	Sơ mi rơ moóc tái (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: Hoàng Sa. Năm sản xuất: 2015. Xuất xứ: Việt Nam.	2	120.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, semi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
8	Sơ mi rơ moóc tái (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: Hoàng Sa. Năm sản xuất: 2016. Xuất xứ: Việt Nam	1	60.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, semi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
9	Sơ mi rơ moóc tái (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: KCT. Năm sản xuất: 2016. Xuất xứ: Việt Nam	12	720.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, semi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
10	Sơ mi rơ moóc tái (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: Trường Sa. Năm sản xuất: 2015. Xuất xứ: Việt Nam.	7	420.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, semi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
11	Sơ mi rơ moóc tái (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: KCT. Năm sản xuất: 2017. Xuất xứ: Việt Nam.	14	980.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, semi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

12	Sơ mi rơ moóc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: KCT. Năm sản xuất: 2018. Xuất xứ: Việt Nam.	14	1.120.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, somi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
13	Sơ mi rơ moóc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: KCT. Năm sản xuất: 2019. Xuất xứ: Việt Nam.	31	2.790.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, somi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
14	Sơ mi rơ moóc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: XINHONGDONG. Năm sản xuất: 2019. Xuất xứ: Trung Quốc.	10	900.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, somi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
15	Sơ mi rơ moóc tải (chở Container) đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: CIMC. Năm sản xuất: 2021. Xuất xứ: Trung Quốc.	15	3.375.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc, somi rơ moóc. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
II	XE Ô TÔ ĐẦU KÉO	123	37.800.000.000	
1	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: Freightliner. Xuất xứ: Mỹ. Năm sản xuất: 2005	4	200.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
2	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: Freightliner. Xuất xứ: Mỹ. Năm sản xuất: 2006	2	140.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

3	<p>Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng.</p> <p>Nhãn hiệu: Freightliner.</p> <p>Xuất xứ: Mỹ.</p> <p>Năm sản xuất: 2007</p>	21	1.890.000.000	<p>- Giấy chứng nhận đăng ký xe.</p> <p>- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</p>
4	<p>Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng.</p> <p>Nhãn hiệu: Freightliner.</p> <p>Xuất xứ: Mỹ.</p> <p>Năm sản xuất: 2008</p>	5	600.000.000	<p>- Giấy chứng nhận đăng ký xe.</p> <p>- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</p>
5	<p>Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng.</p> <p>Nhãn hiệu: International.</p> <p>Xuất xứ: Mexico.</p> <p>Năm sản xuất: 2010.</p>	8	1.200.000.000	<p>- Giấy chứng nhận đăng ký xe.</p> <p>- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</p>
6	<p>Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng.</p> <p>Nhãn hiệu: International.</p> <p>Xuất xứ: Mexico.</p> <p>Năm sản xuất: 2012</p>	15	2.850.000.000	<p>- Giấy chứng nhận đăng ký xe.</p> <p>- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</p>
7	<p>Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng.</p> <p>Nhãn hiệu: Freightliner.</p> <p>Năm sản xuất: 2012.</p> <p>Xuất xứ: Mỹ</p>	3	570.000.000	<p>- Giấy chứng nhận đăng ký xe.</p> <p>- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</p>
8	<p>Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng.</p> <p>Nhãn hiệu: International.</p> <p>Xuất xứ: Mexico.</p> <p>Năm sản xuất: 2013.</p>	25	5.750.000.000	<p>- Giấy chứng nhận đăng ký xe.</p> <p>- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</p>

9	Xe Terberg Terminal Tractor đã qua sử dụng. Năm sản xuất: 2017. Xuất xứ: Malaysia.	5	1.500.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
10	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng. Nhãn hiệu: International. Xuất xứ: Mexico. Năm sản xuất: 2014	20	5.400.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
11	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Freightliner Năm sản xuất: 2016 Xuất xứ: Mỹ	4	4.720.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
12	Xe ô tô đầu kéo đã qua sử dụng Nhãn hiệu: Freightliner Năm sản xuất: 2016 Xuất xứ: Mexico	11	12.980.000.000	- Giấy chứng nhận đăng ký xe. - Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
Tổng Giá trị			49.000.000.000	